

Kế hoạch tái định cư (Dự thảo cuối cùng)

Kế hoạch tái định cư
Tính chất tài liệu: Dự thảo cuối cùng
Số dự án: TA 4976-VIE
Tháng 9-2008

Việt Nam: Dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội
thành phố Thanh Hóa
(Đồng tài trợ: Chính phủ Hàn Quốc)

Người chuẩn bị: Tư vấn PPTA

Báo cáo tóm tắt đánh giá môi trường sơ khởi này là tài liệu của bên vay. Những quan điểm nêu ở đây không nhất thiết thể hiện quan điểm của Ban Giám đốc, Ban Quản lý hoặc cán bộ của ADB, và có thể mới ở mức sơ lược.

Mục lục

Tóm tắt.....	1
I. GIỚI THIỆU	4
A. CƠ SỞ CỦA DỰ ÁN.....	4
B. CÁC HỢP PHẦN DỰ ÁN.....	4
II. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LÝ	5
C. Luật và quy định liên quan của Việt Nam	6
D. Chính sách của ADB về tái định cư bắt buộc và các chính sách liên quan khác.....	6
III. CÁC CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN.....	7
A. Các mục tiêu và nguyên tắc	7
B. Điều hòa mâu thuẫn trong chính sách tái định cư bắt buộc của ADB và Chính phủ	9
C. HẠN CHÓT TÍNH ĐÈN BÙ VÀ QUYỀN NHẬN ĐÈN BÙ.....	11
D. Nguyên tắc về chi phí thay thế.....	11
IV. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THU HỒI ĐẤT VÀ TÁI ĐỊNH CƯ	12
A. Phương pháp tiến hành	12
B. Phạm vi tác động của việc thu hồi đất và tái định cư	12
C. Tác động tới đất canh tác và đất thổ cư.....	12
D. Tác động tới hộ gia đình	13
E. Tác động tới công trình phụ.....	13
F. Tác động tới hoa màu.....	13
G. Năng suất bình quân trên đất và mức độ ảnh hưởng.....	14
H. Tác động tới các cơ quan/tổ chức	14
V. CÁC QUYỀN LỢI TRONG DỰ ÁN	15
VI. THÔNG TIN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	17
A. Điều kiện kinh tế - xã hội của các hộ bị ảnh hưởng.....	18
B. Điều kiện kinh tế - xã hội của các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ.....	20
C. Các hộ dễ bị tổn thương khác	23
VII. THAM VẤN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	23
VIII. CẬP NHẬT VÀ THỰC THI RP	26
A. Tiến hành khảo sát đo đạc chi tiết.....	26
B. Điều tra về chi phí thay thế do đơn vị thẩm định giá độc lập tiến hành	27
C. Tham vấn và công bố thông tin.....	27
D. Di dời hộ gia đình	27
E. Các biện pháp phục hồi thu nhập.....	28
F. Chiến lược giới	30
G. Tập trung vào các hộ bị tổn thương	30
H. Giám sát bên trong	31
I. Giám sát bên ngoài.....	31
I. Tổ chức thực hiện và nâng cao năng lực	33
J. Cơ chế giải quyết khiếu kiện.....	36
K. Nguồn vốn và chi phí ước tính cho kế hoạch tái định cư	37
L. Kế hoạch thực hiện	41

Bảng

Bảng 1: Khác biệt giữa luật pháp trong nước và chính sách của ADB	10
Bảng 2: Phân bố số người bị ảnh hưởng theo các cấu phần dự án	12
Bảng 3: Tóm tắt việc thu hồi đất	12
Bảng 4 : Hộ gia đình bị ảnh hưởng	13
Bảng 5: Ma trận quyền lợi	15
Bảng 6: Số thành viên của hộ bị ảnh hưởng	18
Bảng 7: Trình độ học vấn của các chủ hộ	18
Bảng 8: Thu nhập hàng tháng của các hộ, theo cấu phần dự án	19
Bảng 9: Thu nhập của hộ gia đình	19
Bảng 10: Nhà vệ sinh của các hộ gia đình	20
Bảng 11: Sở hữu phương tiện giao thông	20
Bảng 12: Số hộ và nhân khẩu (phân theo giới)	21
Bảng 13: Trình độ học vấn của các chủ hộ là nữ	21
Bảng 14: Nghề nghiệp của các thành viên nữ trong độ tuổi lao động	22
Bảng 15: Hộ gia đình do phụ nữ làm chủ thuộc nhóm dễ bị tổn thương	22
Bảng 16: Các hộ dễ bị tổn thương khác	23
Bảng 17: Hợp cộng đồng	24
Bảng 18: Giá trị đất thổ cư ở các xã phường bị ảnh hưởng	39
Bảng 19: Tóm tắt ngân sách cho việc cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư	40
Bảng 20: Kế hoạch thực hiện	41

Phụ lục:

- Phụ lục 1: Mẫu Khảo sát đo đạc chi tiết
- Phụ lục 2: Điều khoản tham chiếu cho Nghiên cứu chi phí thay thế (dự thảo)
- Phụ lục 3: Tài khoản tạm ứng cấp 2 (SGIA) - Các tài liệu yêu cầu
- Phụ lục 4: Cơ sở dữ liệu IOL
- Phụ lục 5: Biên bản tham vấn cộng đồng

CHUYỂN ĐỔI TIỀN TỆ
(Thời điểm tháng 1-2008)

Đơn vị tiền tệ – Đồng Việt Nam (VND)
 - Đôla Mỹ (\$)

\$1.00 = VND16,000

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ADB	-	Ngân hàng phát triển châu Á
AP	-	Người bị ảnh hưởng
DMS	-	Khảo sát đo đạc chi tiết
EA	-	Cơ quan chủ quản
EMA	-	Cơ quan giám sát bên ngoài
GOV	-	Chính phủ Việt Nam
IOL	-	Khảo sát kiểm kê thiệt hại
LARU	-	Ban tái định cư và giải phóng mặt bằng
LURC	-	Chứng nhận quyền sử dụng đất
MOF	-	Bộ Tài chính
MOLISA	-	Bộ Lao động, thương binh và xã hội
MONRE	-	Bộ Tài nguyên – môi trường
MARD	-	Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn
MOT	-	Bộ Giao thông
PIU	-	Ban thực thi dự án
PC	-	Ủy ban nhân dân (Tỉnh/thành phố/xã phường)
PPMU	-	Ban quản lý dự án tỉnh
RCS	-	Khảo sát giá thay thế
ROW	-	Đất bị thu hồi
RP	-	Kế hoạch tái định cư
SES	-	Khảo sát kinh tế - xã hội
VND	-	Đồng Việt Nam

Định nghĩa các thuật ngữ

Người bị ảnh hưởng (AP)	- Bao gồm mọi cá nhân, hộ gia đình, công ty hoặc các cơ sở nhà nước/tư nhân mà, vì những thay đổi do Dự án mang lại, sẽ có: (i) mức sống bị ảnh hưởng tiêu cực; (ii) quyền và lợi ích đối với nhà cửa, đất đai (gồm cả đất thổ cư, đất thương mại, đất nông nghiệp, đất rừng và/hoặc đất chăn thả gia súc), các nguồn nước hoặc bất kỳ tài sản lưu động hay cố định nào khác bị thu hồi, chiếm đoạt, hạn chế hoặc bị ảnh hưởng nghiêm trọng một phần hay toàn bộ, vĩnh viễn hay tạm thời; và/hoặc (iii) hoạt động kinh doanh, nghề nghiệp, nơi làm việc hoặc nơi ở hay nơi cư trú bị ảnh hưởng tiêu cực, kể cả khi có hoặc không có việc di dời. Trong trường hợp hộ gia đình bị ảnh hưởng, nó sẽ bao gồm tất cả các thành viên cùng chung sống dưới một mái nhà và hoạt động như một đơn vị kinh tế đơn nhất, những người bị ảnh hưởng tiêu cực bởi Dự án hoặc các hợp phần của Dự án.
Ngày chốt để tính đền bù	- Là ngày mà việc sử dụng hoặc chiếm hữu đất đai thuộc khu vực dự án kể từ đó trở về trước khiến cho người sử dụng/chiếm hữu được công nhận là người bị ảnh hưởng bởi dự án. Những người không có tên trong điều tra khảo sát sẽ không được quyền nhận đền bù và các quyền lợi khác, trừ phi họ có thể chứng minh rằng (i) họ đã vô tình bị bỏ sót khi tiến hành điều tra và khảo sát kiểm kê thiệt hại; hoặc (ii) họ đã chiếm hữu đất đai hợp pháp sau khi hoàn thành điều tra và IOL, nhưng trước khi tiến hành khảo sát đo đạc chi tiết (DMS).
Khảo sát đo đạc chi tiết (DMS)	- Sau khi đã có thiết kế kỹ thuật chi tiết được thông qua, hoạt động này sẽ mang tính chất hoàn tất và/hoặc hợp pháp hóa kết quả của khảo sát kiểm kê thiệt hại, mức độ nghiêm trọng của ảnh hưởng, và danh sách những người bị ảnh hưởng đã được chuẩn bị trước đó trong quá trình khảo sát đo đạc chi tiết
Các quyền lợi đền bù	- Chỉ một loạt các biện pháp bao gồm đền bù, hỗ trợ phục hồi thu nhập, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, thay thế nguồn thu nhập, hỗ trợ di dời, v.v. được dành cho những người bị ảnh hưởng bởi dự án, tùy thuộc vào mức độ và loại hình thiệt hại, nhằm giúp họ phục hồi thu nhập và điều kiện sinh sống của mình.
Cộng đồng đón tiếp	- Chỉ cộng đồng đang hiện diện tại khu vực tái định cư hoặc địa điểm di dời dự kiến.
Phục hồi thu nhập	- Thiết lập lại nguồn thu nhập và sinh kế của các hộ gia đình bị ảnh hưởng
Khảo sát kiểm kê thiệt hại (IOL)	- Là quá trình trong đó tất cả tài sản cố định (có nghĩa là đất dành cho các mục đích ở, thương mại, nông nghiệp, gồm cả ao hồ; đất nhậy dừ; cửa hàng cửa hiệu; công trình phụ/hỗ trợ như hàng rào, giếng, mỏ má; cây cối có giá trị thương mại, v.v.) và nguồn thu nhập và sinh kế nằm trên diện tích đất bị thu hồi cho dự án được xác định, đo đạc, xác nhận chủ sở hữu, khoanh vùng địa điểm cụ thể, và tính toán mức chi phí thay thế. Ngoài ra, mức độ ảnh hưởng đối với các tài sản này cũng như đối với sinh kế và năng lực sản xuất của các AP sẽ được xác định.
Thu hồi đất	- Là quá trình trong đó một cá nhân, hộ gia đình, công ty hoặc cơ sở tư nhân bị một cơ quan nhà nước buộc chuyển giao một phần hoặc toàn bộ đất đai mà họ sở hữu hoặc chiếm hữu sang cho cơ quan nhà nước đó sử dụng hoặc chiếm hữu vì các mục đích công và được bồi thường với mức chi phí thay thế
Di dời	- Việc di chuyển một AP khỏi nơi ở và/hoặc cơ sở kinh doanh của ông/bà ta trước khi có dự án.
Nghiên cứu chi phí thay thế	- Là quá trình liên quan tới việc xác định các chi phí thay thế cho những tài sản bị hưởng dựa trên số liệu thực tế.
Các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng nề	- Là các hộ gia đình sẽ mất (i) nhiều hơn 10% tổng diện tích đất nông nghiệp mà họ nắm giữ; (ii) bị di chuyển; và (iii) hơn 10% tổng nguồn thu nhập do việc tiến hành Dự án.
Các nhóm dễ bị tác động	- Đó là các nhóm đối tượng đặc biệt có khả năng phải chịu tác động không tương xứng hoặc có nguy cơ bị bản cùng hóa hơn nữa do tác động của việc tái định cư, cụ thể bao gồm: (i) hộ gia đình do phụ nữ làm chủ có người phụ thuộc, (ii) hộ gia đình có người khuyết tật, (iii) hộ gia đình sống dưới ngưỡng nghèo khổ, (iv) hộ gia đình trẻ em và người cao tuổi mà không có đất đai và không có phương thức hỗ trợ nào khác, (v) hộ gia đình không có đất, và (vi) các nhóm thiểu số.

Tóm tắt

Giới thiệu. Dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hóa (THCCSDP, hoặc gọi tắt là Dự án) là một kế hoạch phát triển toàn diện thành phố Thanh Hóa, nhằm biến nơi đây trở thành một thành phố có tính cạnh tranh, năng động và phát triển bền vững, tạo động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Dự án gồm năm hợp phần, cụ thể như sau: (i) phát triển đường đô thị; (ii) mở rộng và cải tạo hệ thống cấp nước; (iii) thoát nước và xử lý nước thải; (iv) phát triển nguồn nhân lực; và (v) phát triển du lịch. Bốn trong số năm hợp phần có các cấu phần nhỏ đòi hỏi phải thu hồi đất đai đã được xác định trong giai đoạn hỗ trợ kỹ thuật, bao gồm: (i) xây dựng đường vành đai và các đường nối ở ven đô trong hợp phần về đường giao thông; (ii) hồ điều hòa (xử lý nước thải) trong hợp phần thoát nước và xử lý nước thải; (iii) mở rộng và nâng cấp Trường Cao đẳng nghề công nghiệp Thanh Hóa trong hợp phần phát triển nguồn nhân lực; và (iv) xây dựng Trung tâm thông tin tại Hàm Rồng và cải tạo hai bên bờ sông nhà Lê trong hợp phần phát triển du lịch.

Phạm vi thu hồi đất và tác động do tái định cư. Ước tính có khoảng 49,5 ha đất sẽ bị thu hồi vĩnh viễn cho dự án này. Hầu hết đất đai phải thu hồi thuộc diện đất nông nghiệp (48,1 ha), phần còn lại (0,4 ha) là đất ở và đất thuộc sở hữu nhà nước (0,9 ha).

Thông qua khảo sát kiểm kê thiệt hại (IOL), tổng số người bị ảnh hưởng từ dự án được xác định là 734 người. Trong đó có 725 đối tượng là hộ gia đình, 9 cơ quan đơn vị và các phường xã. Ước tính có 369 hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng nề do: (i) mất từ 10% tư liệu sản xuất (đất canh tác) trở lên và (ii) phải di chuyển nơi ở (21 hộ).

Bảng ES-1: Số người bị ảnh hưởng bởi dự án

Các cấu phần	Diện tích đất thu hồi (ha)	Người bị ảnh hưởng		
		Cơ quan	Hộ gia đình	Tổng
Đường vành đai và đường nối	14,1	4	326	330
Hồ xử lý nước thải	20,0	1	179	180
Trường Cao đẳng nghề công nghiệp	7,5	-	161	161
Trung tâm thông tin và cải tạo sông nhà Lê	7,8	4	59	63
Total	49,4	9	725	734

Khung chính sách và pháp lý. Khung pháp lý và chính sách cho việc đền bù, tái định cư và phục hồi trong Dự án này được xác định bằng các luật, nghị định và sắc lệnh liên quan của Chính phủ Việt Nam (GOV) và các chính sách của ADB. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa chính sách, quy định và luật lệ của Bên đi vay (chính phủ Việt Nam) và chính sách của ADB, chính sách của ADB sẽ được ưu tiên áp dụng, theo như quy định trong Nghị định số 131/2006/NĐ-CP rằng trong trường hợp “điều ước quốc tế về ODA mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó” (Điều 2, Mục 5).

Mục tiêu dự án, chính sách đền bù và xác định quyền lợi. Mục tiêu tổng thể của chính sách đền bù và xác định quyền lợi của Dự án là nhằm đảm bảo rằng tất cả những người bị ảnh hưởng bởi Dự án đều có thể khôi phục điều kiện sống của họ như trước khi có dự án, trong khi các hộ gia đình nghèo và dễ bị tác động có thể cải thiện điều kiện sống và khả năng tạo thu nhập của họ so với trước khi có dự án thông qua đền bù cho các thiệt hại về tài sản vật chất và phi vật chất, cũng như các biện pháp hỗ trợ và phục hồi khác theo yêu cầu. Việc đền bù sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc chi phí thay thế, trong khi các hình thức hỗ trợ bổ sung bằng tiền hoặc bằng hiện vật cũng sẽ được cung cấp tùy thuộc vào mức độ ảnh hưởng. Các biện pháp hoặc chương trình khôi phục thu nhập đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng nề và dễ bị tác động sẽ được xây dựng và thực thi với sự tham vấn các AP trong quá trình cập nhật Kế hoạch tái định cư này.

Tham vấn và công bố thông tin. Trước khi tiến hành khảo sát kinh tế - xã hội (SES) và IOL, những người bị ảnh hưởng đã được thông tin về Dự án đề xuất, các tác động tiềm tàng, hoạt động chuẩn bị Kế hoạch tái định cư, các quyền lợi đền bù của Dự án (ví dụ như thanh toán đền bù sẽ dựa trên chi phí thay thế) và kế hoạch thực hiện. Trang thông tin dự

án (PIS) bằng tiếng Việt đã được phân phát cho các xã/phường và người bị ảnh hưởng trong tháng 7-2008. Các cuộc gặp gỡ cũng đã được tổ chức và sẽ được tiếp tục trong quá trình cập nhật RP để các AP nắm được những thông tin bổ sung về Dự án và tạo cơ hội thảo luận công khai về các chính sách và quy trình tái định cư.

Các vấn đề về người thiểu số, khả năng dễ bị tác động và giới. Tất cả các hộ bị ảnh hưởng đều là người Kinh. Theo số liệu thống kê thì có 112 hộ gia đình được xếp vào nhóm các đối tượng dễ bị tác động do chủ hộ hoặc các thành viên trong hộ gia đình rơi vào một trong các loại hình tổn thương như sau: chủ hộ là phụ nữ, chủ hộ là người già, hộ nghèo theo tiêu chí xếp loại của Bộ Lao động, thương binh và xã hội (MOLISA). Các đối tượng/hộ gia đình bị tổn thương này sẽ được tham gia vào chương trình/biện pháp khôi phục thu nhập của dự án. Trong quá trình cập nhật và thực thi Kế hoạch tái định cư, các đối tượng trên sẽ được bố trí gặp mặt riêng nhằm xác định và đáp ứng những nhu cầu và quan ngại cụ thể của họ, đồng thời đảm bảo rằng việc phục hồi hoặc cải thiện các điều kiện kinh tế - xã hội của họ sẽ được giám sát thận trọng.

Tổ chức thực thi. Cơ quan chủ quản (EA) của Dự án sẽ là Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (THPPC), thông qua Ban quản lý dự án tỉnh (PPMU), bao gồm cả thực thi Kế hoạch tái định cư, với sự hỗ trợ của năm Ban thực thi dự án (PIU). Các cơ quan này sẽ được sự hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố Thanh Hóa, Ủy ban nhân dân các xã/phường, Ban tái định cư thành phố, và các chuyên gia tư vấn trong quá trình cập nhật, thực thi và giám sát Kế hoạch tái định cư.

Cơ chế giải quyết khiếu kiện. Một cơ chế giải quyết khiếu kiện rành mạch sẽ được thiết lập để giải quyết những khiếu kiện và thắc mắc của người bị ảnh hưởng liên quan tới thu hồi đất, đền bù và tái định cư một cách kịp thời và thỏa đáng. Người bị ảnh hưởng được quyền khiếu nại liên quan tới tất cả các khía cạnh của yêu cầu thu hồi đất và tái định cư: chính sách đền bù, quyền lợi được hưởng, mức đền bù và việc thanh toán; và các chiến lược cũng như quy trình thủ tục đối với việc tái định cư và các chương trình hỗ trợ phục hồi. Một quy trình giải quyết khiếu kiện gồm bốn giai đoạn sẽ được nêu rõ trong báo cáo chính.

Giám sát. PPMU và PIUs sẽ tiến hành thường xuyên các hoạt động giám sát và hàng quý sẽ trình báo cáo tiến độ thực hiện lên ADB. Hơn nữa, một cơ quan giám sát bên ngoài sẽ tham gia thẩm định và đánh giá một cách độc lập việc cập nhật và triển khai Kế hoạch tái định cư. Cơ quan giám sát bên ngoài này sẽ được tuyển dụng trước khi tiến hành khảo sát đo đạc chi tiết. Các báo cáo giám sát của cơ quan này sẽ được đệ trình lên PPMU và ADB theo định kỳ hàng quý.

Ngân sách tái định cư. Tổng ngân sách để cập nhật và thực thi RP là 4,8 triệu đôla Mỹ. Khoản tiền này bao gồm tiền đền bù và hỗ trợ, thiết kế và triển khai thực hiện các chương trình/biện pháp phục hồi thu nhập, chi phí quản lý và dự phòng. Do chi phí thu hồi đất và đền bù sẽ được tài trợ từ vốn vay, nên theo Sổ tay hướng dẫn giải ngân của ADB, Ban tái định cư thành phố Thanh Hóa sẽ lập một Tài khoản tạm ứng cấp 2 (SGIA) tại một ngân hàng thương mại được sự chấp thuận của Chính phủ và ADB. Chỉ PPMU mới có quyền hạn trong việc sử dụng các SGIA để thực hiện các khoản chi trả sau: (i) cho các AP để đền bù cho đất đai và các tài sản khác bị thu hồi trong quá trình xây dựng các hợp phần; (ii) cho các AP để đền bù và hỗ trợ tái định cư như nêu trong Kế hoạch tái định cư cập nhật đã được phê duyệt; (iii) xây dựng khu tái định cư và thực hiện các chương trình/biện pháp khôi phục thu nhập; và (iv) các chi phí hành chính của Ban tái định cư thành phố trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch tái định cư cập nhật đã được phê duyệt.

Một đơn vị tư vấn thẩm định đủ năng lực sẽ được thuê để khảo sát chi phí thay thế đối với đất đai và các tài sản gắn với đất đai trong quá trình cập nhật kế hoạch tái định cư. PPMU và Ban tái định cư thành phố sẽ áp dụng mức giá do tư vấn thẩm định xây dựng đưa ra làm cơ sở để chi trả đền bù. PPMU và Ban tái định cư thành phố, với sự hỗ trợ của các tư vấn giám sát dự án, sẽ thiết lập một hệ thống theo dõi để bảo đảm rằng việc chi trả ngân quỹ được tiến hành minh bạch, hiệu quả và đầy đủ; việc giám sát đã được thực hiện; và đáp ứng các yêu cầu nộp báo cáo kiểm toán tái định cư đúng thời hạn. Cán bộ của ADB có

quyền tiến hành các cuộc kiểm tra điểm hoặc kiểm tra ngẫu nhiên các khoản chi từ Tài khoản tạm ứng cấp 2. Các báo cáo kiểm toán và báo cáo tài chính cũng sẽ được chuẩn bị và chuyển cho đơn vị giám sát bên ngoài.

Kế hoạch triển khai. Kế hoạch tái định cư sẽ được cập nhật theo thiết kế chi tiết. Mọi hoạt động liên quan đến tái định cư sẽ được phối hợp cùng với kế hoạch triển khai các công tác xây dựng. Việc thu hồi đất và di dời các hộ gia đình bị ảnh hưởng sẽ chỉ được thực hiện khi bản kế hoạch tái định cư cập nhật đã được ADB xem xét và thông qua. PPMU sẽ không cho phép tiến hành các hoạt động xây lắp tại các địa điểm cụ thể cho đến khi các hoạt động tái định cư đã được thực hiện thỏa đáng, các chương trình hỗ trợ phục hồi theo thỏa thuận đã được thiết lập, và khu vực dành cho các công trình xây dựng không còn tranh chấp gì.

Bảng ES-2: Kế hoạch triển khai

Các hoạt động	Thời gian biểu
Chuẩn bị kế hoạch tái định cư	Từ tháng 6 đến tháng 8-2008
Trình ADB phê duyệt dự thảo kế hoạch tái định cư	Tháng 8-2008
Cập nhật kế hoạch tái định cư	Tháng 7-2009 đến tháng 12-2009
Trình kế hoạch tái định cư cập nhật lên ADB phê duyệt	Tháng 9-2009 đến tháng 1-2010
Triển khai thực hiện RP cập nhật được phê duyệt	Tháng 9-2009 đến tháng 7-2010
Giám sát nội bộ (nộp báo cáo tiến độ hàng quý)	Tháng 7-2009 trở đi
Giám sát bên ngoài (không liên tục)	Tháng 7-2009 trở đi
Khởi công xây dựng (theo tiến độ hoàn thành kế hoạch tái định cư)**	Tháng 11-2009 trở đi

* Việc cập nhật Kế hoạch tái định cư có thể được tiến hành theo từng hợp phần, phụ thuộc vào việc hoàn tất thiết kế chi tiết.

** Đền bù, giải phóng mặt bằng, và di dời nhà ở đã được hoàn tất, nhưng chương trình phục hồi thu nhập có thể vẫn đang được tiến hành.

Công bố các tài liệu giám sát và lập kế hoạch tái định cư. Các thông tin chủ yếu trong bản dự thảo Kế hoạch tái định cư sẽ được công bố cho các AP vào cuối tháng 8-2008 thông qua việc phân phát các Trang thông tin công cộng được dịch sang tiếng Việt. Tương tự, các bản sao Kế hoạch tái định cư bằng tiếng Việt cũng sẽ được lưu tại các cơ quan của tỉnh/thành phố/xã phường. Dự thảo Kế hoạch tái định cư cũng sẽ được cập nhật lên trang web của ADB. Sau khi thiết kế chi tiết, dự thảo và bản Kế hoạch tái định cư cập nhật cuối cùng sẽ được công bố cho các AP và sẽ được đăng tải trên trang web của ADB.

I. GIỚI THIỆU

A. CƠ SỞ CỦA DỰ ÁN

1. Dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hóa (THCSEDP, hoặc gọi tắt là Dự án) là một kế hoạch phát triển toàn diện thành phố Thanh Hóa, nhằm biến nơi đây trở thành một thành phố có tính cạnh tranh, năng động và phát triển bền vững, tạo động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Dự án sẽ được sử dụng như một bước tạo đà cho thành phố Thanh Hóa trở thành đô thị loại I vào năm 2015. Để trở thành đô thị loại I, đòi hỏi thành phố phải đáp ứng một số tiêu chuẩn nhất định, và đó là cơ sở biện minh cho việc tiến hành một dự án toàn diện và nhất quán trên nhiều lĩnh vực nhằm tạo ra một môi trường phù hợp tại thành phố Thanh Hóa cho phép sự “cất cánh” của thành phố, ví dụ như phát triển công nghiệp và dịch vụ, và góp phần xây dựng một “xương sống” vững chắc gồm các thành phố trung gian đóng vai trò quan trọng trong vùng cũng như trên phạm vi toàn quốc. Để có thể đạt được mục tiêu trở thành đô thị loại I, các vấn đề phải xem xét bao gồm tốc độ tăng trưởng dân số đô thị, việc thu hút và hòa nhập số dân nông thôn, và tạo công ăn việc làm, tất cả các yếu tố này đều là thiết yếu cho công cuộc giảm nghèo đói. Dự án cũng nhằm tạo ra một mô hình can thiệp điển hình có thể được áp dụng ở các thành phố quy mô vừa khác ở Việt Nam.

2. Tác động tổng thể dự kiến của Dự án này là biến thành phố Thanh Hóa trở thành một thành phố cạnh tranh, vững mạnh, năng động và bền vững, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh Thanh Hóa. Dự án này được đưa vào Thỏa thuận giảm nghèo với Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) ngày 25-2-2002 và trong Kế hoạch hoạt động quốc gia giai đoạn 2008-2010 của ADB.

B. CÁC HỢP PHẦN DỰ ÁN

3. Dự án này có năm hợp phần, bao gồm: (i) phát triển đường đô thị; (ii) mở rộng và cải tạo hệ thống cấp nước; (iii) thoát nước và xử lý nước thải; (iv) phát triển nguồn nhân lực; và (v) phát triển du lịch.

- a) Hợp phần Phát triển đường đô thị sẽ tạo ra một giai đoạn phát triển trung gian cho phép hòa nhập các hoạt động tại những khu vực dự kiến sẽ được sáp nhập vào thành phố trong tương lai, thông qua việc xây dựng tuyến đường vành đai phía đông và phía tây được thiết kế như đường phố nội bộ.

Hợp phần này bao gồm xây dựng hệ thống đường vành đai dự kiến và các đường nối. Đây sẽ là một tuyến đường mới ở thành phố Thanh Hóa, với tổng chiều dài 11,8km. Độ rộng thiết kế mặt đường là 23m, nhưng một số đoạn sẽ mở rộng tới 26m do phải củng cố nền đường, đặc biệt là khu vực đất nông nghiệp nơi mặt đường sẽ được nâng cao. Lòng đường rộng 12m, kênh thủy lợi mỗi bên rộng 1,5m, vai đường mỗi bên rộng 2,5m và vỉa hè mỗi bên rộng 1,5m.

Trong hạng mục đường này cũng sẽ bao gồm cả các hạ tầng kỹ thuật đồng bộ đi kèm khác như: thoát nước, cấp điện, điện chiếu sáng, liên lạc viễn thông. Do hợp phần cấp nước sẽ được thực hiện riêng, nên trong hợp phần đường này sẽ bao gồm việc xây dựng: (i) 20,2 km đường cống thoát nước và 11,2km đường ống cấp điện và viễn thông.

Hợp phần này sẽ đi qua khu vực đất nông nghiệp và một phần đất thổ cư thuộc hai phường và ba xã, cụ thể: (a) phường Tân Sơn, (b) xã Quảng Thịnh, (c) phường Đông Vệ, (d) xã Quảng Thành, và (e) xã Quảng Thắng. Nó sẽ nối với Quốc lộ 47 tại

hai điểm: điểm thứ nhất là phía đông nam tại phường Đông Sơn, điểm còn lại ở phía đông bắc tại phường Tân Sơn; và sẽ cắt ngang qua quốc lộ 1A tại phường Đông Vệ ở phía đông nam. Hành lang ảnh hưởng (COI) được sử dụng là 23,5m. Khoảng 7m ở mỗi bên lề đường dự kiến tính từ ranh giới của hành lang ảnh hưởng sẽ được tính dự phòng cho diện tích đất tạm thời cần sử dụng để di chuyển máy móc và trang thiết bị nặng trong suốt quá trình xây dựng. Diện tích này chưa bao gồm đất mượn để làm trạm tập kết trang thiết bị máy móc và lán trại cho công nhân và kỹ sư

- b) Hợp phần mở rộng và cải tạo hệ thống cấp nước sẽ bao gồm (a) thay thế khoảng 18,7km đường ống cũ đã bị rò rỉ hoặc hư hỏng ở trung tâm thành phố và (b) mở rộng hệ thống cấp nước dọc theo các tuyến đường vành đai dự kiến trong hợp phần đường giao thông (18,5km) để phục vụ cho dân cư của các làng mạc hiện thời và số dân ước tính là 63.700 người vào năm 2025 nằm trong phạm vi ảnh hưởng của hợp phần đường giao thông.
- c) Hợp phần thoát nước và xử lý nước thải dự kiến hoàn tất Dự án cải thiện môi trường đô thị miền Trung (CRUEIP)¹ do ADB tài trợ hiện đang được tiến hành nhằm giảm tình trạng ngập lụt và thoát nước thải trong tám phường nội thành, và xây dựng 27,7km hệ thống ống cống và cống gom khu vực nội thành và 9,5 km đường ống cống bao và một hồ xử lý nước thải với công suất xử lý 15.000m³/ngày, với quy mô dự kiến cho cả những bộ phận dân cư ngoài khu vực bị ảnh hưởng.

Hợp phần này dự kiến sẽ thu hồi 20 ha đất tại khu vực xã Quảng Thịnh để xây dựng hồ điều hòa xử lý nước thải. Khu đất này nằm bên trong khu vực giữa quốc lộ 1A, quốc lộ 45, phía nam tuyến đường vành đai dự kiến và kênh Bắc.

- d) Hợp phần phát triển nguồn nhân lực bao gồm: (i) tăng cường kỹ năng và nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên và (ii) cải tạo và/hoặc xây mới cơ sở hạ tầng cho các trường/trung tâm dạy nghề.

Hợp phần này bao gồm việc mở rộng và nâng cấp Trường cao đẳng nghề công nghiệp Thanh Hóa tại xã Đông Cương thành một trường điểm, phù hợp với Chiến lược giáo dục của Chính phủ tới năm 2010. Sẽ tiến hành xây dựng khu ký túc xá sinh viên, khu văn phòng, xưởng dạy nghề ở Quảng Thắng và khu nhà đa năng

- e) Hợp phần phát triển du lịch sẽ hỗ trợ về mặt thể chế cho các cơ quan chức năng thành phố và tỉnh Thanh Hóa, các cơ sở đào tạo nghề thủ công mỹ nghệ và hiệp hội nghề thủ công mỹ nghệ. Ngoài ra, nó còn đầu tư (a) xây dựng Trung tâm thông tin thành phố Thanh Hóa, (b) cải tạo công viên trung tâm thành phố, (c) trang bị và xây dựng Vườn thực vật, và (d) cải tạo khu du lịch Mật Sơn.

Đầu tư vật chất cho hợp phần này bao gồm: (a) xây dựng một Trung tâm thông tin tại phường Hàm Rồng, và (b) cải tạo hai bờ sông nhà Lê và xây dựng công viên nghệ thuật nằm trong phần đất của phường Đông Vệ và xã Quảng Thắng.

II. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LÝ

4. Khung pháp lý và chính sách cho việc đền bù, tái định cư và phục hồi trong Dự án này được xác định bằng các luật, nghị định và sắc lệnh liên quan của Chính phủ Việt Nam (GOV) và các chính sách của ADB. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa chính sách, quy định và luật lệ của Bên đi vay (chính phủ Việt Nam) và chính sách của ADB, chính sách của

1. Dự án này được tiến hành theo gói vay ADB No. 2034 - VIE (SF)

ADB sẽ được ưu tiên áp dụng, theo như quy định trong Nghị định số 131/2006/NĐ-CP rằng trong trường hợp “điều ước quốc tế về ODA mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế đó” (Điều 2, Mục 5).

C. Luật và quy định liên quan của Việt Nam

5. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam (1992) khẳng định quyền của công dân được sở hữu và bảo vệ quyền sở hữu nhà cửa. Đồng thời, chính phủ cũng đã ban hành nhiều Luật, Nghị định và các qui định pháp lý khác làm để làm cơ sở trong việc hình thành các khung chính sách về thu hồi đất đai, đền bù và tái định cư. Trong số đó có Luật đất đai số 13/2003/QH11, đây là đạo luật toàn diện về quản lý đất đai của Việt Nam; Nghị định 197/2004/NĐ-CP, qui định về đền bù, khôi phục đời sống dân sinh và tái định cư trong trường hợp nhà nước tiến hành thu hồi đất của người dân, được chỉnh sửa bổ sung theo Nghị định số 17/2006/NĐ-CP; Nghị định 188/2004/NĐ-CP và Nghị định 123/2007/NĐ-CP, quy định cụ thể phương pháp áp giá đất và các khung giá đất trong trường hợp nhà nước tiến hành thu hồi đất để xây dựng các công trình. Đồng thời, Nghị định 84/2007/ND-CP cũng đã quy định về việc cấp chứng nhận quyền sử dụng đất (LURC), thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, qui trình thủ tục đền bù, các hỗ trợ trong trường hợp nhà nước thu hồi đất và cơ chế giải quyết khiếu kiện.

6. Các luật và quy định khác có liên quan đến quản lý, thu hồi đất đai và tái định cư bao gồm Luật xây dựng số 16/2003/QH11 quy định về đền bù và di chuyển các hộ dân bị ảnh hưởng do việc giải phóng mặt bằng để tiến hành xây dựng các công trình; Nghị định số 16/2005/NĐ-CP hướng dẫn thực hiện Luật xây dựng; Nghị định số 182/2004/NĐ-CP quy định cơ chế xử phạt các vi phạm trong quản lý đất đai; Nghị định 198/2004/NĐ-CP quy định thu phí sử dụng đất.

7. Các luật, nghị định và quyết định liên quan đến chính sách công bố thông tin bao gồm Luật đất đai số 13/2003/QH11, Điều 39, qui định việc công bố thông tin dự án tới những người bị ảnh hưởng trước khi tiến hành thu hồi đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp trong thời hạn tối thiểu tương ứng là 90 và 180 ngày, và Quyết định số 3037/QĐ-BGTVT năm 2003 về việc giao trách nhiệm cho Ban quản lý dự án (PMU) phối hợp với Ban giải phóng mặt bằng và đền bù công bố thông tin dự án trên các phương tiện thông tin đại chúng về các chính sách của dự án cũng như phạm vi giải phóng mặt bằng đến người dân địa phương, đặc biệt là đến các đối tượng bị ảnh hưởng.

8. Các nghị định, quy định liên quan đến việc bảo vệ, gìn giữ các giá trị văn hóa bao gồm Điều 25 của Nghị định 172/1999/NĐ-CP, quy định rằng các địa điểm hiện đang được công nhận là di sản văn hóa – lịch sử cần bảo tồn và nằm trong hành lang an toàn đường sông cần phải được giữ nguyên trạng theo quy định hiện hành.

D. Chính sách của ADB về tái định cư bắt buộc và các chính sách liên quan khác

9. Mục tiêu của Chính sách tái định cư bắt buộc của ADB (1995) là nhằm tránh hoặc giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến người dân, các hộ gia đình, doanh nghiệp và các đối tượng khác do bị thu hồi đất đai và tài sản, kể cả bị ảnh hưởng về đời sống và thu nhập. Đối với những nơi không thể tránh khỏi việc tái định cư, thì mục tiêu chung của ADB là phải đảm bảo khôi phục đời sống và thu nhập của những người bị ảnh hưởng tối thiểu là bằng mức sống trước khi thực hiện dự án bằng việc đền bù cho những tài sản bị mất mát với chi phí thay thế cũng như các hỗ trợ cần thiết khác. Chính sách này được hướng dẫn cụ thể trong Sổ tay hướng dẫn Tái định cư bắt buộc (2006). Sau đây là các nguyên tắc chủ đạo của ADB về tái định cư bắt buộc:

- a. Nên tránh việc tái định cư bắt buộc bất cứ khi nào có thể.

- b. Đối với những nơi không thể tránh được việc di dời chỗ ở của người dân thì phải cố gắng giảm thiểu bằng việc khai thác tất cả các phương án lựa chọn khả thi của dự án.
- c. Việc đền bù phải dựa trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc chi phí thay thế.
- d. Mỗi kế hoạch tái định cư không tự nguyện phải được dự tính và tiến hành như một phần của dự án hoặc chương trình phát triển
- e. Tất cả những người bị ảnh hưởng phải được thông tin đầy đủ và được tư vấn về đền bù hoặc các phương án lựa chọn tái định cư.
- f. Các tổ chức của những người bị ảnh hưởng và những nơi đón nhận họ cần phải được bảo vệ và hỗ trợ. Các đối tượng bị ảnh hưởng cần phải được hỗ trợ trong việc tái hòa nhập đời sống kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư nơi đón nhận người ảnh hưởng đến ở nhằm giảm tác động bất lợi đến cộng đồng dân cư nơi đón nhận người bị ảnh hưởng và thúc đẩy sự hòa nhập về mặt xã hội.
- g. Việc thiếu quyền pháp lý đối với các tài sản bị ảnh hưởng sẽ không cản trở những người bị ảnh hưởng được nhận đền bù và các biện pháp phục hồi theo chính sách của ADB.
- h. Việc xác định và lập danh sách các đối tượng bị ảnh hưởng phải được tiến hành càng sớm càng tốt để xác định quyền nhận đền bù của họ qua các cuộc khảo sát trước ngày chốt để tính đền bù, có thể ngay tại giai đoạn xác định dự án nhằm tránh hiện tượng có những người dân tranh thủ lợi từ các chính sách của dự án.
- i. Nhu cầu của những nhóm nghèo nhất và dễ bị ảnh hưởng với nguy cơ bản cùng hóa cao sẽ được chú trọng đặc biệt. Các nhóm này có thể bao gồm người không quyền pháp lý về đất đai hoặc tài sản khác, các hộ gia đình không có đất, các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ, người cao tuổi hoặc người khuyết tật và các nhóm dễ bị ảnh hưởng khác. Sự hỗ trợ phù hợp sẽ được dành cho các nhóm này để giúp họ cải thiện địa vị kinh tế - xã hội.
- j. Tất cả chi phí liên quan đến đền bù và tái định cư phải được thể hiện trong nội dung chi phí và lợi ích của dự án.
- k. Việc di chuyển chỗ ở và tái thiết đời sống người dân có thể phải tính đến việc sử dụng nguồn tài chính từ vốn vay ADB nếu được yêu cầu, nhằm đảm bảo tính kịp thời và sẵn có của nguồn vốn chi trả và đảm bảo tuân thủ qui trình thủ tục tái định cư bắt buộc trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

10. Các chính sách khác của ADB có liên quan đến lập và thực thi kế hoạch tái định cư bao gồm: (i) Chính sách về người bản địa; (ii) Chính sách về giới; (iii) Chính sách thông tin cộng đồng; và (iv) Cơ chế giải trình.

III. CÁC CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN

A. Các mục tiêu và nguyên tắc

11. Mục tiêu tổng thể của chính sách tái định cư là: (i) tránh, nếu không thì giảm thiểu, các tác động từ việc tái định cư; (ii) nếu không thể tránh được các tác động thì kế hoạch tái định cư phải được chuẩn bị theo hướng để những người bị ảnh hưởng không bị rơi vào tình trạng kém hơn; thay vào đó, họ phải có thể ít nhất là duy trì hoặc thậm chí cải thiện các điều kiện sống và khả năng tạo thu nhập như trước khi có dự án. Các nguyên tắc áp dụng trong dự án này được trình bày như sau:

- (i) Việc thu hồi đất đai và tài sản khác cũng như di dời đối với người bị ảnh hưởng sẽ được hạn chế ở mức thấp nhất thông qua việc cân nhắc tất cả các phương án khả thi.
- (ii) Tất cả những người bị ảnh hưởng đều được quyền đền bù với chi phí thay thế cho các tài sản, thu nhập và hoạt động kinh doanh bị tổn thất, bao gồm cả các thiệt hại hoặc tác động tạm thời.
- (iii) Hỗ trợ phục hồi sẽ được dành cho những người bị ảnh hưởng nghiêm trọng và các nhóm dễ bị ảnh hưởng khác để hỗ trợ họ cải thiện hoặc ít nhất là duy trì điều kiện sống, mức thu nhập và năng lực sản xuất như trước khi có dự án.
- (iv) Nhu cầu của những nhóm nghèo nhất và dễ bị ảnh hưởng với nguy cơ bản cùng hóa cao sẽ được chú trọng đặc biệt. Các nhóm này có thể bao gồm người không quyền pháp lý về đất đai hoặc tài sản khác, các hộ gia đình không có đất, các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ, người cao tuổi hoặc người khuyết tật và các nhóm dễ bị ảnh hưởng khác. Sự hỗ trợ phù hợp sẽ được dành cho các nhóm này để giúp họ cải thiện địa vị kinh tế - xã hội.
- (v) Những người bị ảnh hưởng chỉ mất một phần tài sản vật chất của họ sẽ không bị bỏ mặc với phần tài sản còn lại mà không đủ để duy trì điều kiện sống hiện thời. Diện tích tối thiểu có thể chấp nhận đối với đất đai và công trình còn lại sẽ được nhất trí trong quá trình lập Kế hoạch tái định cư.
- (vi) Việc thiếu quyền pháp lý đối với các tài sản bị ảnh hưởng sẽ không cản trở những người bị ảnh hưởng được nhận đền bù và các biện pháp phục hồi để đạt được các mục tiêu đã nêu của Khung chính sách tái định cư này.
- (vii) Những người bị mất đất nông nghiệp sẽ được ưu tiên đền bù bằng mảnh đất thay thế với diện tích và năng suất tương đương. Nếu không có đất thay thế phù hợp và/hoặc người bị ảnh hưởng có “yêu cầu rõ ràng”, việc đền bù sẽ bằng tiền mặt với mức giá tương đương dựa trên giá trị thị trường hiện hành của quyền sử dụng đất nông nghiệp cùng loại (hoặc cùng năng suất) với đất bị ảnh hưởng.
- (viii) Đất thay thế cho mục đích sản xuất nông nghiệp và làm nhà ở sẽ được cấp cùng với giấy tờ bảo đảm quyền sử dụng; mọi chi phí và/hoặc các khoản phụ phí liên quan tới việc chuyển giao quyền sử dụng đất sẽ được miễn.
- (ix) Việc đền bù cho các nhà cửa và công trình cố định sẽ được xác định dựa trên giá trị tương đương của vật liệu xây dựng và công lao động để xây dựng lại một công trình tương tự, bằng mức giá thị trường hiện hành tại địa phương. Trong khi xác định chi phí đền bù tương đương, không được khấu trừ khấu hao tài sản và giá trị vật liệu tận dụng.
- (x) Khi xác định mức đền bù cho các công trình có thể di chuyển dễ dàng, bao gồm cả nhà ở, chi phí di chuyển và sửa chữa sẽ được tính đến. Sẽ tiến hành đánh giá giá trị tương đương của vật liệu dựa trên điều kiện của vật liệu và mức giá thị trường.
- (xi) Trong trường hợp người bị ảnh hưởng phải di dời, nhà ở và/hoặc đất nông nghiệp cấp cho họ sẽ ở địa điểm càng gần càng tốt với các tài sản đã bị mất, và tại những nơi mà người bị ảnh hưởng có thể chấp nhận. Những người bị ảnh hưởng phải di dời sẽ được nhận tài sản thay thế và trợ cấp chuyển đổi.
- (xii) Sẽ tiến hành mọi nỗ lực để duy trì ở mức cao nhất có thể các cơ sở văn hóa - xã hội của những người dân phải tái định cư và cộng đồng của họ.
- (xiii) Những người bị ảnh hưởng sẽ được tham vấn đầy đủ và sẽ tham gia vào việc chuẩn bị và thực thi từng kế hoạch tái định cư của mỗi cấu phần nhỏ. Các ý

kiến đóng góp và đề xuất của những người và cộng đồng bị ảnh hưởng sẽ được xem xét trong giai đoạn thiết kế và thực hiện các hoạt động tái định cư.

- (xiv) Các nguồn lực cần thiết sẽ được xác định và cam kết trong quá trình lập kế hoạch tái định cư cho từng cấu phần dự án và toàn bộ Dự án. Chúng bao gồm hỗ trợ về ngân sách đầy đủ dành cho mỗi cấu phần nhỏ và được dùng để chi trả toàn bộ chi phí liên quan tới thu hồi đất đai, đền bù, tái định cư và phục hồi trong thời gian thực hiện như đã thỏa thuận đối với từng cấu phần nhỏ; và nhân lực đủ để giám sát, liên hệ và theo dõi các hoạt động thu hồi đất, tái định cư và phục hồi.
- (xv) Các cơ chế báo cáo, giám sát và đánh giá phù hợp sẽ được xác định và thiết lập như một phần của hệ thống quản lý tái định cư. Việc giám sát và đánh giá các quá trình thu hồi đất, tái định cư và phục hồi cũng như kết quả cuối cùng của các hoạt động này sẽ do một cơ quan giám sát độc lập tiến hành.
- (xvi) Kế hoạch tái định cư chi tiết sẽ được dịch sang tiếng Việt và lưu ở các cơ quan chính quyền xã để những người bị ảnh hưởng và các nhóm lợi ích khác có thể tham khảo.
- (xvii) ADB sẽ không thông qua việc giao thầu hợp đồng xây dựng cho bất kỳ cấu phần dự án nào được tài trợ từ khoản vay cho tới tận khi Kế hoạch tái định cư - tuân thủ thiết kế chi tiết và dựa trên kết quả khảo sát đo đạc chi tiết (DMS) - đã được đệ trình và được ADB phê duyệt. Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phải đảm bảo rằng các nhà thầu xây dựng sẽ không được cấp thông báo về quyền sử dụng địa điểm cho các công trình xây dựng liên quan tới các cấu phần của dự án cho tới khi (i) việc thanh toán đền bù và di chuyển những người bị ảnh hưởng tới các địa điểm mới đã được hoàn tất một cách thỏa đáng, theo đúng các quy định trong Kế hoạch tái định cư đã được phê duyệt; và (ii) đảm bảo rằng hỗ trợ phục hồi theo yêu cầu đang được tiến hành và khu vực dành cho các công trình xây dựng không còn tranh chấp gì.

B. Điều hòa mâu thuẫn trong chính sách tái định cư bắt buộc của ADB và Chính phủ

12. Với việc ban hành Nghị định 197/2004/NĐ-CP (ngày 3-12-2004) và các nghị định có liên quan nói trên, chính sách và thông lệ của Chính phủ đã trở nên nhất quán hơn với các chính sách bảo đảm về mặt xã hội của ADB. Tuy nhiên, các quy định và nguyên tắc áp dụng trong Khung tái định cư sẽ chiếm ưu thế so với các quy định có liên quan hiện hành ở Việt Nam nếu có sự khác biệt, như đã được nêu trong Nghị định 131/2006/NĐ-CP (tháng 11-2006) quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức.

13. Lưu ý rằng Điều 32 của Nghị định 197/2004/NĐ-CP cũng quy định rõ *“Ngoài việc hỗ trợ quy định tại Điều 27, 28, 29, 30 và Điều 31 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm ổn định đời sống và sản xuất cho người bị thu hồi đất; trường hợp đặc biệt trình Thủ tướng Chính phủ quyết định”*, bởi vậy, nếu có sự khác biệt nào chưa đề cập được phát hiện trong quá trình cập nhật RP, thì mọi sự hỗ trợ cần thiết sẽ được nêu trong bản RP cập nhật.

14. Sự khác biệt giữa các luật và nghị định của Chính phủ Việt Nam với các chính sách của ADB liên quan đến vấn đề tái định cư và đền bù, cùng phương pháp giải quyết sự khác biệt trong dự án này được thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 1: Khác biệt giữa luật pháp trong nước và chính sách của ADB

Các vấn đề chính	Luật Việt Nam	Chính sách của ADB	Chính sách của Dự án
Việc xác định các hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng nề	Nghị định 197/2004/ND-CP qui định rằng: Những hộ bị ảnh hưởng nặng nề là những hộ bị mất từ 30% đất nông nghiệp trở lên	Những hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng nề là những hộ bị di chuyển hoặc mất từ 10% trở lên năng lực sản xuất và các tài sản tạo thu nhập khác	Những hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng nề là những hộ được xác định: (i) sẽ mất từ 10% trở lên năng lực sản xuất và các tài sản hoặc đất đai; (ii) nằm trong diện phải di chuyển chỗ ở; hoặc (iii) bị mất từ 10% trở lên các nguồn thu nhập do bị ảnh hưởng từ dự án.
Người sử dụng đất không có chứng nhận sử dụng đất	Nghị định 197/2004, Điều 6 và 21, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương sẽ xem xét đề hỗ trợ tùy theo từng trường hợp cụ thể	Những người bị ảnh hưởng không có chứng nhận sử dụng đất, bao gồm những người thuê đất, người canh tác hoặc người “nhảy dù” bị di dời, sẽ không được bồi thường đất, nhưng sẽ được quyền bồi thường đối với tài sản gắn liền với đất và hỗ trợ để phục hồi mức sống như trước khi có dự án. Nếu họ thuộc diện nghèo và dễ bị tổn thương, cần phải có sự hỗ trợ thỏa đáng để giúp họ cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội	Những người bị ảnh hưởng không có chứng nhận sử dụng đất và thuộc nhóm nghèo và dễ bị tổn thương sẽ được hỗ trợ thỏa đáng để giúp họ cải thiện điều kiện kinh tế - xã hội. Các hình thức hỗ trợ sẽ được xác định trong quá trình cập nhật Kế hoạch tái định cư trên cơ sở tham vấn với người bị ảnh hưởng.
Bồi thường đất với chi phí thay thế	Nghị định 123/2007 sửa đổi Nghị định 188/2004, ấn định các giới hạn về mức giá đất và ủy quyền cho các Ủy ban nhân dân tỉnh ấn định giá đất tại địa phương bằng cách phân định các loại đất và giá đất của mỗi loại. Giá các loại đất cụ thể trong giới hạn cho phép cao hơn không quá 20% so với mức giá tối đa và thấp hơn không quá 20% so với mức giá tối thiểu của khung giá đất cùng loại do Chính phủ quy định trong Nghị định này. Tuy nhiên, tại các vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, điều kiện hạ tầng yếu kém, khi giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường địa phương trong điều kiện bình thường thấp hơn mức giá tối thiểu của Khung giá đất cùng loại quy định tại Nghị định này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giá cụ thể áp dụng tại địa phương và gửi Bộ Tài chính để báo cáo.	Tất cả các khoản đền bù sẽ dựa trên nguyên tắc về chi phí thay thế. Đây là phương pháp tính toán giá trị để thay thế khoản thiệt hại với mức giá thị trường hiện hành, cộng thêm các chi phí giao dịch như phí hành chính, thuế, phí trước bạ và đăng ký sở hữu. Trong trường hợp không có các mức giá thị trường, một cơ cấu đền bù sẽ được thực hiện cho phép những người bị ảnh hưởng phục hồi sinh kế ở mức ít nhất là tương đương với mức trước khi có việc thu hồi, di dời, hoặc hạn chế tiếp cận.	Đền bù đất đai sẽ được thực hiện với mức chi phí thay thế

Các vấn đề chính	Luật Việt Nam	Chính sách của ADB	Chính sách của Dự án
Nhà ở và các công trình	Nghị định 197/2004, các điều từ 18-20: Nhà, công trình khác xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường, nhưng trước khi có quy hoạch sử dụng đất hoặc thông báo về việc thu hồi đất sẽ được hỗ trợ tối đa là 80% mức bồi thường theo quy định. Nhà và công trình khác xây dựng sau khi công bố kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất sẽ được xem xét hỗ trợ tùy theo từng trường hợp	Đối với tài sản gắn với đất, tất cả những người bị ảnh hưởng đủ điều kiện nhận đền bù, bất kể có chứng nhận sở hữu đất, có quyền pháp lý hoặc không có chứng nhận sở hữu đất, đều được đền bù với mức giá tương đương, bằng tiền mặt hoặc tài sản thay thế tương đương.	Công trình bị ảnh hưởng của cách độ gia đình, không kể họ có chứng nhận sở hữu đất hay không, đều sẽ được đền bù với mức giá tương đương.
Provision of rehabilitation assistance	Nghị định 197/2004/NĐ-CP, điều 28-29: Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất bị mất trên 30% đất nông nghiệp được giao sẽ được hỗ trợ ổn định đời sống và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm. Nghị định 17/2006 củng cố thêm điều khoản này và quy định hỗ trợ trong dài hạn đối với các hộ gia đình nghèo (hỗ trợ không dưới 3 năm và không quá 10 năm).	Hỗ trợ phục hồi được yêu cầu đối với những người bị mất từ 10% tài sản tạo ra thu nhập trở lên và/hoặc bị di dời. Tập trung vào các chiến lược để tránh bản cứng hóa người dân và tạo ra cơ hội mới để tăng cường điều kiện sống cho người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương.	Hỗ trợ phục hồi sẽ được dành cho những người bị mất từ 10% tài sản tạo ra thu nhập trở lên và/hoặc bị di dời, và các hộ gia đình thuộc nhóm nghèo và dễ bị tổn thương.

C. HẠN CHỐT TÍNH ĐỀN BÙ VÀ QUYỀN NHẬN ĐỀN BÙ

15. Đối với dự án này, ngày chốt danh sách các hộ được đền bù hợp pháp được xác định tại thời điểm kết thúc khảo sát kiểm kê thiệt hại (IOL) đối với những hộ có đất đai bị ảnh hưởng. Đối với năm hợp phần, thời gian hoàn thành IOL là tháng 7 năm 2008, trong đó các ngày chốt hạn được xác định là: (i) các ngày 2, 3, 4 và 11 tháng 7 năm 2008 trên địa bàn của 5 xã phường khu vực đường vành đai trung tâm phía Đông và phía Tây; ngày 28 tháng 7 năm 2008 đối với hai phường và một xã bị ảnh hưởng từ hai cầu phần về du lịch; ngày 28 tháng 7 năm 2008 đối với cầu phần Trường cao đẳng nghề công nghiệp tại xã Đông Cường; và (iv) ngày 2 tháng 8 năm 2008 đối với hợp phần xử lý nước thải tại địa bàn xã Quảng Thịnh. Đối với các hộ gia đình có sinh kế bị ảnh hưởng do việc thu hồi đất đai tạm thời để phục vụ giai đoạn thi công xây dựng sẽ cũng được nhận hỗ trợ và đền bù.

16. Những người chiếm hữu diện tích đất đai tại khu vực này sau ngày chốt hạn danh sách như trên sẽ không được nhận bất kỳ khoản đền bù nào.

D. Nguyên tắc về chi phí thay thế

17. Tất cả các khoản đền bù sẽ dựa trên nguyên tắc đảm bảo chi phí thay thế. Chi phí thay thế là khoản tiền được tính toán trước khi tiến hành di dời đảm bảo thay thế giá trị các tài sản bị ảnh hưởng không tính đến các khoản giảm trừ thuế hoặc các chi phí chuyển đổi như sau:

- a. Đất canh tác (đất nông nghiệp, hồ ao nuôi trồng thủy sản, đất vườn và đất lâm nghiệp) sẽ được đền bù dựa trên giá cả thị trường thực tế tại thời điểm đền bù, trong trường hợp không xác định được giá thì sẽ dựa trên cơ sở giá chuyển nhượng quyền sử

dụng gần đây của các địa điểm tương đương có cùng thuộc tính, bao gồm cả các khoản thuế và lệ phí cấp chứng nhận quyền sử dụng đất (LURC); trong trường hợp không có mức giá này thì sẽ dựa trên giá trị sản lượng.

b. Đối với đất ở thì sẽ dựa trên cơ sở giá trị thị trường thực tế tại thời điểm gần với hiện tại, trong trường hợp không có mức giá này thì sẽ dựa theo giá chuyển nhượng quyền sử dụng tại các khu vực tương đương có cùng thuộc tính, bao gồm cả các khoản thuế và chi phí cấp chứng nhận quyền sử dụng đất.

c. Đối với nhà cửa và công trình kiến trúc thì sẽ dựa trên cơ sở giá trị thị trường thực tế của nguyên vật liệu và nhân công, không tính khấu hao hoặc giảm trừ do tận dụng vật liệu xây dựng.

d. Đền bù thiệt hại về hoa màu sẽ dựa trên cơ sở giá cả thị trường hàng năm.

IV. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THU HỒI ĐẤT VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

A. Phương pháp tiến hành

18. Số liệu về diện tích đất cần thu hồi được tính toán dựa trên khảo sát kiểm kê thiệt hại (IOL) đối với những người bị ảnh hưởng tại 4 phường và 3 xã trong tháng 7-2008, với sự phối hợp của các cán bộ xã. Công cụ khảo sát được sử dụng để ghi lại những thiệt hại của 100% số người bị ảnh hưởng, còn khảo sát kinh tế - xã hội được sử dụng trong phỏng vấn 10% tổng số người bị ảnh hưởng và 20% số người bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Thông tin thu được là cơ sở để xác định tác động của việc thu hồi đất và những biện pháp phù hợp để hỗ trợ người bị ảnh hưởng khôi phục lại những tổn thất của họ.

B. Phạm vi tác động của việc thu hồi đất và tái định cư

19. Căn cứ trên số liệu thống kê và điều tra và tổn thất tài sản đã được tiến hành, sẽ có 725 hộ gia đình và 9 cơ quan đơn vị bị ảnh hưởng từ dự án.

Bảng 2: Phân bố số người bị ảnh hưởng theo các cấu phần dự án

Các cấu phần	Người bị ảnh hưởng			Tỷ lệ %
	Cơ quan	Hộ gia đình	Tổng	
Đường vành đai và đường nối	4	326	330	45.0%
Hồ điều hòa xử lý nước thải	1	179	180	24.5%
Trường Cao đẳng nghề công nghiệp	-	161	161	21.9%
Trung tâm thông tin - sống nhà Lê	4	59	63	8.6%
Tổng cộng	9	725	734	100%
Tỷ lệ phần trăm	1 %	99%	100%	

C. Tác động tới đất canh tác và đất thổ cư

20. Dự án sẽ tiến hành thu hồi 495.150 m² đất các loại, trong đó có 481.950m² đất nông nghiệp, 3.885 m² đất thổ cư và 9.315 m² đất công. Hầu hết diện tích bị thu hồi là đất nông nghiệp, chiếm 88.0%. Bảng dưới đây thống kê tổng diện tích đất bị thu hồi cho các cấu phần phân theo địa bàn.

Bảng 3: Tóm tắt việc thu hồi đất

Hợp phần dự án/địa điểm	Diện tích bị thu hồi vĩnh viễn (m ²)	Loại đất (m ²)		
		Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất công
Đường vành đai	141942	3885	136742	1315

Xã Quảng Thành	20352	0	20352	
Phường Đông Vệ	55021	461	54560	
Xã Quảng Thắng	53081	3354	49727	
Xã Quảng Thịnh	6287	0	6287	
Phường Tân Sơn	7201	70	5816	1315
Hợp phần giáo dục	75496	0	75496	
Xã Đông Cương	73446		73446	
Xã Quảng Thắng	2050		2050	
Hợp phần du lịch	78126	0	70126	8000
Xã Quảng Thắng	18967		18967	
Phường Đông Vệ	2973		2973	
Phường Hàm Rồng	56186	0	48186	8000
Hợp phần xử lý nước thải	199586		199586	
Xã Quảng Thịnh	199586		199586	
Tổng cộng	495,150	3,885	481,950	9,315

D. Tác động tới hộ gia đình

21. Có tổng cộng 20 hộ gia đình sẽ bị ảnh hưởng đến đất ở. Trong số này có 17 hộ phải di chuyển ra khỏi khu vực dự án đến một địa điểm tái định cư khác gần kề trong cùng địa bàn xã phường nơi họ hiện đang sống hoặc tự lựa chọn đến những nơi ở khác, do đất đai của họ bị thu hồi hoàn toàn hoặc diện tích đất còn lại không đủ để ở, và 3 hộ vẫn còn đủ diện tích còn lại để tiếp tục xây dựng lại nơi ở.

22. Cần phải lưu ý rằng ngoài 20 hộ gia đình xây nhà trên đất thổ cư kể trên, dự án cũng xác định được 5 hộ gia đình xây nhà ở trên đất nông nghiệp và 1 hộ trên đất của UBND xã. Các gia đình xây nhà trên đất nông nghiệp chỉ sử dụng chúng làm nhà tạm (để bảo vệ đất canh tác) trong khi chủ hộ vẫn có nhà chính ở trong làng. Hộ gia đình có nhà tạm trên đất nông nghiệp của xã đề nghị được mua một lô đất tại khu vực tái định cư và đã được cán bộ xã đồng ý phân cho hộ gia đình này một lô đất.

Bảng 4 : Hộ gia đình bị ảnh hưởng

Khu vực	Nhà trên đất thổ cư	Nhà trên đất nông nghiệp	Nhà trên đất của xã (đất nông nghiệp)	Tổng số nhà ở
Đường vành đai				
Quảng Thịnh			1	1
Đông Vệ	6*			6
Quảng Thắng	13			13
Tân Sơn	1	2		3
Hồ điều hòa xử lý nước thải				
Quảng Thịnh		3		
Tổng cộng	20	5	1	26

* Trong số 6 nhà này, 3 hộ gia đình sẽ chỉ mất móng nhà; nhà đang được xây dựng khi khảo sát được tiến hành.

E. Tác động tới công trình phụ

23. Công trình bị ảnh hưởng được đề cập trong dự án là 110m² bể bơi của một hộ gia đình tại phía tây, đoạn tiếp giáp với đường sắt Bắc-Nam bị ảnh hưởng bởi tuyến đường vành đai.

F. Tác động tới hoa màu

24. Số đối tượng bị ảnh hưởng được đền bù thiệt hại hoa màu là 706 người với tổng diện tích đất nông nghiệp sở hữu là 481.950 m² trong trường hợp họ không kịp thu hoạch hoa màu trên đồng ruộng. Thêm vào đó, có khoảng 157.080 m² đất nông nghiệp được xem là không

thể sử dụng được (ảnh hưởng đến 306 người) do khoảng đất này bị thu hồi tạm thời để làm các vị trí tập kết máy móc thiết bị thi công trong quá trình xây dựng đường vành đai. Diện tích đất bị thu hồi tạm thời này được tính bằng chiều rộng 7m nằm về hai phía đường biên hành lang ảnh hưởng của tuyến đường nhân với chiều dài dự kiến của tuyến đường xây dựng. Ước tính thiệt hại mùa màng tính theo sản lượng nông nghiệp tại Thanh Hóa là 0,61 kg/m² hoặc tương đương 6,1 tấn/ha/vụ, số liệu này do các cơ quan địa phương và Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn cung cấp.

G. Năng suất bình quân trên đất và mức độ ảnh hưởng

25. Ngoại trừ phường Tân Sơn là nơi có diện tích đất canh tác bình quân 2.300m²/hộ, các phường xã còn lại có tỷ lệ thấp hơn, với mức bình quân là 2.000 m²/hộ. Diện tích đất canh tác bình quân của hộ gia đình bị thu hồi tại phường Tân Sơn là 1.200m² và Quảng Thịnh là 900 m².

	Tỉnh/huyện/xã phường	Diện tích đất canh tác bình quân/hộ (m ²)	Diện tích đất sở hữu lớn nhất/hộ (m ²)	Diện tích đất sở hữu ít nhất/hộ (m ²)	Diện tích đất bị mất bình quân (m ²)	Diện tích bị mất lớn nhất (m ²)	Diện tích bị mất ít nhất (m ²)
1	Xã Quảng Thành	2408	4150	460	420	1150	50
2	Phường Đông Vệ.	2215	5600	530	270	2000	30
3	Xã Quảng Thắng.	2140	4500	530	315	1395	30
4	Xã Quảng Thịnh.	2300	5200	550	860	3110	20
5	Phường Tân Sơn	2500	4500	1000	1180	2120	50
6	Xã Đông Cương	2500	4940	530	465	1369	33

26. Có tất cả 519 hộ gia đình bị mất từ 10% đất canh tác trở lên. Tuy nhiên, trong đó nguồn thu nhập chính của 150 hộ lại không phải từ canh tác nông nghiệp mà là từ buôn bán kinh doanh hoặc làm cán bộ công chức nhà nước. Theo phản ánh của các hộ dân khu vực bị ảnh hưởng từ dự án nước thải tại xã Quảng Thịnh thì chất lượng đất ở đây rất kém, do vậy sản lượng đem lại thường thấp hơn mong muốn.

27. 369 hộ còn lại bị mất từ 10% đất canh tác trở lên là những hộ thuần nông, nguồn thu nhập chính của họ là từ đất đai đồng ruộng ở những nơi mà sẽ bị dự án thu hồi. Vì vậy, các hộ này được xem là các hộ bị ảnh hưởng nặng nề bởi dự án.

H. Tác động tới các cơ quan/tổ chức

28. Có tất cả 9 cơ quan/hợp tác xã sẽ bị ảnh hưởng từ dự án. Đất đai bị ảnh hưởng là đất công.

V. CÁC QUYỀN LỢI TRONG DỰ ÁN

29. Các quyền lợi của dự án như được trình bày trong ma trận dưới đây tương ứng với các tác động được xác định trong quá trình khảo sát và thống kê thiệt hại. Các quyền lợi này được áp dụng dựa theo các quyết định của Chính phủ và các dự án do ADB tài trợ ở Việt Nam.² Cần lưu ý rằng các quyền lợi này có thể được tăng cường nếu cần thiết sau khi tiến hành DMS và thông qua tham vấn với các đối tượng bị ảnh hưởng nhằm đảm bảo rằng những tổn thất sẽ được khôi phục, nếu không nói là cải thiện.

Bảng 5: Ma trận quyền lợi

Số.	Loại tổn thất/ảnh hưởng	Phương pháp tính toán áp dụng	Những người có đủ tư cách	Các quyền lợi
1.	Đất canh tác (nông nghiệp)	Tổn thất không đáng kể (nghĩa là đất đai vẫn có khả năng canh tác hoặc đáp ứng yêu cầu sản lượng) Sẽ được Ban tái định cư xác định với sự nhất trí của hộ gia đình bị ảnh hưởng trong quá trình khảo sát đo đạc chi tiết	Những người có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đang trong thời gian chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hoặc có đủ tư cách để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	- Đối với phần đất bị thu hồi vĩnh viễn: sẽ đền bù bằng tiền ở mức chi phí thay thế (không tính thuế các loại và chi phí chuyển đổi). - Đối với những phần đất sử dụng tạm trong quá trình thi công thì: (i) thuê bằng tiền ở mức không thấp hơn thu nhập ròng mà tài sản đó có thể tạo ra trong thời gian bị ngắt quãng; (ii) phục hồi nguyên trạng đất đai trong vòng 3 tháng sau khi sử dụng - Các hộ gia đình bị ảnh hưởng phải được thông báo tối thiểu là 4 tháng trước khi tiến hành thu hồi cho dự án
		Tổn thất nghiêm trọng (nghĩa là không còn khả năng tiếp tục canh tác hoặc đáp ứng yêu cầu về sản lượng, vì vậy sẽ bị thu hồi toàn bộ) Sẽ được Ban tái định cư xác định với sự nhất trí của hộ gia đình bị ảnh hưởng trong quá trình khảo sát đo đạc chi tiết	Những người có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đang trong thời gian chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hoặc có đủ tư cách để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	- Đền bù bằng tiền ở mức giá thay thế (không tính chi phí thực hiện) cho toàn bộ diện tích đất đai, hoặc theo dạng đổi đất lấy đất với giá trị sản lượng và thời hạn thuê tương đương. - Có quyền tham gia vào chương trình khôi phục thu nhập - Các hộ gia đình bị ảnh hưởng phải được thông báo tối thiểu là 4 tháng trước khi tiến hành thu hồi đất cho dự án
		Ảnh hưởng tạm thời trong quá trình xây dựng (để đổ đất đá, làm lán trại)	Những người có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đang trong thời gian chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hoặc có đủ tư cách để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	- Nhà thầu sẽ có trách nhiệm chi trả tiền thuê đất ở mức tối thiểu không thấp hơn thu nhập ròng mà diện tích đất đó có thể tạo ra trong thời gian bị ngắt quãng. Phục hồi nguyên trạng đất đai trong vòng 3 tháng sau khi sử dụng. - Các tài sản khác trên đất bị ảnh hưởng sẽ được các nhà thầu được đền bù ở mức giá thay thế
2.	Đất thổ cư	Tổn thất không đáng kể (nghĩa là đất đai vẫn có khả năng sử dụng và không phải di dời nhà)	Những người có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đang trong thời gian	- Đối với phần đất bị thu hồi vĩnh viễn: sẽ đền bù bằng tiền ở mức chi phí thay thế (không tính thuế các loại và chi phí chuyển đổi). - Đối với phần đất được mượn để sử

2. Vốn vay hỗ trợ kỹ thuật: Dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai 2007 và HCMC - Long Thành – Dầu Giếng 2008.

Số.	Loại tổn thất/ảnh hưởng	Phương pháp tính toán áp dụng	Những người có đủ tư cách	Các quyền lợi
		Sẽ được Ban tái định cư xác định với sự nhất trí của hộ gia đình bị ảnh hưởng trong quá trình khảo sát đo đạc chi tiết	chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hoặc có đủ tư cách để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	dụng tạm trong quá trình xây dựng thì: (i) Tiền thuê đất sẽ được ủy ban tái định cư bàn bạc với các hộ bị ảnh hưởng; (ii) khôi phục cải tạo đất trong vòng 3 tháng sau khi sử dụng; Chính phủ sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả chi phí cải tạo đất trong vòng 3 tháng nếu các nhà thầu không thực hiện hoàn trả. Các hộ bị ảnh hưởng phải được thông báo ít nhất là 6 tháng trước khi dự án tiến hành giải tỏa, thu hồi
		Tổn thất nghiêm trọng (nghĩa là không còn đủ diện tích để có thể sử dụng) Sẽ được Ban tái định cư xác định với sự nhất trí của hộ gia đình bị ảnh hưởng trong quá trình khảo sát đo đạc chi tiết	Những người có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đang trong thời gian chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hoặc có đủ tư cách để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	- Đền bù bằng tiền đảm bảo chi phí thay thế (không kể các khoản thuế và chi phí thực hiện) đối với toàn bộ đất đai, hoặc đất đổi đất có cùng đặc tính và đảm bảo quyền sở hữu đất - Nếu trong trường hợp lô đất tại khu tái định cư mới có giá trị thấp hơn giá của khu đất bị ảnh hưởng, thì hộ gia đình bị ảnh hưởng sẽ được nhận chênh lệch bằng tiền mặt - Các hộ bị ảnh hưởng phải được thông báo ít nhất là 6 tháng trước khi dự án tiến hành giải tỏa, thu hồi
		Bị ảnh hưởng tạm thời trong quá trình xây dựng (dùng để tập kết vật liệu, làm lán trại công trường)	Những người có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đang trong thời gian chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hoặc có đủ tư cách để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	- Các nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tiền thuê dựa trên cơ sở chi phí hiện tại hoặc tiến hành thỏa thuận với những đối tượng bị ảnh hưởng. Khôi phục đất đai trong vòng 3 tháng sau khi sử dụng. - Các tài sản trên đất bị ảnh hưởng do quá trình thi công sẽ được nhà thầu đền bù ở mức đảm bảo chi phí thay thế
3.	Nhà ở trên đất thổ cư	Ảnh hưởng nghiêm trọng (nghĩa là nhà cửa không thể tiếp tục sử dụng và toàn bộ các công trình kiến trúc bị giải tỏa để thu hồi mặt bằng cho dự án). Sẽ được Ban tái định cư xác định với sự nhất trí của hộ gia đình bị ảnh hưởng trong quá trình khảo sát đo đạc chi tiết.	Chủ sở hữu các công trình kiến trúc dù có hoặc không có bằng chứng về quyền sở hữu đất đai; dù có hoặc không có giấy phép xây dựng	- Đền bù bằng tiền dựa trên hiện giá thị trường của nguyên vật liệu và giá nhân công mà không tính khấu hao tài sản hoặc khấu trừ từ việc tái sử dụng vật liệu của công trình. - Đối với các hộ gia đình thuộc nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương sẽ có hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật (vật liệu xây dựng) để nâng cấp nhà ở mới đạt tiêu chuẩn tối thiểu trong khu vực. - Xem chi tiết các khoản trợ cấp ở bảng 10 dưới đây
4.	Công trình khác (bể bơi)	Tổn thất hoặc bị hư hại tài sản	Chủ sở hữu các công trình dù có hoặc không có bằng chứng về quyền sở hữu đất đai; dù có hoặc không có giấy phép xây dựng	Đền bù bằng tiền dựa trên hiện giá thị trường của nguyên vật liệu và giá nhân công mà không tính khấu hao tài sản hoặc khấu trừ từ việc tái sử dụng vật liệu của công trình

Số.	Loại tổn thất/ảnh hưởng	Phương pháp tính toán áp dụng	Những người có đủ tư cách	Các quyền lợi
5.	Hoa màu hằng năm	Tổn thất hoặc bị hư hại tài sản	Chủ sở hữu, bất kể có quyền canh tác trên đất đai hay không	Đền bù bằng tiền theo giá thị trường của nông sản tại thời điểm đền bù;
6.	Mất thu nhập/sinh kế do bị mất đất canh tác	Ảnh hưởng nghiêm trọng do bị mất 10% trở lên tổng quỹ đất canh tác và nguồn thu nhập	Những người có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đang trong thời gian chờ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; và các hộ gia đình bị ảnh hưởng có hợp đồng thuê mượn đất với khu đất bị thu hồi.	Hỗ trợ chuyển đổi sinh kế tương đương với 30kg thóc/người/tháng trong thời gian từ 6-12 tháng trong khi họ tham gia các chương trình khôi phục thu nhập khác nhau do dự án tổ chức. Số tháng hỗ trợ sẽ được xác định trong quá trình thực hiện cập nhật kế hoạch tái định cư để phân ánh tác động, loại chương trình khôi phục thu nhập, và thời gian ước tính cho các AP khôi phục thu nhập của họ
7.	Ảnh hưởng đến những nhà phải di chuyển	Ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhà cửa	Các hộ gia đình phải di chuyển nơi ở bất kể quyền sở hữu đất đai như thế nào	- Được nhận hỗ trợ chuyển đổi bằng 30kg thóc/người trong thời gian không thấp hơn 6 tháng. Các hỗ trợ khác bằng tiền hoặc hiện vật đối với các hộ gia đình bị ảnh hưởng sẽ được cung ứng khi cần thiết. - Mức trợ cấp chi phí chuyên chở vật liệu không thấp hơn 3,000,000 đồng/hộ hoặc tương đương với thực tế chi phí chuyên chở (nhân công, phương tiện) nếu di chuyển trong phạm vi thành phố. Nếu hộ gia đình bị ảnh hưởng lựa chọn di chuyển ra ngoài tỉnh thì mức hỗ trợ di chuyển không thấp hơn 5 triệu đồng/hộ hoặc tương đương với thực tế di dời thực tế (nhân lực/phương tiện chuyên chở). - Các hộ thực hiện di chuyển nhanh chóng sẽ được thưởng 3 triệu đồng
8.	Có nguy cơ bị bàn cùng hóa/gặp khó khăn hơn do bị mất cơ sở tạo thu nhập.	Bị mất đất và các tài sản trên đất	Đối tượng bị ảnh hưởng là nhóm những người dễ bị tổn thương bất kể mức độ ảnh hưởng	- Được quyền tham gia chương trình khôi phục sinh kế. - Trợ cấp cho các gia đình đối tượng chính sách theo qui định của chính phủ (hộ gia đình chính sách, bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh liệt sỹ) ..

VI. THÔNG TIN KINH TẾ - XÃ HỘI

30. Khảo sát kinh tế - xã hội (SES) và khảo sát kiểm kê thiệt hại (IOL) và được tiến hành từ ngày 2-7 đến 2-8-2008. Dữ liệu kinh tế - xã hội cung cấp thông tin về điều kiện xã hội của các AP, bao gồm: (i) đặc trưng nhân khẩu học, phân tích thu nhập cũng như các thông tin khác liên quan tới chủ hộ gia đình bị ảnh hưởng; (ii) điều kiện sống của các hộ gia đình bị ảnh hưởng; (iii) các nguồn thu nhập của hộ gia đình; và (iv) tình trạng nghèo khổ. Mục tiêu của phân tích kinh tế - xã hội là nhằm xác định các vấn đề liên quan tới đền bù và giải phóng mặt bằng, tạo ra cơ sở để đánh giá và giám sát năng lực phục hồi điều kiện sống của các hộ gia đình bị ảnh hưởng sau khi tiến hành tái định cư.

A. Điều kiện kinh tế - xã hội của các hộ bị ảnh hưởng

1. Nhân khẩu hộ gia đình và lực lượng lao động

31. Tổng số nhân khẩu của các hộ bị ảnh hưởng là 3,014 người. Về thành viên của các hộ bị ảnh hưởng, khảo sát cho thấy số thành viên trung bình của mỗi hộ là 4 người. Nếu tính theo địa điểm của các cấu phần Dự án, các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi Hồ điều hòa xử lý nước thải tại Quảng Thành có số thành viên đồng nhất, trung bình là 4,5 người/hộ, còn các hộ bị ảnh hưởng bởi cấu phần cải tạo hai bên bờ sông nhà Lê và Trung tâm thông tin tại ba xã/phường có số thành viên ít nhất, 3,4 người/hộ. Nếu xét theo độ tuổi, các gia đình có chủ hộ nằm trong độ tuổi trung bình từ 40 - 49 và 60 - 69 có số thành viên đông hơn so với các gia đình có chủ hộ nằm trong độ tuổi khác. **Bảng 6** cho thấy số thành viên hộ gia đình bị ảnh hưởng từ việc thu hồi đất đai ở các xã phường, theo từng cấu phần dự án.

Bảng 6: Số thành viên của hộ bị ảnh hưởng

Số liệu	Đường vành đai và đường nối	Hồ xử lý nước thải	Trường cao đẳng Công Nghiệp	Trung tâm thông tin và cải tạo bờ sông nhà Lê	Tổng số
Số hộ gia đình	326	179	161	59	725
Do nam làm chủ	217	142	125	28	512
Do nữ làm chủ	109	37	36	32	214
Số thành viên	1,351	798	660	205	3,014
Số nam	694	417	342	103	1556
Số nữ	657	381	318	102	1458
Quy mô bình quân hộ	4.1	4.5	4.0	3.4	4.1

Nguồn: IOL

2. Trình độ học vấn

32. Trình độ học vấn của các AP nhìn chung là cao. Trên 76% số chủ hộ gia đình có trình độ từ trung học cơ sở đến trung học phổ thông. Tỷ lệ này được nhận thấy trong số các chủ hộ tại khu vực nơi tiến hành cấu phần đường vành đai và đường nối, còn tại các khu vực bị ảnh hưởng bởi những cấu phần khác, các chủ hộ thường có trình độ học vấn từ tiểu học tới phổ thông cơ sở. Đồng thời, khoảng 20% có trình độ tiểu học và gần 4% chưa hề đến trường, phần lớn trong số họ đều trên 70 tuổi. Trình độ học vấn của các chủ hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi mỗi cấu phần dự án được thể hiện trong **Bảng 7**.

Bảng 7: Trình độ học vấn của các chủ hộ

Các cấu phần dự án	Không đến trường	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Cao đẳng	Tổng số
Đường vành đai và đường nối	14	53	178	77	4	326
Hồ xử lý nước thải	2	41	98	37	1	179
Trường Cao đẳng nghề công nghiệp	4	41	104	12	0	161
Trung tâm thông tin và cải tạo bờ sông nhà Lê	5	13	32	9	0	59
Tổng số	26	148	412	135	5	725
Phần trăm	3.58	20.39	56.75	18.60	0.69	100.00

Nguồn: IOL

3. Nghề nghiệp của chủ hộ

33. Do phần lớn diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp, nên hơn một nửa số chủ hộ

(58,3%) bị ảnh hưởng là nông dân. Khoảng 41,7% tham gia các hoạt động khác để duy trì nguồn thu nhập, ví dụ như làm việc trong cơ quan nhà nước (2,8%), kinh doanh và thương mại (7,3%), và lao động tự do (8,4%). Khoảng 5% đã nghỉ hưu và 8% được nhận trợ cấp của chính phủ. Là cấu phần có số người bị ảnh hưởng đồng nhất, những nhóm người bị ảnh hưởng này cũng tập trung đồng nhất tại các xã/phường mà đường vành đai sẽ đi qua, và đứng thứ hai là xã có khu vực hồ xử lý nước thải.

4. Thu nhập của hộ gia đình

34. Thu nhập bình quân của các hộ gia đình bị ảnh hưởng là 1.006.000 đồng/tháng, nhưng có sự khác biệt đáng kể giữa thu nhập của 511 hộ gia đình do nam giới làm chủ và 214 hộ gia đình do phụ nữ làm chủ; các hộ gia đình do nam giới làm chủ có thu nhập trung bình ở mức 1.291.000 đồng/tháng trong khi các hộ do phụ nữ làm chủ chỉ có thu nhập bình quân là 672.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, mẫu hình này không giống nhau đối với tất cả các hộ tại tất cả các địa điểm. Mức thu nhập bình quân theo tháng tại mỗi phường/xã của từng cấu phần dự án cũng rất khác nhau, và có thể giả định rằng mức thu nhập cao như vậy phần lớn là do thu nhập của số hộ bị ảnh hưởng có nghề nghiệp chính không phải là nông nghiệp. **Bảng 8** cho thấy mức thu nhập bình quân hàng tháng của các hộ gia đình ở mỗi địa điểm dự án.

Bảng 8: Thu nhập hàng tháng của các hộ, theo cấu phần dự án

Các cấu phần dự án	Nam giới	Phụ nữ	Bình quân
Đường vành đai và đường nối	1.384.000 đồng	553.000 đồng	939.000 đồng
Hồ xử lý nước thải	529.000 đồng	778.000 đồng	560.000 đồng
Trường Cao đẳng nghề công nghiệp	1.186.000 đồng	319.000 đồng	1.058.000 đồng
Trung tâm thông tin và cải tạo bờ sông nhà Lê	1.776.000 đồng	1.038.000 đồng	1.467.000 đồng
Tổng cộng	1.219.000 đồng	672.000 đồng	1.006.000 đồng

Nguồn: IOL

35. Tuy nhiên, phân tích cho thấy trong số 705 người trả lời, chỉ có khoảng 26% có thu nhập trên 1.000.000 đồng/tháng, trong khi 48,5% có thu nhập hàng tháng rất thấp. Khoảng 146 hộ gia đình bị ảnh hưởng đang sống dưới mức 260.000 đồng/tháng - ngưỡng nghèo theo quy định của Bộ Lao động, thương binh và xã hội (MOLISA). Có một vài trong số 196 hộ có thu nhập được xếp vào loại thấp đang sống dưới ngưỡng này, trong khi số còn lại nằm ở mức cận nghèo hoặc chỉ cao hơn ngưỡng này một chút, như được thể hiện trong **Bảng 9**.

Bảng 9: Thu nhập của hộ gia đình

Các cấu phần dự án	Rất thấp	Thấp	Trung bình	Trên trung bình	Khá giả	Thu nhập cao
Đường vành đai và đường nối	50	107	82	54	13	19
Hồ xử lý nước thải	54	53	63	6	2	1
Trường cao đẳng Công nghiệp	27	25	13	24	46	8
Trung tâm thông tin và cải tạo bờ sông nhà Lê	15	11	19	8	3	2
Tổng số người bị ảnh hưởng	146	196	177	92	64	30
Phần trăm	20,7%	27,8%	25,1%	13,0%	9,1%	4,3%

Lưu ý: (i) Rất thấp = dưới 250.000 đồng; (ii) Thấp = 251.000 - 500.000 đồng; (iii) Trung bình = 501.000 - 1.000.000 đồng; (iv) Trên trung bình = 1.001.000 - 1.500.000 đồng; (v) Khá giả = 1.500.000 - 2.000.000 đồng; và (vi) Thu nhập cao = hơn 2.000.000 đồng.

5. Cơ sở hạ tầng

36. Trong bối cảnh các nơi định cư đều ở gần trung tâm thành phố, tất cả các hộ bị ảnh hưởng của dự án đều được tiếp cận hệ thống điện lưới quốc gia và sử dụng điện chiếu

sáng. Các tuyến đường hiện tại - như quốc lộ 47, quốc lộ 1A và các tuyến đường khác hiện có tại các khu lân cận dự án - cho phép họ tiếp cận các dịch vụ đô thị và dịch vụ xã hội cơ bản, như bệnh viện, trường học, chợ và khu trung tâm thành phố. Họ đều được tiếp cận nguồn nước sạch từ các hệ thống cấp nước địa phương.

6. Nhà vệ sinh

37. Trong số 115 người trả lời, có 48 hộ (41,7%) trả lời rằng họ sử dụng nhà vệ sinh thông thường, trong khi có khoảng 57,4% có nhà vệ sinh xả nước. Chỉ có 1 hộ hiện vẫn đang sử dụng nhà vệ sinh công cộng.

Bảng 10: Nhà vệ sinh của các hộ gia đình

	Bình thường	Xả nước	Công cộng	Tổng cộng
Đường vành đai và đường nối	25	49	1	75
Hồ xử lý nước thải	9	7	0	16
Trường cao đẳng Công nghiệp	10	5	0	15
Trung tâm thông tin và cải tạo bờ sông nhà Lê	4	5	0	9
Tổng số người bị ảnh hưởng	48	66	1	115
Phần trăm	41,7	57,4	0,9	100,0

7. Sở hữu phương tiện

38. Sở hữu nhiều hơn một phương tiện, 115 hộ trả lời cho thấy phương tiện sở hữu chủ yếu là xe đạp, chiếm tới 88,7%. Tiếp đó là xe máy, với 77,4% số người trả lời nói rằng họ có, và chỉ có 3 hộ có xe ô tô, hai trong số đó thuộc nhóm bị ảnh hưởng bởi cấu phần đường vành đai. .

Bảng 11: Sở hữu phương tiện giao thông

Các cấu phần	Xe đạp	Xe máy	Ô tô
Đường vành đai và đường nối	71	66	2
Hồ xử lý nước thải	9	8	0
Trường cao đẳng Công nghiệp	12	6	0
Trung tâm thông tin và cải tạo bờ sông nhà Lê	10	9	1
Tổng cộng	102	89	3
Phần trăm	88.7	77.4	2.6

B. Điều kiện kinh tế - xã hội của các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ

8. Thành viên trong các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ

39. Trong tổng số 725 hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi bốn cấu phần dự án, có khoảng 29% chủ hộ là phụ nữ. Tính theo số thành viên, phụ nữ chiếm 48% trong tổng số 3.014 người bị ảnh hưởng, gần bằng với số nam giới. Nếu xét theo từng cấu phần, bảng 12 dưới đây sẽ chỉ ra rằng có 33% số hộ bị ảnh hưởng khu vực đường vành đai và đường nối do phụ nữ làm chủ, khu vực hồ điều hòa và xử lý nước thải có 20% số chủ hộ là phụ nữ, và cũng tương tự như vậy, ở khu vực Trường cao đẳng nghề công nghiệp có 22% số chủ hộ là phụ nữ. Tuy nhiên, tại các nơi của hai cấu phần phụ là trung tâm thông tin Hàm Rồng và cải tạo cảnh quan hai bờ sông nhà Lê thì số hộ gia đình do phụ nữ làm chủ chiếm 58%.

40. Về mặt dân số, cần lưu ý rằng nhìn chung, tỷ lệ chênh lệch giữa nam và nữ không lớn hơn 1. Điều này đặc biệt đúng tại các khu vực nơi tiến hành cấu phần xây dựng trung tâm thông tin Hàm Rồng và cải tạo cảnh quan khu vực hai bờ sông Nhà Lê và Trường cao đẳng nghề công nghiệp. Khoảng cách về giới tại các khu vực của hai cấu phần còn lại cũng không phải là quá lớn.

Bảng 12: Số hộ và nhân khẩu (phân theo giới)

Dữ liệu	Đường vành đai	Hồ điều hòa & xử lý nước thải	Trường cao đẳng công nghiệp	Trung tâm thông tin Hàm Rồng+ kênh Nhà Lê	Tổng cộng
Số hộ	326	179	161	59	725
Nam giới	217	142	125	28	512
Nữ giới	109	37	36	32	214
Nhân khẩu	1.351	798	660	205	3.014
Nam	694	417	342	103	1.556
Nữ	657	381	318	102	1.458

9. Trình độ học vấn của các chủ hộ là phụ nữ

41. Có chính xác 50% số chủ hộ là phụ nữ có trình độ văn hóa đạt tiêu chuẩn trung học cơ sở, 11% đạt trình độ trung học phổ thông. Gần 30% đã học hết tiểu học. Có khoảng 9% không qua bất kỳ trường lớp nào. Phân bổ theo cấu phần dự án thì mẫu hình chung cho thấy trình độ phổ biến của các phụ nữ là chủ hộ thường ở bậc tiểu học và trung học cơ sở.

Bảng 13: Trình độ học vấn của các chủ hộ là nữ

Các cấu phần	Không qua trường lớp	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Cao đẳng	Tổng
Đường vành đai và đường nối	9	24	59	14	2	108
Hồ xử lý nước thải	1	13	14	6	1	35
Trường cao đẳng Công nghiệp	4	16	16	0	0	36
Trung tâm thông tin và cải tạo bờ sông nhà Lê	4	9	18	4	0	35
Tổng cộng	18	62	107	24	3	214
Phần trăm	8,41	28,97	50,00	11,21	1,40	100,00

10. Nghề nghiệp của các thành viên nữ trong các hộ gia đình

42. Trong các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ, có 912 thành viên của hộ gia đình đang trong độ tuổi lao động. Trong tổng số này có 65% là nông dân, 10% là cán bộ- công nhân viên các cơ quan của nhà nước, khoảng 6% làm công nhân/lao động, khoảng 4% kinh doanh buôn bán, 12% hiện đang còn đi học, 1% sống bằng lương hưu và gần 2% theo đuổi các công việc khác hoặc đang tìm việc làm.

Bảng 14: Nghề nghiệp của các thành viên nữ trong độ tuổi lao động

Các cầu phần	Nông dân	Cán bộ/viên chức	Kinh doanh	Lao động/công nhân	Nghỉ hưu	Khác	Học sinh	Tổng
Đường vành đai và đường nổi	223	47	26	53	8	14	44	415
Hồ xử lý nước thải	202	8	1	2	2	0	35	250
Trường cao đẳng Công nghiệp	159	4	3	0	0	0	25	191
Trung tâm thông tin và cải tạo bờ sông nhà Lê	8	32	6	4	0	0	6	56
Tổng cộng	592	91	36	59	10	14	110	912
Phần trăm	64,91	9,98	3,95	6,47	1,10	1,54	12,06	100,00

11. Hộ gia đình do phụ nữ làm chủ thuộc nhóm dễ bị tổn thương

43. Trong số 214 hộ gia đình do phụ nữ làm chủ, có 40 hộ được coi là dễ bị tổn thương do rơi vào một trong những hạng mục sau: (i) những người già, (ii) những người sống độc thân hoặc sống với chỉ từ 1 đến 2 thành viên trong gia đình; (iii) các đối tượng nghèo theo chuẩn của Bộ Lao động, thương binh và xã hội; (iv) các hộ sống bằng trợ cấp của nhà nước, và/hoặc (v) đời sống chủ yếu nhờ đồng ruộng. Điều kiện kinh tế của các hộ gia đình này được trình bày theo hợp phần.

Bảng 15: Hộ gia đình do phụ nữ làm chủ thuộc nhóm dễ bị tổn thương

Các cầu phần	Số hộ gia đình do phụ nữ làm chủ dễ bị tổn thương
Đường vành đai và đường nổi	20
Hồ xử lý nước thải	4
Trường cao đẳng Công nghiệp	11
Trung tâm thông tin và cải tạo bờ sông nhà Lê	5
Tổng	40

- a) Đường vành đai. Trong phạm vi khu vực cầu phần này, có 20 hộ do phụ nữ làm chủ hộ được xác định là những đối tượng dễ bị tổn thương theo tiêu chí của Bộ lao động, thương binh và xã hội. Độ tuổi trung bình của chủ hộ phụ nữ là 58, với mức trẻ nhất là 46 tuổi và già nhất là 81 tuổi. Trong tổng số các chủ hộ là phụ nữ, có 17 hộ là nông dân, 3 chủ hộ được nhận trợ cấp xã hội của nhà nước và 1 trong số này có một người bị khuyết tật, 2 người già không nơi nương tựa. Dựa trên số liệu khảo sát thống kê thiệt hại, 9 hộ do phụ nữ làm chủ sẽ bị mất từ 10% đất canh tác trở lên .
- b) Hồ điều hòa xử lý nước thải. Cầu phần này dự tính sẽ triển khai tại khu vực có 4 chủ hộ là Phụ nữ, với độ tuổi từ 70-86, trung bình là 77 tuổi, và đều đang sống một mình. Các đối tượng này được xếp vào diện nghèo, trong đó có 2 người có đủ điều kiện để được nhận trợ cấp xã hội của nhà nước. Số liệu khảo sát cho thấy rằng 4 chủ hộ là phụ nữ này sẽ bị mất từ 10% đất trở lên do cầu phần này.
- c) Trường Cao đẳng nghề công nghiệp. Trong số các hộ bị ảnh hưởng bởi hợp phần này, có 11 hộ do phụ nữ làm chủ; độ tuổi trung bình của họ là 75, dao động từ 50-90

tuổi. 5/11 phụ nữ trong độ tuổi từ 56 đến 76 vẫn đang phải làm ruộng để kiếm sống. Căn cứ theo tiêu chí của Bộ Lao động, thương binh và xã hội, tất cả 11 đối tượng này là đối tượng nghèo được nhận trợ cấp xã hội của chính phủ. Hầu hết các chủ hộ đều đang sống một mình, và chỉ có 2 chủ hộ hiện đang sống cùng với 1 hoặc 2 thành viên trong gia đình. Trong số 11 hộ gia đình này, 8 hộ sẽ mất nhiều hơn 10% đất canh tác, và 6 người trong số đó nói rằng nguồn thu nhập chính của họ là từ số đất canh tác này.

- d) Trung tâm thông tin và sông nhà Lê. Trong phạm vi của cấu phần này, có 5 chủ hộ là phụ nữ trong độ tuổi từ 76-94, với mức tuổi trung bình là 84. Cả 5 hộ này đều được nhận trợ cấp xã hội của nhà nước, 4/5 hộ sẽ bị mất từ 10% trở lên đất canh tác.

C. Các hộ dễ bị tổn thương khác

44. Trong tổng số các hộ bị ảnh hưởng, có 112 hộ được xem thuộc nhóm đối tượng dễ bị tổn thương. Ngoài 40 hộ do phụ nữ làm chủ được xem là các đối tượng dễ bị tổn thương, các hộ khác có thành viên rơi vào nhóm này là những người nghèo, người già và người không có khả năng lao động. 70% trong 112 hộ ảnh hưởng nằm dưới ngưỡng nghèo đói, 22% có người già và 7% hộ có thành viên không có khả năng lao động. Các hộ gia đình bị ảnh hưởng từ cấu phần của Trường cao đẳng công nghiệp có số hộ dễ bị tổn thương nhiều nhất, sau đó là hợp phần đường vành đai. Không có đối tượng hộ bị ảnh hưởng là người dân tộc thiểu số, toàn bộ các hộ gia đình là người Kinh.

Bảng 16: Các hộ dễ bị tổn thương khác

Các cấu phần	Hộ dễ bị tổn thương do Phụ nữ làm chủ hộ	Dưới mức nghèo	Người già	Không có khả năng lao động	Khác	Tổng cộng*
Đường vành đai và đường nối	20	29	3	3	1	36
Hồ xử lý nước thải	4	9	9	2	0	20
Trường cao đẳng Công nghiệp	11	36	8	3	0	47
Trung tâm thông tin và cải tạo bờ sông nhà Lê	5	4	5	0	0	9
Tổng	40	78	25	8	1	112

VII. THAM VẤN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

45. Mục tiêu chủ yếu của quá trình tham gia và tham vấn là nhằm:

- cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho các AP về Dự án và các hoạt động có liên quan, và bảo đảm rằng họ có thể đưa ra các quyết định với đầy đủ thông tin về những vấn đề ảnh hưởng trực tiếp tới sinh kế, thu nhập và mức sống của họ;
- giành được sự hợp tác và tham gia của các AP và các bên liên quan khác trong quá trình lập và thực thi kế hoạch tái định cư - có nghĩa là thu thập thông tin về nhu cầu và ưu tiên của các AP liên quan tới việc đền bù, di chuyển và các hoạt động khác được tiến hành như một phần của việc lập và thực thi kế hoạch tái định cư; và tìm hiểu phản ứng của các AP và các bên có liên quan khác đối với các chính sách và hoạt động dự kiến; bảo đảm rằng các cơ quan thẩm quyền địa phương sẽ tham gia vào quá trình lập kế hoạch và ra quyết định tái định cư, và rằng các AP, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, sẽ tham gia

vào các hoạt động tái định cư, ví dụ như đánh giá tài sản, đền bù, giám sát tái định cư;

- iii) giảm khả năng xung đột, cũng như nguy cơ trì hoãn dự án; và
- iv) tạo điều kiện để Dự án xây dựng một chương trình tái định cư và phục hồi đáp ứng nhu cầu và các ưu tiên của người bị ảnh hưởng.

46. Trước khi tiến hành các khảo sát kinh tế - xã hội (SES) và khảo sát kiểm kê thiệt hại (IOL), các chuyên gia tư vấn của PPTA đã thông báo với lãnh đạo các xã/phường có liên quan và những người bị ảnh hưởng về Dự án đề xuất. Thông tin bao gồm các tác động tiềm tàng, hoạt động chuẩn bị Kế hoạch tái định cư, các quyền lợi đền bù của Dự án (ví dụ như thanh toán đền bù sẽ dựa trên giá thị trường hiện tại) và kế hoạch tiến hành SES và IOL. Danh sách các buổi tham vấn được tiến hành cũng như tên những người tham gia của được nêu trong bảng dưới đây. Đối với các cuộc gặp này, các cán bộ xã, phường có liên quan đều đã mời tất cả các hộ gia đình bị ảnh hưởng tham gia và sử dụng hội trường thôn/xã làm địa điểm họp.

Bảng 17: Hợp cộng đồng

Thời gian/địa điểm	Thành phần tham gia	
	Lãnh đạo/ cán bộ địa phương	Người bị ảnh hưởng
Đường Sáng, Ngày 9,18, 25-26 tháng 6/2008 5 xã Buổi sáng tại UBND mỗi xã	• Ông. Nguyễn Văn Sâm – Phó chủ tịch xã • Ông. Nguyễn Tuấn Anh - Cán bộ địa chính • Ông. Nguyễn Xuân Huân - Chủ tịch HTX Quảng Xá • Ông. Bảo, Nhân viên HTX Mật Sơn • Ông. Lê Đình Quý, Chủ tịch xã • Bà. Nguyễn Thị Hợp - cán bộ địa chính • Ông. Đỗ Ngọc Quyết, Phó chủ tịch • Ông. Trương Tiến Dũng, Cán bộ địa chính • Ông. Yên Văn Luận, Chủ tịch xã • Ông. Phạm Văn Tới, Cán bộ địa chính	10 người
08h- 9.30h sáng 30/8/2008 Làng Yên Biên/ xã Quảng Thắng	• Ông. Đỗ Anh Bắc, Chánh văn phòng xã Quảng Thắng; • Ông. Nguyễn Duy Trịnh, Bí thư thôn Yên Biên • Ông. Ngô Ngọc Phú, Trưởng thôn • Ông. Nguyễn Duy Oanh, trưởng thôn 6	25 người (11 nữ)
1.30h-3.00h chiều 30/8/2008 Làng Khu Bắc/ xã Quảng Thắng	• Ông. Đỗ Anh Bắc, Chánh văn phòng xã Quảng Thắng; • Ông. Mai Hữu Quý, trưởng thôn 7 • Ông. Trương Sỹ Trung, trưởng thôn 8	26 người (14 nữ)
3.30h -5.00h chiều 30/8/2008 Thôn Thành Yên/ xã Quảng Thành	• Ông. Lê Văn Toàn, phó trưởng thôn • Ông. Trương Tiến Dũng, cán bộ địa chính	17 người (6 nữ)
07.00- 09.00h sáng 31/8/2008 Xóm 9 xã Quảng Thắng	• Ông. Đỗ Anh Bắc, Chánh văn phòng xã • Ông. Lê Xuân Lưu, trưởng thôn 9 • Ông. Trịnh Văn Khang, bí thư thôn	14 người (6 nữ)
15.00 – 17.00 9/9/2008. Làng Mật Sơn 3 Phường Đông Vệ	• Ông. Nguyễn Công Hoàn, Chủ nhiệm HTX Mật Sơn; • Ông. Nguyễn Thế Bảo, thư ký; • Ông. Nguyễn Trần Xuyên, trưởng thôn 1; • Ông. Nguyễn Đình Truyền, trưởng thôn 2 • Ông. Lê Đình Hùng, trưởng thôn 3; • Phạm Hữu Toàn, kế toán	53 người (20 nữ)

16.00-17.30 Thôn Thành Mai xã Quảng Thành	• Ông. Nguyễn Thanh Tuấn, trưởng thôn Thành Mai; • Ông. Đinh Xuân Tuấn, đại diện cho người bị ảnh hưởng của địa phương • Ông, Dũng, cán bộ địa chính	10 người (2 nữ)
9.00-10.00 4/9/2008 phường Tân Sơn	• Ông. Lê Đình Quý, Chủ tịch xã • Bà. Nguyễn Thị Hợp - cán bộ địa chính	7 người (2 nữ)
15.30 -17.00 4/9/2008 HTX Quảng Đại phường Đông Vệ	• Ông. Nguyễn Xuân Huân, chủ tịch HTX Quảng Đại; • Ông. Nguyễn Văn Độ, Phó chủ tịch; • Bà. Phạm Thị Luyện, Kế toán	37 người (18 nữ)
Giáo dục		
14.00-16.00 4/9/2008 Thôn 5+6 xã Đông Cương	• Ông. Lê Ngọc Lay – trưởng thôn 6; • Ông. Nguyễn Thái Lan, trưởng thôn 5 • Ông. Nguyễn Xuân Toàn, bí thư thôn 5; • Ông. Lê Xuân Nghinh, bí thư thôn 6	139 người (42 nữ)
Xử lý nước thải		
20.00-21.30 thôn Trường Sơn xã Quảng Thịnh	• Ông. Lê Văn Quý, bí thư • Ông. Đỗ Khắc Lâm, trưởng thôn; • Ông. Lê Văn Hùng, nhân viên bảo vệ	145 người (57 nữ)

47. Cần lưu ý rằng trong các cuộc họp, vấn đề mà người tham dự quan tâm nhất là đền bù. Theo ý kiến của họ, tỷ lệ đền bù các loại đất của Chính phủ là rất thấp. Những người bị ảnh hưởng dùng các từ như: “hợp lý, có thể chấp nhận được, công bằng, thoả đáng, theo giá thị trường” tại thời điểm đền bù liên quan đến chế độ đền bù cho tài sản bị ảnh hưởng của người dân.

Những vấn đề quan trọng mà các hộ bị ảnh hưởng nêu ra như sau:

- Đền bù đất phải bằng giá thị trường để họ có thể mua mảnh đất tương tự/ để phục hồi điều kiện sống như trước khi dự án vào.
- Dự án nên tính đến giá trị sản xuất của đất để tính giá đất cao hơn những khu vực đất có giá trị kém hơn.
- Dự án nên tiến hành cuộc điều tra giá đất thị trường và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng.
- Dự án không chỉ nên tập trung vào phần trăm đất bị mất mà nên xem xét tổng diện tích đất của những người bị ảnh hưởng, nó có thể có vài ảnh hưởng cho dù phần đất bị mất là nhỏ.
- Một số hộ bị ảnh hưởng sẽ được hỗ trợ về tài chính/ tạo cho họ cơ hội đầu tư vào chăn nuôi.
- Dự án cũng nên chú ý đến một số hộ bị ảnh hưởng.
- Dự án nên đưa ra những khoá đào tạo thích hợp đặc biệt là tầng lớp thanh niên.
- Dự án nên tạo cơ hội việc làm cho những người bị ảnh hưởng. Việc thu hồi đất không thích hợp sẽ dẫn đến mất việc và cũng là nguyên nhân của các tệ nạn xã hội.
- Cũng nên bồi thường thích hợp cho những tác động ví dụ như các đường dây điện, hệ thống cấp nước mà người bị ảnh hưởng đã chi trả.
- Dự án cũng nên hoàn thành đúng thời gian để người dân có khả năng ổn định đời sống của họ trong thời gian sớm nhất có thể.
- Dự án cũng nên thu hồi đất sản xuất mà có diện tích nhỏ và không còn khả năng sản xuất.
- Dự án cũng nên xem xét các tác động không biết trước trong quá trình xây dựng như các vấn đề về hệ thống thủy lợi/ thoát nước.
- Quan tâm đặc biệt đến các hộ người cao tuổi mà không nhận được những hỗ trợ

- từ phía gia đình.
- Thông tin về dự án cần phải được công bố đến người dân trong quá trình thực hiện dự án. Trình bày các bản đồ chi tiết trong các cuộc họp sẽ thuận tiện cho những người bị ảnh hưởng.
- Các điểm người dân di dời đến phải có cơ sở hạ tầng cơ bản tương tự hoặc tốt hơn. Giá cả cũng phải tương tự hoặc trong khả năng của người dân để họ chuyển đến nhà mới.
- Dự án cũng lưu ý đến các tác động môi trường.
- Thu hồi đất nên diễn ra sau vụ thu hoạch hoặc trước mùa gieo trồng để đảm bảo mùa màng không bị phá hủy.
- Dự án vẫn phải kiểm tra và theo sát những người bị ảnh hưởng sau khi thu đất của họ.
- Thu hồi đất và hoạt động đền bù phải minh bạch và cho phép những người bị ảnh hưởng tham gia giám sát.
- Ngoài đền bù, nên đưa các chương trình hỗ trợ và phục hồi sinh kế đến với người bị ảnh hưởng để phục hồi đời sống của họ.

48. Trang thông tin dự án (PIS) bằng tiếng Việt đã được phân phát cho các xã/phường và người bị ảnh hưởng trong tháng 7-2008. Liên quan tới việc công bố kế hoạch tái định cư (RP), các thông tin cơ bản trong bản dự thảo kế hoạch tái định cư đã được thông báo đến những người bị ảnh hưởng vào cuối tháng 8-2008. Trang thông tin cộng đồng đã được chuẩn bị và dịch ra tiếng Việt, bao gồm những thông tin sau: (i) mô tả chung về dự án, đặc biệt là các công trình dân dụng sẽ thực hiện, (ii) bảng mô tả tiến trình thời gian để lên kế hoạch và thực hiện dự án cũng như những tác động bất lợi đến xã hội, (iii) định giá tài sản, (iv) nguyên tắc đền bù và hỗ trợ các hộ gia đình thuộc dự án, (v) quyền của các hộ gia đình, gồm cả bảng tóm tắt ma trận quyền lợi; (vi) quá trình tham vấn, (vii) thủ tục giải quyết các khiếu nại; (viii) giám sát và đánh giá thủ tục; và (ix) danh sách liên lạc của những người trong PPMU. Ngoài việc phân phát trang thông tin cho các hộ bị ảnh hưởng, nội dung này và kế hoạch tái định cư sẽ luôn được cập nhật trên trang web của UBND tỉnh. Các hoạt động này sẽ hoàn thành vào ngày 10-9-2008.

VIII. CẬP NHẬT VÀ THỰC THI RP

49. Thực hiện kế hoạch tái định cư (ví dụ: chi trả cho những người bị ảnh hưởng, giải phóng mặt bằng và tái định cư cho những người bị ảnh hưởng) chỉ bắt đầu khi bản kế hoạch tái định cư cập nhật đã được ADB xem lại và thông qua.

50. Thực hiện việc tham vấn với những người bị ảnh hưởng, đặc biệt là những hộ bị tổn thương và bị ảnh hưởng nặng nề.

A. Tiến hành khảo sát đo đạc chi tiết

51. Việc thực hiện điều tra và khảo sát đo đạc chi tiết (DMS) sẽ được tiến hành sau giai đoạn thiết kế hoàn chỉnh. Thủ tục tiến hành DMS tương tự như IOL; nghĩa là: ghi lại cụ thể các tài sản đất đai và tài sản ngoài đất đai. Mẫu của DMS, cùng với kết quả khảo sát giá đền bù do UBND tỉnh xem xét và thông qua, sẽ là nền tảng để chuẩn bị cho kế hoạch đền bù.

52. Lưu ý rằng trong thời gian thực hiện DMS, tất cả những người bị ảnh hưởng sẽ phải nộp bản copy giấy chứng nhận quyền sở hữu đất (LURC) hoặc bất cứ giấy tờ hợp lệ cho Ban tái định cư (RC) trong việc chuẩn bị kế hoạch đền bù. Mọi mẫu DMS đều được những người ảnh hưởng xem xét và ký vào.

53. Danh sách chính thức những người bị ảnh hưởng, những thiệt hại của họ, và việc

chi trả sẽ được công bố cho họ.

- Trong suốt quá trình thực hiện DMS, những người bị ảnh hưởng phải nộp bản copy giấy chứng nhận quyền sở hữu đất/giấy tờ hợp pháp cho RC
- RC chuẩn bị kế hoạch đền bù (DMS và Khảo sát chi phí thay thế [RCS] do UBND tỉnh thông qua)
- RC thông báo kế hoạch đền bù cho những người bị ảnh hưởng.
- Những người bị ảnh hưởng phải xem xét và ký vào kế hoạch tái định cư
- RC trình cho sở Tài chính (DOF) để xem xét và thông qua.
- Sở Tài chính trình lên UBND tỉnh thông qua
- RC gồm cả DMS và kế hoạch đền bù trong bản kế hoạch tái định cư cập nhật

54. Những người bị ảnh hưởng sẽ không ký vào bản DMS và kế hoạch tái định cư nếu họ không đồng ý cho đến khi mọi thắc mắc được giải quyết.

55. Một cuộc điều tra kinh tế - xã hội mới sẽ được tiến hành nếu kế hoạch tái định cư cập nhật không được tiến hành trong vòng 2 năm, do các yếu tố về nhân khẩu và kinh tế - xã hội có những thay đổi đáng kể. Cuộc điều tra sẽ tiến hành đối với 20% các hộ bị ảnh hưởng nặng và 10% các hộ bị ảnh hưởng khác.

B. Điều tra về chi phí thay thế do đơn vị thẩm định giá độc lập tiến hành

56. Một đơn vị thẩm định giá độc lập sẽ được thuê để thực hiện việc điều tra chi phí thay thế cho đất đai và tài sản gắn liền với đất đai. Đơn vị được chỉ định sẽ tiến hành công việc của mình song song với quá trình thực hiện DMS. Báo cáo về Khảo sát chi phí thay thế (RCS) sẽ trình lên cho PPMU và PPC.

C. Tham vấn và công bố thông tin

57. Tổ chức tham vấn với những người bị ảnh hưởng, đặc biệt là những người bị thương tổn và ảnh hưởng nặng nề. Mọi hoạt động tham vấn và công bố thông tin sẽ có văn bản ghi lại. Tất cả các biên bản cuộc họp, ảnh, danh sách những người tham dự sẽ được chuẩn bị và lưu lại.

58. Việc công bố thông tin về RP cập nhật cho những người bị ảnh hưởng phải tiến hành trước khi trình cho ADB xem xét và phê duyệt. RC sẽ công bố (i) Bản phác thảo kế hoạch tái định cư trước khi trình cho ADB xem xét và phê duyệt; (ii) Kế hoạch tái định cư hoàn chỉnh do PPC và ADB đã phê duyệt, và (iii) Những điều chỉnh trong bản kế hoạch tái định cư khi có sự thay đổi về quy mô và thiết kế. Những thông tin chính trong bản kế hoạch tái định cư sẽ công bố đến các hộ bị ảnh hưởng gồm (i) các phương án đền bù, di dời và phục hồi sinh kế, (ii) Kết quả DMS, (iii) chi tiết định giá tài sản, (iv) Quyền và những quy định đặt biệt, (v) Thủ tục gửi thắc mắc, khiếu nại, (vi) Thời gian chi trả, và (vii) Kế hoạch di dời. Thông tin sẽ được công bố rộng rãi đến cộng đồng, với các lãnh đạo xã và cung cấp đến những hộ bị ảnh hưởng theo hình thức bản tóm tắt kế hoạch tái định cư, và các tờ rơi hoặc sách mỏng. Các báo cáo giám sát xã hội cũng sẽ được cung cấp đến những người bị ảnh hưởng và sẽ được đăng tải trên trang web của ADB.

D. Di dời hộ gia đình

59. Trong buổi tham vấn cộng đồng với ban giải phóng mặt bằng và tái định cư thành phố (LCRC), Họ cho biết họ có các khu tái định cư cho 17 hộ ở tại các xã nếu dự án bắt đầu tiến hành vào cuối năm 2009: 6 hộ ở Đông Vệ có thể di chuyển đến khu tái định cư ở đường Lê Thánh Tông, cũng thuộc phường Đông Vệ. 10 trong số 12 hộ của xã Quảng Thắng có thể chuyển đến MB77 cũng thuộc xã Quảng Thắng, 2 hộ còn lại sẽ chuyển đến Quảng Thành. 1 hộ ở phường Tân Sơn sẽ tái định cư ở khu vực tái định cư phường Phú Sơn.

Những khu tái định cư này đã có dân cư, có đường vào và hệ thống điện nước đã được mắc sẵn.

60. Các hộ bị di dời sẽ được tham vấn về yêu cầu của họ (sẽ lấy tiền đền bù hoặc đất tại các khu tái định cư bất kỳ) như là một phần trong kế hoạch tái định cư.

E. Các biện pháp phục hồi thu nhập

61. Kinh nghiệm cho thấy, nếu không giảm nhẹ, tổn thương của việc tái định cư kết quả của các dự án phát triển thường gây ra các vấn đề về môi trường, xã hội và kinh tế nghiêm trọng: các hệ thống sản xuất bị phá hủy; người dân đối mặt với việc mất công cụ sản xuất khi tài sản sản xuất của họ bị ảnh hưởng hoặc không có nguồn thu nhập thay thế; họ chuyển đến một môi trường nơi kỹ năng sản xuất của họ không thể áp dụng và phải cạnh tranh cao hơn; tính cộng đồng và hệ thống xã hội yếu kém; họ hàng bị phân tán; và nền văn hóa, quyền lợi truyền thống và sự trợ giúp lẫn nhau bị giảm bớt hoặc mất đi. Thêm vào đó, những người có vị trí trong xã hội và/hoặc tình trạng vật chất và kinh tế của họ khó có khả năng phục hồi hơn những người khác và, do đó, đối mặt với rủi ro cao hơn với sự kiệt quệ. Những người này bị rơi vào nhóm các hộ bị tổn thương.

1. Đất thay thế có sẵn (đất sản xuất)

62. Dựa trên các cuộc tham vấn với những hộ bị ảnh hưởng và các quan chức địa phương, không còn quỹ đất thay thế, do đó những người bị ảnh hưởng mất đất sẽ không được cung cấp lại đất. Tuy nhiên cũng nên lưu ý, những người bị ảnh hưởng thích nhận tiền bồi thường theo giá thị trường để mua mảnh đất sản xuất tương tự. Theo các hộ, có thể mua và bán đất ở trong địa phương. Và cũng theo các quan chức cho biết thị trường đất đai trong thành phố rất sôi động và người dân có thể mua đất theo chọn lựa của mình.

2. Cơ hội việc làm và các hoạt động phục hồi thu nhập

63. Ngoài đền bù và hỗ trợ tài sản về đất và ngoài đất, dự án sẽ lên kế hoạch và thực hiện một chương trình phục hồi thu nhập cho những hộ được chọn.

64. Tất cả các hộ bị tổn thương nặng do bị mất tài sản sản xuất, ví dụ mất 10% hoặc cao hơn đất sản xuất hoặc những người chỉ còn lại đất mà được xem là không thể canh tác được, và những hộ bị tổn thương mà mức độ tác động không thích hợp để cho vào chương trình phục hồi nguồn thu nhập. Những hoạt động này bao gồm các chương trình nông nghiệp làm tăng năng suất của các hoạt động sản xuất của họ: (i) cung cấp những thông tin về đa dạng hoá mùa vụ và các nguồn giống lúa chất lượng cao và các loại cây có giá trị khác; (ii) hỗ trợ kỹ thuật trong nghiên cứu đất trồng để chọn loại cây và phân bón thích hợp để gieo trồng. Việc hỗ trợ kỹ thuật có thể do Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn hoặc phòng nông nghiệp thành phố hoặc các tổ chức khác liên quan đến nông nghiệp của địa phương thực hiện.

65. Ngoài ra còn có các chương trình khác, các hoạt động/ chương trình về nông nghiệp và phi nông nghiệp, có thể được dùng để xem xét trong việc lên kế hoạch phục hồi thu nhập cho các hộ bị tổn thương như sau:

- a. Thí nghiệm một hoạt động sản xuất đã được chọn và có thể tạo ra thu nhập do tỉnh và thành phố xác nhận.
- b. Ưu tiên bố trí việc làm cho người có khả năng kể cả nam và nữ trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

- c. Các chương trình đào tạo kỹ năng cho những người mong muốn được đào tạo trong các lĩnh vực như (i) các khoá đào tạo nghề; (ii) nông nghiệp chuyên sâu; (iii) chăn nuôi; (iv) điều hành cơ sở kinh doanh nhỏ.
- d. Đối với các hộ muốn đầu tư vào kinh doanh nhỏ, dự án sẽ cung cấp các hội thảo chuyên đề với các nhà doanh nghiệp (các sáng kiến và tầm nhìn, kỹ năng bán hàng cơ bản, quản lý tài chính và marketing).

66. Trong quá trình thực hiện khảo sát đo đạc chi tiết (DMS), Dự án cùng với nhóm tư vấn hỗ trợ sẽ giúp thiết kế và thực hiện chương trình phục hồi thu nhập và sẽ tiến hành xác định các hoạt động sinh kế của mỗi hộ gia đình bằng việc đánh giá nhu cầu thực sự, và bằng việc đánh giá những hỗ trợ bên ngoài có sẵn mà các hộ cần cho mục tiêu chọn các hoạt động sinh kế. Tư vấn sẽ điều tra và đánh giá khả năng việc làm, tín dụng, và những nơi có thể cung cấp các khoá học khi thực hiện đánh giá những cơ hội và nhu cầu cho mỗi hộ tham gia được chọn.

67. Thêm vào đó, tùy thuộc vào nhu cầu, mong muốn và nguồn nhân lực và vật lực của hộ gia đình, mỗi một hộ tham dự đủ điều kiện có thể chọn một nguồn sinh kế để coi như nguồn thu nhập thứ hai, đặc biệt khi nguồn sinh kế chính không thể mang lại thu nhập hàng ngày lập tức, như chăn nuôi và trồng trọt. Nguồn sinh kế thứ hai sẽ giúp các hộ duy trì cuộc sống hàng ngày. Nội dung chính của chương trình là để đảm bảo mỗi hộ gia đình có phương tiện để duy trì cuộc sống hàng ngày.

68. Các quyền sách thông tin mỏng của mỗi chương trình sẽ được đưa đến các hộ gia đình và ủy ban các xã. Các thông tin sẽ bao gồm, nhưng không giới hạn, như sau:

- Sản xuất (nông nghiệp và phi nông nghiệp)/ các hoạt động tạo thu nhập: Loại hình chương trình, chi phí đầu tư và tiền thu về, khung thời gian cho dòng vốn tăng, độ bền vững và các rủi ro.
- Các cơ hội liên quan đến dự án: loại hình công nhân cần, thời gian hợp đồng, lương và các quyền lợi cơ bản, kế hoạch, các yêu cầu/năng lực cơ bản đối với công nhân, những người cần liên lạc.
- Cơ hội việc làm: Tên và địa chỉ của tổ chức, bản chất của tổ chức đó, số lượng công nhân cần, các yêu cầu/năng lực cơ bản đối với công nhân; cung cấp các khoá đào tạo; lương và các quyền lợi cơ bản; những người cần liên lạc.
- Đào tạo kỹ năng: Loại hình đào tạo, mục tiêu, thời gian, chi phí đối với học viên, chất lượng học viên, loại hình chứng chỉ được cấp sau khi kết thúc khoá học; tìm việc.
- Tiếp cận tín dụng: loại hình của khoản vay; các yêu cầu đối với những khoản vay có hiệu quả, hình thức thanh toán và lãi suất, các rủi ro liên quan.

69. Quá trình lên kế hoạch phục hồi thu nhập cho các hộ gia đình được chọn sẽ bắt đầu cùng thời gian với việc thực hiện DMS. Việc thu thập số liệu và điều tra sâu những nhu cầu và cơ hội sẽ cũng làm song song với DMS. Các hoạt động khác nhau của phục hồi thu nhập đối với các hộ tham gia sẽ được ghi lại trong kế hoạch tái định cư. Việc thực hiện chương trình sẽ được giám sát trong một quý để đảm bảo các mục tiêu đạt được và cũng được đưa vào trong báo cáo quá trình tái định cư trình lên cho ADB. Chương trình sẽ được điều chỉnh khi cần thiết và thêm tiền và hỗ trợ hiện vật dựa trên kết quả của hoạt động giám sát và đánh giá. EMA cũng sẽ tiến hành giám sát và theo dõi độc lập các hoạt động phục hồi thu nhập.

70. Việc đánh giá chương trình phục hồi thu nhập sẽ được thực hiện để tổng kết những gì đã đạt được, xác định việc can thiệp thêm nếu thấy cần thiết; và đưa ra những bài học và thông tin phân tích.

F. Chiến lược giới

71. Chiến lược giới gồm các hoạt động cụ thể để đảm bảo các lợi ích của dự án đối với phụ nữ

- a) Các cuộc họp tham vấn với phụ nữ, các hộ do phụ nữ làm chủ và phụ nữ cao tuổi sẽ được tổ chức riêng;
- b) Ban tái định cư sẽ có đại diện của hội phụ nữ thành phố, hội phụ nữ xã và đại diện nữ của các hộ bị ảnh hưởng;
- c) Trong giai đoạn đầu của dự án, sẽ thiết kế các chương trình đào tạo nâng cao năng lực về các hoạt động tái định cư cho các cán bộ xã và các hộ gia đình bị ảnh hưởng để hướng họ vào các hoạt động tái định cư. Đảm bảo phải có sự tham gia của phụ nữ nghèo, phụ nữ làm chủ gia đình và người dân tộc trong khoá đào tạo; khoá đào tạo này cũng sẽ có sự góp mặt của đại diện PPMU, các cơ quan cùng cấp và đại diện của hội phụ nữ xã, hội thanh niên có liên quan trong ban tái định cư;
- d) Khoá học bao gồm những thông tin về hoạt động tái định cư, đền bù, quản lý tiền đền bù, thủ tục khiếu nại, và tác động của dự án đến hoạt động sinh kế do mất đất sản xuất nông nghiệp và các tài sản sản xuất khác. Mục tiêu của việc đào tạo là giúp cho những nơi bị ảnh hưởng hiểu được các vấn đề tái định cư giúp họ tiếp cận với các phương án đền bù và các thông tin về thủ tục khiếu nại;
- e) Các khoá đào tạo nâng cao năng lực tái định cư sẽ thực hiện riêng đối với phụ nữ trong các hộ do nữ làm chủ; đảm bảo có sự tham gia của phụ nữ thuộc nhóm dân tộc thiểu số vào khoá đào tạo;
- f) Trong quá trình thực hiện điều tra DMS, cả nam và nữ của các hộ bị ảnh hưởng sẽ tham gia các hoạt động nói trên;
- g) Các hoạt động phục hồi sinh kế sẽ được lên kế hoạch có sự tham gia của nữ giới; các hoạt động đánh giá cần thiết về sinh kế và kỹ năng phát triển sinh kế sẽ thực hiện riêng rẽ cho các thành viên nữ, phụ nữ nghèo, phụ nữ làm chủ hộ, nữ cao tuổi và phụ nữ thuộc nhóm dân tộc thiểu số;
- h) Trả tiền đền bù và hỗ trợ tiền mặt sẽ đưa cho cả nam và nữ trong các hộ gia đình; Đặc biệt lưu ý đến các hộ gia đình nghèo do nữ làm chủ, nữ cao tuổi trong việc trả tiền đền bù đúng hạn và phát triển các hoạt động sinh kế thích hợp cho họ;
- i) Giấy chứng nhận quyền sở hữu đất phải có tên cả vợ và chồng và tên của chủ hộ là nữ trong trường hợp đất bị thu hồi;
- j) Thảo luận riêng với các thành viên nữ, phụ nữ làm chủ hộ, nữ cao tuổi, hộ gia đình thuộc dân tộc thiểu số về việc chọn địa điểm di chuyển đến, loại hình cấu trúc nhà và các hạ tầng xã hội khác, bao gồm thời gian di chuyển;
- k) Những khảo sát đặc biệt sẽ tiến hành cho việc di dời của người cao tuổi, tàn tật, hộ gia đình do nữ làm chủ với điều kiện nơi ở mới phải gần với gia đình/họ hàng. Đối với người già, người tàn tật, các căn hộ chung cư sẽ không thích hợp đối với họ.
- l) Các chỉ số giám sát riêng rẽ về giới sẽ được phát triển để giám sát ích lợi xã hội, cơ hội kinh tế, chương trình sinh kế và các hoạt động tái định cư.

G. Tập trung vào các hộ bị tổn thương

72. Mỗi một hộ có thể có nhiều hơn một loại hình tổn thương, các tác động đến những hộ đó, thậm chí là nhỏ, đặt những hộ này vào những hộ có rủi ro cao trong việc đối mặt với sự kiệt quệ/khổ sở nếu các nhu cầu cụ thể của họ không được xác định và giải quyết một cách phù hợp và kịp thời. Phụ nữ và các nhóm bị tổn thương khác sẽ được tư vấn riêng sau khi tổ chức các buổi họp với xã đặc biệt là những làng sau: a) Làng Khu Bắc, Yên Biên, Thanh Mai, và thôn 9 ở xã Quảng Thành; và b) làng Mật Sơn, Đông Vẽ; c) làng Trường Sơn, xã Quảng Thịnh và xã Đông Cương. Các vấn đề họ nêu ra cũng giống với các hộ bị ảnh hưởng khác là đền bù (xem ở mục 7 phần tham vấn).

73. Do đó, dự án sẽ tiếp tục tư vấn cho các hộ nói trên và xác định các phương pháp

giảm nhẹ thích hợp. Giám sát bên trong và ngoài lưu tâm đến tất cả các hộ bị tổn thương tập trung vào năng lực của họ trong phục hồi/nâng cao nguồn thu nhập/sinh kế. Biện pháp này đưa ra để đạt được mục tiêu nâng cao địa vị kinh tế - xã hội của những hộ gia đình này.

H. Giám sát bên trong

74. Ban quản lý dự án thuộc THPPC sẽ là cơ quan giám sát bên trong của dự án. Như vậy, PPMU sẽ lưu giữ hồ sơ những thông tin thu thập được, bao gồm thông tin của các hộ bị ảnh hưởng. Mỗi PIU sẽ nộp báo cáo giám sát của từng quý cho PPMU tính từ khi kế hoạch tái định cư bắt đầu được cập nhật, đồng thời với việc thực hiện điều tra đánh giá cụ thể và các hoạt động khác của kế hoạch tái định cư. Về phía PPMU sẽ cập nhật các hoạt động tái định cư trong các báo cáo tiến độ lên ADB. Các báo cáo giám sát xã hội sẽ phát cho các hộ bị ảnh hưởng và nộp lên cho ADB để đưa lên trang web.

75. Mục đích của việc giám sát và theo dõi bên trong như sau:

- a. Việc đền bù và các quyền lợi khác sẽ tính theo các tỷ lệ và thủ tục như trong bản kế hoạch tái định cư được phê duyệt, không có sự phân biệt về giới, mức độ tổn thương, hoặc bất kỳ các nhân tố khác;
- b. Các hộ bị ảnh hưởng sẽ nhận được tiền đền bù và các quyền lợi khác như trong mỗi bản kế hoạch tái định cư cập nhật mới được phê duyệt, đảm bảo các quyền lợi đều đến tay những người bị ảnh hưởng đúng kế hoạch và thỏa thuận, gồm đền bù bằng tiền mặt hoặc hiện vật, đất cho phép thay thế, khu tái định cư đã có người dọn đến ở;
- c. Các chương trình phục hồi thu nhập được thiết kế và áp dụng sẽ được điều chỉnh về nội dung và các quy định trong hỗ trợ về tiền hoặc hiện vật cho các hộ bị ảnh hưởng khi thấy cần thiết;
- d. Thông tin cộng đồng, tham vấn cộng đồng và các thủ tục giải quyết khiếu nại sẽ được mô tả sau trong bản kế hoạch tái định cư được thông qua;
- e. Năng lực phục hồi/ thiết lập lại sinh kế và mức sống. Tập trung chú ý vào các hộ bị ảnh hưởng nặng và các hộ bị tổn thương. Việc tập trung sẽ được đưa ra nếu mục tiêu nâng cao điều kiện kinh tế - xã hội của các hộ bị tổn thương đạt được.
- f. Những ảnh hưởng về cơ sở vật chất và hạ tầng công cộng sẽ được phục hồi nhanh chóng và;
- g. Quá trình chuyển công tác tái định cư sang bắt đầu xây dựng sẽ nhanh chóng và các địa điểm sẽ không được tiến hành xây dựng cho đến khi các hộ bị ảnh hưởng hài lòng với mức đền bù và đã di dời đến nơi mới.

I. Giám sát bên ngoài

76. Mục tiêu chính của giám sát bên ngoài là cung cấp đánh giá và xem xét định kỳ của (i) các mục tiêu tái định cư đã đạt được; (ii) thay đổi mức sống và sinh kế; (iii) phục hồi và/hoặc nâng cao điều kiện kinh tế - xã hội cơ bản của những hộ bị ảnh hưởng; (iv) tính hiệu quả và bền vững của các quyền lợi; và (v) sự cần thiết của các phương pháp giảm thiểu.

77. Những bài học chiến lược để hình thành và lên kế hoạch chính sách trong tương lai sẽ được đề ra qua việc đánh giá và giám sát tái định cư. Điều này có thể thực hiện được thông qua một Nghiên cứu đánh giá hậu tái định cư được tiến hành trong vòng 6 đến 12 tháng sau khi hoàn thành các công việc tái định cư.

78. Cơ quan giám sát bên ngoài (EMA) sẽ được tuyển dụng trước khi tiến hành cập nhật kế hoạch tái định cư. Liên quan đến việc theo dõi trong suốt quá trình thực hiện công tác tái định cư, EMA sẽ phải làm những công việc chính sau:

- a. Xem xét lại những số liệu cơ bản và tập hợp những thông tin thêm về kinh tế - xã

- hội, nếu cần, ở một số hộ bị ảnh hưởng;
- b. Giám sát quá trình cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư;
- c. Xác định một số điểm trái ngược giữa yêu cầu của chính sách và thực tế khi thực hiện tái định cư;
- d. Kiểm tra cách giải quyết các phàn nàn và khiếu nại của các hộ bị ảnh hưởng; và
- e. Đề xuất các giải pháp nâng cao việc cập nhật và thực hiện tái định cư.
- f. Xem xét tuân theo việc sử dụng các khoản vay của ADB cho việc thu hồi đất và tái định cư.
- g. Cấp chứng nhận cho mỗi hộ bị ảnh hưởng để xác nhận họ đã nhận đầy đủ tiền đền bù.
- h. Tiến hành kiểm toán tái định cư.

79. Đặc biệt trong công tác cập nhật và thực hiện tái định cư, EMA sẽ giám sát và đánh giá các vấn đề cụ thể sau:

- Tham vấn cộng đồng và tăng cường nhận thức về chính sách tái định cư và các quyền lợi;
- Điều phối các hoạt động tái định cư với kế hoạch xây dựng;
- Thu hồi đất và các thủ tục chuyển đổi;
- Xây dựng/xây lại các ngôi nhà đã thay thế và các công trình trên đất thổ cư hoặc tại các điểm tái định cư;
- Mức độ hài lòng của những người bị ảnh hưởng với các quy định và việc thực hiện kế hoạch tái định cư;
- Cơ chế khiếu nại (văn bản, quá trình, giải pháp);
- Tính hiệu quả, tác động và độ bền vững của các quyền lợi và các chương trình phục hồi thu nhập và sự cần thiết phải cải thiện các biện pháp giảm thiểu.
- Phát triển các khu tái định cư (nhà cửa và chợ) tại các điểm đã xác định trong buổi tham vấn với những người bị ảnh hưởng. Các vấn đề về giấy sở hữu đất và quá trình cấp giấy sử dụng đất.
- Năng lực của các hộ bị ảnh hưởng trong việc phục hồi/thiết lập lại sinh kế và mức sống. Tập trung chú ý đến các hộ bị ảnh hưởng nặng và các hộ bị tổn thương để đạt được mục tiêu nâng cao địa vị kinh tế - xã hội của họ;
- Tác động của tái định cư do các hoạt động xây dựng.
- Sự tham gia của những người bị ảnh hưởng trong quá trình cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư

80. Liên quan tới việc sử dụng vốn vay ADB cho chi phí thu hồi đất và tái định cư, EMA sẽ giám sát và báo cáo những vấn đề sau:

- Dòng vốn (tính minh bạch, đầy đủ và hiệu quả).
- Theo việc sử dụng các nguồn vốn vay (thông qua tài khoản tạm ứng cấp 2 hay SGIA) sẽ giới hạn PPMU chi vốn cho việc thanh toán các khoản sau: (a) thu hồi đất và các tài sản khác của những người ảnh hưởng để xây dựng đường cao tốc HLD; (b) đền bù tái định cư và trợ cấp cho người bị ảnh hưởng nằm ngoài kế hoạch tái định cư của dự án được phê duyệt và (c) chi phí tiền lãi RC nợ lại trong việc thực hiện kế hoạch tái định cư đã được duyệt (ví dụ, phát triển các khu tái định cư, chương trình phục hồi thu nhập).
- Những tài liệu phù hợp để thanh toán các khoản từ SGIA để trả cho đất và các tài sản khác: (a) Chứng chỉ hợp lệ do đơn vị thẩm định giá độc lập ban hành có sự đồng thuận của cả Chính phủ và ABD; (b) Kết quả điều tra giám sát cụ thể đối với việc nhận tiền thanh toán của các hộ bị ảnh hưởng, sẽ được ký theo sự đồng ý của những người bị ảnh hưởng, trình bày cả phần tài sản bị mất; (c) Hóa đơn thanh toán do người bị ảnh hưởng xác nhận.

81. EMA cũng phải có mặt trong quá trình chi trả tiền đền bù cho những người bị ảnh hưởng và cấp chứng nhận thanh toán đầy đủ tiền đền bù cho họ.

82. Phương pháp mà EMA thực hiện trong quá trình giám sát được tóm tắt như sau:

- a) Xem xét các văn bản điều tra giám sát cụ thể để thiết lập tiêu chuẩn để giám sát và đánh giá những lợi ích của dự án. EMA kiểm tra ngẫu nhiên quá trình thực hiện DMS đối với những người bị ảnh hưởng từ việc nhận biết đến đồng ý với kết quả DMS. Trong quá trình tiến hành DMS, EMA cũng sẽ giám sát việc thực hiện DMS để xác định và đánh giá xem hoạt động của DMS có diễn ra minh bạch không.
- b) Xem xét điều tra kinh tế - xã hội (SES) được chuẩn bị trong quá trình của dự án PPTA. Nếu việc thu hồi đất không diễn ra trong vòng ít nhất là 2 năm, EMA sẽ tiến hành cuộc điều tra KT-XH khác. Cuộc điều tra hậu tái định cư sẽ được tiến hành 1 năm sau khi các công việc tái định cư hoàn tất. Sẽ điều tra ngẫu nhiên mẫu của 20% hộ gia đình bị ảnh hưởng nặng và ít nhất 10% những người bị ảnh hưởng khác. Những người bị ảnh hưởng đã được hỏi sẽ được hỏi lại trong quá trình cập nhật kế hoạch tái định cư. Chú ý tập trung vào phụ nữ, nhóm dân tộc thiểu số, người rất nghèo, người không còn đất và những người bị tổn thương khác, với những câu hỏi đã đặt ra cho phụ nữ và các nhóm mục tiêu khác; và các thông tin cơ bản riêng về giới, mức tổn thương và đặc tính dân tộc.
- c) Bản đánh giá nhanh mức độ tham gia (PRA), gồm thu thập thông tin, xác định các vấn đề đang tồn tại hoặc tiềm ẩn, và tìm các giải pháp cụ thể kịp thời thông qua phương pháp tham dự gồm a) thông tin chính được hỏi; b) tập trung thảo luận trong nhóm về các chủ đề cụ thể như thanh toán đền bù, phục hồi thu nhập và di chuyển; c) tổ chức các buổi họp mặt với cộng đồng để thảo luận về những thiệt hại trong cộng đồng, sự hòa hợp của các hộ gia đình trong cộng đồng hoặc việc thu hút công nhân làm cho các công trình xây dựng; d) chủ động giám sát trực tiếp ví dụ phát triển những khu tái định cư; e) tham vấn chính thức và không chính thức đến những hộ bị ảnh hưởng, phụ nữ, dân tộc thiểu số, và các nhóm bị tổn thương khác để giám sát và đánh giá quá trình những người bị ảnh hưởng phục hồi mức sống của họ; và f) nghiên cứu sâu các vấn đề được xác định trong bản giám sát bên trong và bên ngoài và các giải pháp cụ thể để giải quyết. PRA cũng tập trung vào các thông lệ hoạt động hiệu quả.
- d) Kiểm toán tái định cư sẽ thực hiện trong giai đoạn giám sát. EMA báo cáo kết quả kiểm toán trong mỗi kỳ giám sát.

83. EMA sẽ trình báo cáo cho PPMU và ADB trong vòng 15 ngày sau kỳ giám sát. Mỗi báo cáo của EMA sẽ được đưa lên trang web của ADB. EMA sẽ có mặt tại thời điểm chi trả thanh toán cho những người bị ảnh hưởng để giám sát. Báo cáo của EMA gồm cả kết quả kiểm toán từng kỳ.

I. Tổ chức thực hiện và nâng cao năng lực

1. UBND tỉnh Thanh Hóa

84. Là cơ quan chủ quản dự án, UBND tỉnh Thanh Hóa sẽ chịu trách nhiệm toàn diện trong công tác quản lý và thực hiện Dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hóa (THCCSDP) thông qua Ban quản lý dự án tỉnh (PPMU). PPMU có nhiệm vụ điều phối giữa UBND tỉnh và UBND thành phố Thanh Hóa để đảm bảo kế hoạch tái định cư tuân theo bản kế hoạch tái định cư do tỉnh và ADB phê duyệt

85. Những nhiệm vụ cụ thể của PPMU liên quan đến tái định cư như sau:

- a. Cùng với ban tái định cư (RC) và PIU, hoạt động tiên phong trong việc chuẩn bị, cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư, như phổ biến thông tin dự án và tham vấn với các hộ bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác;
- b. Cùng với RC và phối hợp với văn phòng quản lý đất đai thành phố/tỉnh nhanh chóng sắp xếp chỗ ở mới cho những hộ ảnh hưởng được chọn;
- c. Theo dõi và giám sát việc chuẩn bị, cập nhật và thực hiện bản kế hoạch tái định cư, đảm bảo rằng nó tiến hành theo bản kế hoạch tái định cư được duyệt;
- d. Chuẩn bị báo cáo từng quý về tiến trình thực hiện kế hoạch tái định cư và trình cho PPC và ADB. Báo cáo bao gồm kiểm toán vốn AGIA trong tái định cư (thanh toán và trợ cấp cho những người bị ảnh hưởng, chi phí cho các chương trình phục hồi thu nhập, giám sát bên ngoài, chi phí hành chính, và sử dụng vốn dự phòng).

2. Ban thực thi dự án

86. Năm ban thực thi dự án sẽ là văn phòng mở rộng của PPMU cho mỗi hợp phần, nghĩa là các hợp phần phát triển đường đô thị, nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước, thoát nước và sử lý nước thải, phát triển nguồn nhân sự và phát triển du lịch. Các ban này sẽ báo cáo trực tiếp cho Phó giám đốc PPMU, và nhân viên sẽ là những người có trình độ chuyên môn cao. Đối với chức năng tái định cư, ban thực thi dự án (PIU) cùng với RC sẽ có trách nhiệm thực hiện và cập nhật kế hoạch tái định cư, như tiến hành DMS và các hoạt động tham vấn, đóng vai trò như người giải quyết khiếu nại, phối hợp với các văn phòng liên quan về vấn đề đất đai, gặp gỡ những người bị ảnh hưởng để nắm được những chọn lựa của họ về di chuyển, các địa điểm tái định cư, hỗ trợ trong chuẩn bị các báo cáo giám sát bên trong, và đảm bảo làm đúng trong quá trình thực hiện. PIU cũng thực hiện nhiệm vụ giám sát việc làm của các nhà thầu các công trình dân dụng trong quá trình xây dựng.

3. Ban tái định cư thành phố (RC)

87. Ban tái định cư (RC), do Phó Chủ tịch UBND thành phố đứng đầu và có các thành viên từ các phòng Tài chính; Tài nguyên môi trường; phòng quản lý đô thị; phòng Nông nghiệp và PPMU. Ngoài ra còn có các thành viên từ hiệp hội nông dân, hội phụ nữ và đại diện của các hộ gia đình bị ảnh hưởng. Phối hợp với PPMU, trách nhiệm chính của RC là: (i) điều phối và quản lý các hoạt động tái định cư với PPMU và PIU, UBND các xã; (ii) Thẩm tra và tiến hành cuộc điều tra đánh giá cụ thể; (iii) Tham vấn và công bố thông tin, thiết kế và phát triển các điểm tái định cư, thiết kế và thực hiện các chương trình phục hồi thu nhập; (iv) Chuẩn bị cập nhật kế hoạch tái định cư để xác nhận với UBND tỉnh; (v) cùng với UBND thành phố, tiến hành khung thời gian để thanh toán đền bù và các quyền lợi khác cho những người bị ảnh hưởng; (vi) đóng vai trò như là đơn vị giải quyết khiếu nại; và (vii) chuẩn bị báo cáo tiến độ tái định cư hàng quý.

88. Ngoài việc trình các báo cáo cho PPMU, RC cũng có nhiệm vụ thanh toán các khoản từ nguồn SGIA thông qua việc trình các văn bản (i) báo cáo tài khoản và (ii) Báo cáo quyết toán SGIA hoặc SGIARs, và (iii) Các văn bản hỗ trợ SGIARs (xem phụ lục 3).

4. Ủy ban nhân dân xã/phường (CPC)

89. CPC sẽ hỗ trợ RC trong công việc tái định cư. Cụ thể, CPC sẽ có những trách nhiệm sau: (i) tham gia vào việc cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư; (ii) xác định các địa

điểm đất thay thế có tiềm năng cho các hộ bị ảnh hưởng; (iii) đảm bảo rằng các hộ bị tổn thương và bị ảnh hưởng nặng được tư vấn hợp lý và ưu tiên giải quyết các vấn đề khiếu nại của họ trong thời gian hợp lý; (iv) xác nhận DMS thanh toán tiền cho các hộ bị ảnh hưởng; và (v) hỗ trợ trong việc tìm giải pháp cho các vấn đề khiếu nại.

5. Tư vấn giám sát dự án

90. Các tư vấn giám sát dự án (PSC) sẽ hỗ trợ UBND tỉnh, RC và PIUs trong cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư, gồm thiết kế và thực hiện các chương trình sinh kế phù hợp cho các hộ bị tổn thương và ảnh hưởng nặng. Việc cập nhật kế hoạch tái định cư sẽ kết thúc cùng với việc thực hiện điều tra đánh giá cụ thể. Tư vấn sẽ xem xét và đánh giá: (a) năng lực của các cơ quan chức năng và các cấp dự án để cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư; (b) đào tạo và nâng cao năng lực trong quá trình hỗ trợ kỹ thuật chuẩn bị dự án. Thiết kế và thực hiện các khóa đào tạo năng lực cần thiết.

91. Trong quá trình cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư, trách nhiệm chính của nhóm phát triển tái định cư/xã hội như sau:

- a. Xây dựng và thực hiện các quy trình thủ tục để (i) làm giảm những tác động xã hội xấu do bị thu hồi đất và các tài sản khác trong giai đoạn thực hiện (ví dụ, phối hợp công việc tái định cư và đền bù của các hợp phần khác nhau, tránh hiện tượng không thể làm giảm thiểu các tác động trong quá trình xây dựng và đảm bảo những tài sản bị mất đã được đền bù như trong bản kế hoạch tái định cư được duyệt;
- b. Tiến hành tham vấn và công bố thông tin. Đảm bảo rằng những người bị ảnh hưởng đã đồng ý với tài sản thay thế họ đã chọn, nghĩa là bằng tiền hoặc hiện vật đến tay họ theo đúng thời gian quy định;
- c. Thực hiện chiến lược về giới để đảm bảo giải quyết các vấn đề của phụ nữ trong quá trình cập nhật, thực hiện và giám sát. Tham vấn các hoạt động cụ thể về giới và công bố thông tin; tập trung chú ý đến tài sản, đất đai và chứng nhận quyền sở hữu đất của phụ nữ để đảm bảo phục hồi mức sống và thu nhập của họ;
- d. Hỗ trợ trong thiết kế và thực hiện các chương trình phục hồi thu nhập thích hợp cho các hộ bị ảnh hưởng nặng và các hộ bị tổn thương do bị mất nguồn sinh kế và thu nhập;
- e. Hỗ trợ trong thiết kế và thực hiện cơ chế thông tin liên lạc để đảm bảo những hỗ trợ kỹ thuật và hậu cần thích hợp cho RC, và thủ tục quản lý hệ thống thông tin, kiểm toán tái định cư và giám sát bên trong;
- f. Phối hợp với cơ quan giám sát bên ngoài. Đảm bảo những phát hiện và đề xuất của cơ quan này được thảo luận với PPMU và PIUs để có những hành động thích hợp để thực hiện kế hoạch tái định cư một cách hiệu quả và hợp lý;
- g. Hỗ trợ việc xem xét mọi khoản thanh toán được trình lên RC liên quan đến chi phí tái định cư và hỗ trợ trong chuẩn bị các báo cáo tiến trình tái định cư từng quý;
- h. Xem xét và đánh giá cơ chế giải quyết khiếu nại và đảm bảo trách nhiệm, các yêu cầu báo cáo, và phân bổ ngân sách để hỗ trợ chức năng của ban. Mở các khóa đào tạo cho RC trong giải quyết khiếu nại và lập báo cáo phù hợp; và

- i. Ngoài các chương trình hỗ trợ phục hồi thu nhập, còn hỗ trợ trong việc chuẩn bị các báo cáo hoàn thành tái định cư và văn bản các tác động thực tế của tái định cư, thực hiện tái định cư và kiểm toán tái định cư. Báo cáo sẽ dựa trên các báo cáo đánh giá, giám sát bên trong và bên ngoài và nhiệm vụ ghi nhớ tài trợ của ADB và biên bản ghi nhớ.

92. Các tư vấn sẽ có các chuyên gia sau làm việc trên cơ sở gián đoạn:

- 1 chuyên gia tái định cư quốc tế, 9 tháng nhân công;
- 1 chuyên gia quốc tế về phát triển xã hội, 3 tháng nhân công
- 1 chuyên gia tái định cư trong nước, 18 tháng nhân công;
- 1 chuyên gia sinh kế trong nước có chuyên môn về các chương trình sinh kế cộng đồng vi mô và tái chính vi mô, 6 tháng;

J. Cơ chế giải quyết khiếu kiện

93. Một cơ chế giải quyết khiếu kiện rành mạch sẽ được thiết lập để giải quyết những khiếu nại và thắc mắc của người bị ảnh hưởng liên quan tới thu hồi đất, đền bù và tái định cư một cách kịp thời và thỏa đáng. Giúp những người bị ảnh hưởng nhận thức rõ các quyền hạn của mình, quy trình thủ tục chi tiết để đệ trình các khiếu kiện và quy trình phúc thẩm như một biện pháp hữu hiệu của chiến dịch thông tin công cộng. Cơ chế giải quyết khiếu kiện và các thủ tục phúc thẩm sẽ được giải thích rõ trong các quyển sách mỏng về thông tin dự án và được phát tận tay người bị ảnh hưởng.

94. Người bị ảnh hưởng được quyền khiếu nại liên quan tới tất cả các khía cạnh của yêu cầu thu hồi đất và tái định cư như quyền lợi được hưởng, mức đền bù và quy trình thủ tục đối với việc tái định cư và các chương trình hỗ trợ phục hồi. Họ có thể khiếu nại bằng trình bày miệng hoặc bằng văn bản. Trong trường hợp khiếu nại miệng, Cơ quan tiếp nhận khiếu nại sẽ có trách nhiệm ghi lại trong buổi gặp đầu tiên với người bị ảnh hưởng.

95. Trong việc xử lý và giải quyết khiếu kiện, các PIU sẽ đóng vai trò như các đơn vị giải quyết khiếu kiện. Các cán bộ xã sẽ tiến hành mọi nỗ lực hợp lý để giải quyết vấn đề tại cấp xã, phường thông qua tham vấn cộng đồng. Mọi cuộc họp sẽ được Ủy ban nhân dân xã và ban tái định cư ghi lại biên bản và trao cho người ảnh hưởng một bản copy. Các bản copy của biên bản cuộc họp sẽ đưa lại cho PPMU và ADB nếu có yêu cầu.

96. Một quy trình giải quyết khiếu kiện gồm bốn giai đoạn được đề xuất như sau:

- Giai đoạn 1: Trước hết, những khiếu nại trình bày bằng miệng hoặc bằng văn bản của các AP sẽ gửi tới Ủy ban nhân dân xã (CPC). Khiếu nại này sẽ được thảo luận và xem xét trong một phiên họp không chính thức giữa AP và CPC. CPC có trách nhiệm giải quyết vấn đề trong vòng 15 ngày kể từ nhận được khiếu nại. Mọi cuộc họp sẽ được ghi lại và đưa cho người ảnh hưởng một bản copy biên bản cuộc họp.
- Giai đoạn 2: Nếu không đạt được thỏa thuận hoặc giải pháp thỏa đáng nào, hoặc nếu CPC không trả lời trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, AP có thể đệ đơn lên ban tái định cư thành phố (RC). AP phải đệ đơn khiếu nại trong vòng 30 ngày kể từ ngày khiếu nại đầu tiên được đưa ra và phải kèm theo các tài liệu minh chứng cho yêu sách của mình. RC sẽ đưa ra phán quyết trong vòng 1 tháng kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.
- Giai đoạn 3: Nếu AP không thỏa mãn với phán quyết của RC thành phố hoặc trong trường hợp không nhận được hồi đáp, họ có thể đệ đơn khiếu nại lên UBND tỉnh. UBND tỉnh sẽ xem xét và ra quyết định trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.
- Giai đoạn 4: Nếu AP vẫn không thỏa mãn với phán quyết của UBND tỉnh hoặc trong trường hợp không nhận được hồi đáp trong khoảng thời gian quy định, họ có thể sử dụng biện pháp cuối cùng là đệ trình vụ việc của mình lên tòa án.

97. Quy trình thủ tục nói trên phù hợp với quá trình pháp lý trong giải quyết các tranh chấp ở Việt Nam.

98. Cơ quan giám sát bên ngoài (EMA) sẽ có trách nhiệm kiểm tra các quy trình thủ tục và biện pháp giải quyết khiếu nại và khiếu kiện. EMA cũng có thể khuyến nghị các biện pháp khác để giải quyết những khiếu nại chưa được xử lý. PSC sẽ đưa ra những khóa đào tạo cần thiết để nâng cao thủ tục và chiến lược giải quyết khiếu nại cho các nhân viên của RC khi được yêu cầu.

K. Nguồn vốn và chi phí ước tính cho kế hoạch tái định cư

1. Điều kiện để sử dụng nguồn vốn vay của ADB cho việc thu hồi đất và các chi phí tái định cư

99. Do chi phí thu hồi đất và tái định cư lấy từ nguồn vốn vay, theo Sổ tay giải ngân vốn vay của ADB, sẽ lập một tài khoản tạm ứng cấp 2 (SGIA) tại ngân hàng thương mại cho Ban tái định cư thành phố với sự chấp thuận của Chính phủ và ADB. UBND tỉnh sẽ sử dụng tài khoản SGIA để thanh toán các khoản sau:

- a) thanh toán đất và các tài sản bị thu hồi khác cho người bị ảnh hưởng để thuận tiện cho việc xây dựng các hợp phần khác nhau,
- b) trợ cấp và bồi thường cho những người bị ảnh hưởng như đã trình bày trong bản kế hoạch tái định cư cập nhật,
- c) Phát triển các điểm tái định cư và các chương trình phục hồi thu nhập, và
- d) các chi phí phát sinh trong khi RC thực hiện kế hoạch tái định cư đã được duyệt.

100. PPMU và RC, với sự giúp đỡ của PSC, sẽ thiết lập một hệ thống đảm bảo hoạt động của dòng vốn là minh bạch, đầy đủ và hiệu quả, giám sát đúng lúc và trình bản báo cáo kiểm toán tái định cư đúng hạn. Nhân viên của ADB có quyền kiểm tra ngẫu nhiên việc chi tiêu của tài khoản SGIA. Các báo cáo tài chính và kiểm toán sẽ lập cho EMA.

2. Các hoạt động chính, các mốc chi trả và các yêu cầu kiểm toán

101. Các hoạt động chính sử dụng vốn và các mốc chi trả như sau:

- a) đào tạo RC và các phòng ban liên quan theo yêu cầu và thủ tục chi tiêu của ADB
- b) Tài khoản tạm ứng cấp 1 do Bộ Tài chính lập và Tài khoản tạm ứng cấp 2 sẽ do UBND thành phố Thanh Hóa lập (Ban tái định cư) tại ngân hàng thương mại với sự chấp thuận của Chính phủ và ADB.
- c) chuẩn bị bản kế hoạch tái định cư cập nhật, bao gồm chứng chỉ phê chuẩn hợp lệ do đơn vị định giá bên ngoài cấp và có sự chấp thuận của Chính phủ (theo mọi Quyết định của UBND thành phố) và ADB.
- d) ADB thông qua bản kế hoạch tái định cư cập nhật
- e) Việc phân bổ các chi phí của kế hoạch tái định cư theo mỗi bản kế hoạch tái định cư cập nhật.
- f) RC sẽ thanh toán từ tài khoản SGIA và trình lên cho PPMU các văn bản (i) báo cáo tài khoản và (ii) Báo cáo điều hòa SGIA hoặc SGIARs (xem phụ lục 3), và (iii) các văn bản hỗ trợ SGIARs
- g) PPMU trình bản báo cáo kiểm toán tái định cư gồm (i) báo cáo tài khoản và (ii) báo cáo điều hòa SGIA hoặc SGIARs như một phần của báo cáo tiến độ hàng quý cho ADB và cơ quan giám sát bên ngoài

102. Nhân viên của ADB sẽ thực hiện kiểm tra ngẫu nhiên việc chi tiêu của tài khoản SGIA. Cơ quan giám sát bên ngoài sẽ tiến hành việc kiểm toán tái định cư độc lập.

3. Chi trả cho những người bị ảnh hưởng

103. Liên quan đến việc chi trả cho người bị ảnh hưởng, phải làm theo quy trình thủ tục như sau:

- a) Trưởng thôn sẽ thông báo kế hoạch thanh toán tiền đền bù và các quyền lợi khác cho những người bị ảnh hưởng trước hai tuần. Những hộ bị ảnh hưởng sẽ được yêu cầu mang theo những giấy tờ (ví dụ như giấy chứng nhận quyền sở hữu đất, Chứng minh thư, Các chứng chỉ đăng ký công dân, bản sao DMS, mẫu văn bản thỏa thuận đền bù, v.v..) Khi phản nản, khiếu kiện về chế độ đền bù và các quyền lợi khác. Nếu các hộ bị ảnh hưởng không nộp khiếu nại đền bù đúng theo hạn quy định, họ phải thông báo đến các quan chức địa phương càng sớm càng tốt để ủy quyền đại diện cho họ, hoặc các hộ bị ảnh hưởng có thể yêu cầu RC lên kế hoạch lùi lại hạn thanh toán cho họ.
- b) RC thanh toán cho những người bị ảnh hưởng (tại ub xã hoặc tại nơi do RC và những người bị ảnh hưởng thỏa thuận)
- c) những người bị ảnh hưởng ký vào bản kế hoạch đền bù và hóa đơn chính thức sau đó sẽ nhận một bản copy để lưu lại
- d) RC phải lưu các văn bản thanh toán, ghi lại trong báo cáo tiến độ hàng quý để trình lên cho PPMU.

4. Thanh lý

104. Việc thanh lý các khoản chi trả từ nguồn SGIA trình bày trong kế hoạch tái định cư được duyệt sẽ bao gồm: (i) Trả tiền đất, các tài sản khác và trợ cấp tiền mặt cho những người bị ảnh hưởng, (ii) Chương trình phục hồi thu nhập, (iii) Chi phí di chuyển; và (iii) Chi phí phát sinh cần thiết cho RC thực hiện kế hoạch tái định cư được duyệt.

105. Liên quan đến việc thanh toán tiền đền bù đất, tài sản ngoài đất và trợ cấp cho những người bị ảnh hưởng, SGIARS sẽ bao gồm các văn bản hỗ trợ như sau:

- a) Chứng nhận do đơn vị định giá bên ngoài cấp và được cả Chính phủ và ADB chấp nhận;
- b) Kết quả điều tra đánh giá cụ thể (DMS), do người bị ảnh hưởng ký và chấp thuận, trong đó trình bày tài sản bị thu hồi và các trợ cấp. Các văn bản hỗ trợ DMS;
- c) Hóa đơn thanh toán sẽ do người bị ảnh hưởng công nhận và được PIU và PPMU xác nhận.
- d) Cơ quan giám sát bên ngoài (EMA) sẽ xác nhận người bị ảnh hưởng đã nhận đủ mọi thanh toán.

106. Các văn bản hỗ trợ cho chương trình phục hồi thu nhập, kế hoạch di dời và chi phí phát sinh của PPMU và RC sẽ được đính kèm thành từng khoản trong bản kế hoạch tái định cư cập nhật theo như Sổ tay hướng dẫn giải ngân vốn vay của ADB.

5. Cơ sở để định giá đất đai và tài sản gắn với đất đai - Thực hiện điều tra chi phí thay thế

107. **Đất nông nghiệp.** Giá đất nông nghiệp của 11 xã, phường dựa trên đánh giá giá trị hiện tại vào thời điểm tháng 6-2008. Đơn giá này lấy theo giá của các dự án phát triển Thanh Hóa do các đơn vị tư nhân đầu tư. Kế hoạch tái định cư này sẽ tính đơn giá là 60.000đ/m² trong khi giá do tỉnh quy định là 35.000đ/m².

108. **Đất thổ cư.** Đơn giá cũng áp theo giá của các dự án phát triển tư nhân để đền bù cho đất thổ cư. Mức giá ở các địa điểm trong thành phố cũng được áp dụng cho các địa điểm thuộc các cấu phần khác để phục vụ cho việc lập ngân sách cho RP và được tóm tắt trong **Bảng 18**.

Bảng 18: **Giá trị đất thổ cư ở các xã phường bị ảnh hưởng**

Địa điểm	Giá trị mỗi m ² đất (đồng)	
	Ở 2 bên đường	Ở 2 bên đường
Quảng Thắng	8.000.000	2.000.000
Đông Vệ	10.000.000	-
Tân Sơn	18.000.000	-

109. **Các công trình.** Đối với các công trình bị ảnh hưởng, sẽ áp giá theo Quyết định điều chỉnh và bổ sung giá do UBND tỉnh ban hành trong năm 2008. Đối với hợp phần đường đơn vị giá cho các công trình bị ảnh hưởng sẽ tính như sau: (i) Nhà lợp ngói cấp 4 là 1.025.000đ/m²; (ii) Nhà cấp 4 mái bằng là 1.201.000đ/ m²; và (iii) nhà cấp III từ 2 tầng trở lên là 1.427.000đ/ m². Đối với bể bơi bị ảnh hưởng, đơn giá là 1.000.000đ/ m², dựa vào chi phí thay thế.

110. **Mất hoa màu.** Giá lúa tính theo giá tại thời điểm đầu tháng 8/2008 trung bình 5.400 đồng mỗi kg, và sẽ áp dụng đối với các hộ bị ảnh hưởng dựa trên từng loại tác động của việc thu hồi đất. Đền bù hoa màu cho phần đất bị mất vĩnh viễn hoặc tạm thời tùy theo vào việc sử dụng đất cho xây dựng, khoảng 0.61 kg mỗi m² (đoạn. 71). Mất hoa màu vĩnh viễn dựa vào tác động trên hoặc dưới 10%, khi đó những hộ bị ảnh hưởng sẽ được đền bù tương đương một vụ cho hộ bị mất dưới 10% và hai vụ cho hộ bị mất trên 10%.

6. Các hình thức trợ cấp cơ bản

111. Các hình thức hỗ trợ sau đây là dựa trên những Nghị định của Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh. Mức độ và thời gian hỗ trợ sẽ được quyết định trong quá trình thực hiện DMS khi các tác động đến mỗi hộ thay đổi, không tính tới điều kiện kinh tế - xã hội hiện thời và mức tổn thương

112. Đối với những hộ bị ảnh hưởng nặng do mất từ 10% tài sản trở lên, trợ cấp chuyển đổi sinh kế theo Nghị định 197/2004 trong đó mỗi người sẽ được trợ cấp 30 kg/tháng trong vòng 3 tháng. Tuy nhiên, các hoạt động phục hồi thu nhập có thể không có kết quả ngay trong 3 tháng. Do vậy, dự án sẽ tính thời gian chuyển đổi trong khoảng 6-12 tháng và được xác định trong quá trình cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư. Để lên ngân sách cho kế hoạch tái định cư, có thể tính thời gian trung bình là 9 tháng, tức là 10.800.000 đồng/hộ (30 kg x 8.000VND/kg x 5người x 9 tháng).

113. Sau đây là các hình thức trợ cấp tiền cho việc di dời:

- Trợ cấp vận chuyển vật liệu. không thấp hơn 3 triệu đồng/hộ hoặc tính theo chi phí di chuyển thực tế (nhân công, tiền vận chuyển) nếu chuyển đi trong nội thị. Các hộ chuyển đi các tỉnh khác sẽ được trợ cấp không dưới 5 triệu đồng/hộ hoặc tính theo chi phí di chuyển thực tế (nhân công, tiền vận chuyển).
- Trợ cấp chuyển đổi sinh kế. trong vòng 6 tháng khoảng 7,2 triệu đồng/hộ (30 kg x 8.000 đồng/kg x 5 người x 6 tháng). Gồm những chi phí tổng hợp/ chi phí tiêu dùng để dựng lại nhà cửa trong vòng 6 tháng.
- Trợ cấp thêm trong thời gian di chuyển. Trợ cấp từ 2,5 triệu đồng đến 5 triệu đồng cho mỗi hộ.

114. Đối với các hộ bị tổn thương, Dự án sẽ hỗ trợ bằng tiền mặt với tổng số từ 3 đến 5 triệu đồng/hộ. Nếu một hộ có nhiều hơn một loại hình tổn thương (nghèo và cao tuổi), chỉ nhận được chọn một trong hai hỗ trợ.

7. Chi phí ước tính của kế hoạch tái định cư

99. Tổng ngân sách ước tính để cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư là 77 tỷ đồng (4,8 triệu đôla). Số tiền này dùng cho công tác đền bù, trợ cấp, xây dựng các chương trình phục hồi thu nhập, giám sát bên ngoài, chi phí hành chính và dự phòng. Tổng số cuối cùng sẽ dựa vào các tác động thực tế, giá thay thế tại thời điểm thanh toán tiền đền bù, lựa chọn của những người ảnh hưởng đối với hoạt động phục hồi thu nhập và di dời, và các hoạt động khác đã nói ở trên của kế hoạch tái định cư. Tổng chi phí cuối cùng cho kế hoạch tái định cư sẽ thể hiện trong bản kế hoạch tái định cư cập nhật.

Bảng 19: Tóm tắt ngân sách cho việc cập nhật và thực hiện kế hoạch tái định cư

Mô tả	Đường vành đai và đường nối	Hồ xử lý nước thải	Trường Cao đẳng nghề công nghiệp	Trung tâm thông tin và Sông nhà Lê	Tổng (đồng)	Tổng (USD)
I. Đền bù đất và tài sản ngoài đất						
Đất nông nghiệp	8.283.000.000	11.975.000.000	4.530.000.000	1.316.000.000	26.104.000.000	1.631.500
Đất thổ cư	14.702.000.000	123.000.000	-	-	14.825.000.000	926.563
Đất công	-	-	-	1.929.000.000	1.929.000.000	120.563
Nhà ở và các công trình	2.597.000.000	123.000.000	-	-	2.720.000.000	170.000
Hoa màu	920.000.000	498.000.000	201.000.000	72.000.000	1.691.000.000	105.688
II. Trợ cấp di chuyển						
Di dời các hộ gia đình						
Trợ cấp vận chuyển (3 triệu đồng/hộ)	69.000.000				69.000.000	4.313
Trợ cấp thêm (3 triệu đồng/hộ)	69.000.000				69.000.000	4.313
Trợ cấp ổn định đời sống (7.2 triệu/hộ)	165.600.000		-	-	165.600.000	10.350
Các hộ bị mất từ 10% tài sản sản xuất trở lên						
Trợ cấp di chuyển khi là IRP (10,8 triệu đồng/hộ)*	2.106.000.000	1.782.000.000	1.371.600.000	345.600.000	5.605.200.000	350.325
Các hộ gia đình bị tổn thương						
Trợ cấp di chuyển (3 triệu đồng/hộ)**	108.000.000	60.000.000	141.000.000	27.000.000	336.000.000	21.000
Tổng cộng (I+II)	29.019.600.000	14.562.000.000	6.243.600.000	3.689.600.000	53.513.800.000	3.344.613
III. Phục hồi thu nhập, giám sát, hành chính, và đánh giá						
Hoạt động phục hồi thu nhập (20%)	5.803.920.000	2.912.200.000	1.248.720.000	737.920.000	10.702.760.000	668.923
Chi phí hành chính (10%)	2.901.960.000	1.456.100.000	624.360.000	368.960.000	5.351.380.000	344.461
Giám sát bên ngoài					480.000.000	30.000
Khả năng của người đánh giá/ định giá					320.000.000	20.000
Tổng cộng (III)	8.705.880.000	4.368.300.000	1.873.080.000	1.106.880.000	16.854.140.000	1.053.384
Tổng cộng	37.725.480.000	18.929.300.000	8.116.680.000	4.796.480.000	70.367.940.000	1.397.996
Dự phòng (10%)	3.772.548.000	1.892.930.000	811.668.000	479.648.000	7.036.794.000	139.800
Tổng cộng (đồng)	41.498.028.000	20.822.230.000	8.928.348.000	5.276.128.000	77.404.734.000	4.837.796
Tổng cộng (USD)	2.593.627	1.301.389	558.022	392.758	4.837.796	

* Việc di chuyển có thể mất từ 6-12 tháng trước khi những người bị ảnh hưởng có thể phục hồi sinh kế, tính trung bình là 9 tháng

** UBND tỉnh trợ cấp thêm cho các hộ bị tổn thương

L. Kế hoạch thực hiện

115. Kế hoạch tái định cư sẽ được cập nhật sau giai đoạn thiết kế chi tiết. Mọi hoạt động tái định cư sẽ được phối hợp với kế hoạch xây dựng các công trình dân dụng. Thu hồi đất và di dời các hộ bị ảnh hưởng không thể bắt đầu cho đến khi bản kế hoạch tái định cư cập nhật mới được ADB xem xét và thông qua. UBND tỉnh sẽ không cho phép công việc xây dựng tại những điểm cụ thể cho đến khi các công việc như tái định cư hoàn tất, những hỗ trợ phục hồi được chấp nhận và không còn trở ngại gì tại các điểm xây dựng. Phụ thuộc vào thời gian hoàn thành việc thiết kế chi tiết của từng hợp phần, kế hoạch tái định cư cập nhật có thể thực hiện từ 1 đến nhiều hơn 1 hợp phần khi ADB thông qua việc thực hiện kế hoạch tái định cư để tránh việc trì hoãn xây dựng các công trình. Tuy nhiên, kế hoạch tái định cư cho các hợp phần sẽ thể hiện ở bảng dưới đây. Ngoài các chương trình phục hồi thu nhập sẽ thực hiện, thì công việc đền bù và di chuyển các hộ sẽ dự đoán là kết thúc trong vòng hai năm khi dự án đi vào thực thi.

Bảng 20: Kế hoạch thực hiện

Thu hồi đất và hoạt động tái định cư	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
Cập nhật kế hoạch tái định cư		
Thành lập ban tái định cư	Tháng 1	Tháng 1
Điều động các tư vấn theo đối dự án (về tái định cư)	Tháng 1	Tháng 1
Tiến hành những khóa đào tạo cần thiết/nâng cao năng lực cho RC và PIU	Tháng 1	Tháng 1
Tuyển dụng người giám sát bên ngoài	Tháng 1	Tháng 1
Thực hiện điều tra quỹ đất có sẵn	Tháng 1	Tháng 2
Phối hợp và xác nhận với UBND Thành phố về các không gian có sẵn trong các khu tái định cư của thành phố.	Tháng 1	Tháng 2
Thực hiện tham vấn cộng đồng (trong quá trình cập nhật kế hoạch tái định cư)	Tháng 1	Tháng 18
Thực hiện DMS dựa trên thiết kế chi tiết	Tháng 2	Tháng 4
Điều động đơn vị điều tra tư nhân độc lập thực hiện khảo sát giá thay thế*	Tháng 3	Tháng 4
Tư vấn cho những người bị ảnh hưởng về tác động của dự án. các quyền lợi và các phương án lựa chọn cuối cùng	Tháng 4	Tháng 4
Chuẩn bị cập nhật kế hoạch tái định cư	Tháng 4	Tháng 5
Công bố bản thảo kế hoạch tái định cư cập nhật mới và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng và các bên liên quan.	Tháng 5	Tháng 5
Hoàn thành kế hoạch tái định cư kết hợp với các góp ý của những người bị ảnh hưởng	Tháng 5	Tháng 5
Trình lên cho ADB xem xét	Tháng 5	Tháng 5
ADB xem xét và thông qua kế hoạch tái định cư cập nhật mới	Tháng 5	Tháng 6
Công bố kế hoạch tái định cư cập nhật mới cho những người bị ảnh hưởng và đưa lên trang web của ADB	Tháng 6	Tháng 6
Trình các báo cáo giám sát bên trong và bên ngoài	Hàng quý	Hàng quý
Thực hiện kế hoạch tái định cư		
Chi trả và thanh toán tiền đền bù cho những người bị ảnh hưởng	Tháng 6	Tháng 9
Làm và cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đất thay thế.	Tháng 6	Tháng 9
Thực hiện các chương trình/biện pháp phục hồi thu nhập	Tháng 6	Tháng 18
Di dời những người bị ảnh hưởng và giải phóng mặt bằng	Tháng 10	Tháng 13
Trình các bản báo cáo tiến hành bên trong	Hàng quý	Hàng quý
Trình các bản báo cáo giám sát bên trong	Hàng quý	Hàng quý
Đánh giá giám sát bên trong theo các chính sách của dự án và trình lên cho ADB.	Tháng 11	Tháng 14
ADB xem xét và thông qua việc thực hiện kế hoạch tái định cư và xác nhận "không có tranh chấp" đối với việc chuyển giao các địa điểm cho các nhà thầu công trình dân dụng.	Tháng 12	Tháng 15

* Đơn vị kiểm tra tư nhân độc lập có thể cần cập nhật các chi phí thay thế trong quá trình thực hiện kế hoạch tái định cư nếu có sự trì hoãn trong việc chi trả cho những người bị ảnh hưởng.

Phụ lục 1: Mẫu Khảo sát đo đạc chi tiết

Tỉnh:.....
Huyện:.....
Xã:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

_____(Tên dự án)
Khảo sát và đánh giá đo đạc chi tiết

Hợp phần: Ngày:.....

Biên bản này được lập trước sự chứng kiến của:

1. Đại diện người bị ảnh hưởng: Ông/bà:

Nhóm công tác hợp phần:

1. Đại diện PPMU: Ông/bà: Chức vụ:

2. Đại diện RC: Ông/bà: Chức vụ:

3. Đại diện CPC: Ông/bà: Chức vụ:

4. Đại diện tư vấn: Ông/bà: Chức vụ:

5. Đại diện cho những người bị ảnh hưởng: Ông/bà: Chức vụ:

Các bên cùng nhất trí như sau:

1. DANH TÍNH NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG

1.1 Làng/thôn: _____

1.2 Mã làng: _____ (nếu cần)

1.3 Tên chủ hộ: _____

1.4 Giới tính của chủ hộ:

Nam ☐ 1 Nữ ☐ 21.5 Tuổi của chủ hộ
: _____

1.5. Tên vợ/chồng: _____

1.6 Số CMND: _____ Nơi cấp _____ Ngày cấp _____

1.7 Số AP: _____ (do Dự án cung cấp)

1.8 Hộ gia đình trong danh sách của làng: _____

1.9 (Không bắt buộc để nhận dạng AP)

Ảnh của AP số: _____

Mấy ảnh số 1 ☐ 2 ☐

1.10 Tổng số thành viên của hộ gia đình _____

1.11 Số lao động chính: _____

1.12 Hộ dễ bị tổn thương: (chọn tương ứng)

1.12.1 Chủ hộ là người cao tuổi ☐ 11.12.2 Người khuyết tật ☐ 21.12.3 Hộ người thiểu số ☐ 31.12.4 Khác (nêu cụ thể) ☐ 41.13 Diện tích đất bị thu hồi có phải là nguồn thu nhập chính của ông/bà hay không? ☐ 1- Không ☐ 2- Có

1.14 Thành viên nào của hộ gia đình chịu trách nhiệm về nguồn thu nhập chính (chỉ chọn một)

1.14.1 Chỉ duy nhất chủ hộ ☐ 11.14.2 Chủ hộ và vợ/chồng ☐ 21.14.3 Chủ hộ, chồng/vợ và con trưởng thành ☐ 31.14. Chỉ con cái đã trưởng thành ☐ 41.14.5 Khác (nêu cụ thể):..... ☐ 5

1.15. Ước tính tổng thu nhập của hộ/tháng (thu nhập chính + thu nhập phụ + khác): VND.....

1.16. Ước tính chi phí bình quân hàng tháng cho lương thực/thực phẩm : VND

Ghi chú:

2. PHÁC HỌA SƠ BỘ DIỆN TÍCH ĐẤT BỊ ẢNH HƯỞNG : Hành lang ảnh hưởng (COI):.....m (loại đất.....) **Chuỗi :**

←
Hướng

Bên phải ☐

↑

↓

Ở giữa

Hành lang
ảnh hưởng

Bên trái ☐

Miêu tả về tài sản:

3. Đất thu hồi:

Tổng diện tích không sử dụng (gồm cả nơi khác): 1.11.1 Đất thổ cư :.....m2 1.11.2 Đất nông nghiệp:.....m2 1.11.3. Khác:.....m2 (nêu cụ thể.....)

Hạng mục đất	Thửa số	Đo đạc chi tiết								Giá trị đền bù						Ghi chú
		Diện tích (m2)						Loại đất, thứ hạng	Tình trạng sở hữu/chiếm hữu năm(sở hữu) / tác động	Đất thay thế		Chi phí				
		Tổng	Tác động vĩnh viễn	Tác động tạm thời	Thu hồi vĩnh viễn	Thu hồi tạm thời	Còn lại			Diện tích mới (m2)	Địa điểm mới	Diện tích (m2)	Đơn giá (đ/m2)	Hệ số	Tổng (đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8=3-6	9	10	11	12	13	14	15	16	17

Ghi chú:

(1) Loại đất: 1. Trồng cây hằng năm, nuôi trồng thủy sản 2. Trồng cây lâu năm 3. Rừng 4. Đất sản xuất muối 5. Đất thổ cư nông thôn 6. Đất thổ cư thành thị
 (9) Địa điểm, loại hạng: Theo Quyết định của UBND tỉnh (Hướng dẫn ở phụ lục kèm theo)
 (10) Tình trạng sở hữu: 1.Hợp pháp 2. Bất hợp pháp 3. Mượn /thời gian chiếm hữu (năm) ngày, tháng, năm
 (12) Địa điểm của đất thay thế: làng, xã
 (15) Hệ số: Thu hồi vĩnh viễn, đất hợp pháp, chủ sở hữu: hệ số 1; Thu hồi vĩnh viễn, đất sở hữu tạm thời và đất mượn: hệ số 0.3; Thu hồi tạm thời:

4. SỞ HỮU ĐẤT ĐAI (điền nếu cần thiết)

4.1 Loại hình sở hữu: Loại đất: Chuỗi/Vị trí/Thửa số.....

Sở hữu đất	Có (1)	Không (2)	Làm rõ	
4.1.1 Chủ sở hữu:				
4.1.2 Có tranh chấp gì về đất không?			4.1.Lý do:	
4.1.4 Đồng chủ sở hữu?			4.1.5 Tên đồng sở hữu	
			4.1.6 Tỷ lệ của ông/bà	%
4.1.7 Ảnh chụp tài sản bị ảnh hưởng?				

Loại hình sở hữu: Loại đất: Chuỗi/Vị trí/Thửa số.....

Sở hữu đất	Có (1)	Không (2)	Làm rõ	
4.1.1 Chủ sở hữu:				
4.1.2 Có tranh chấp gì về đất không?			4.1.Lý do:	
4.1.4 Đồng chủ sở hữu?			4.1.5 Tên đồng sở hữu	
			4.1.6 Tỷ lệ của ông/bà	%
4.1.7 Ảnh chụp tài sản bị ảnh hưởng?				

7. THIẾT HẠI KHÁC (Gồm cả thu nhập)

Loại hình thiệt hại	Thửa số/chuỗi	Phương thức tính	Chi phí đền bù	Ghi chú
Tiền thuê từ nhà				
Tiền thuê từ cửa hàng/hoạt động kinh doanh				
Tiền thuê đất				
Thu nhập bị mất từ cửa hàng/hoạt động kinh doanh				
Thu nhập mất đi từ hoạt động nuôi trồng thủy sản				
Thu nhập bị mất – nguồn khác (nêu cụ thể)				
Khác (nêu cụ thể)				

Ghi chú:

8. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ SỐ NHÂN VIÊN

8.1. Đơn vị kinh doanh của ông/bà đã? ☐ 1- Đăng ký, số đăng ký ☐ 2- Kinh doanh hộ gia đình nhỏ (xem mục 8.4).....

8.2 Nếu đã đăng ký kinh doanh, thu nhập sau thuế bình quân mỗi tháng từ hoạt động kinh doanh là bao nhiêu?.....

8.3 Thu nhập này có ổn định không: ☐ 1- Có ☐ 2- Không, theo tháng ☐ 3- Không, theo mùa ☐ 4- Khác (nêu cụ thể):

8.4 Nếu có tuyển nhân viên (ví dụ như nhân viên của doanh nghiệp đã đăng ký, kinh doanh hộ gia đình, thuê nhân lực cạnh tác/nuôi tôm, v.v.):

Số lượng	Tên nhân viên	Vị trí (lao động ở trang trại, cơ khí, kế toán, nấu ăn..)	Tình trạng công việc (toàn thời gian, bán thời gian, theo mùa, khác (nêu cụ thể))	Thu nhập (đồng)

Ghi chú:

.....

.....

.....

.....

9. TRỢ CẤP VÀ HỖ TRỢ:

TT	Mục	Có/không	Đơn vị	Mức độ	Giá đơn vị	Chi phí (đồng)	Ghi chú
1	Trợ cấp chuyển đổi nghề nghiệp						
2	Thưởng tiến độ						
3	Trợ cấp xây dựng cơ sở hạ tầng						
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							

Chương trình phục hồi thu nhập: Có ☐ Không ☐

Ghi chú:

.....

.....

.....

10. TÓM TẮT CHI PHÍ ĐỀN BÙ VÀ TRỢ CẤP HỖ TRỢ

A- ĐỀN BÙ BẰNG TIỀN MẶT:

Thu hồi vĩnh viễn

1. Đất: VND.....

2. Công trình/tài sản: VND.....

3. Hoa màu/cây cối: VND

4. Trợ cấp hỗ trợ và thưởng: VND

Thu hồi tạm thời

5. Đất: VND.....

6. Hoa màu/cây cối: VND

7. Trợ cấp hỗ trợ và thưởng: VND

Tổng chi phí đền bù và hỗ trợ bằng tiền mặt: VND

(Bảng chữ:.....)

B- ĐỀN BÙ BẰNG ĐẤT THAY THẾ:m2

(Bảng chữ:.....)

C- ĐỀN BÙ BẰNG VẬT TƯ THAY THẾ:

TT	Loại vật tư	Đơn vị	Số lượng	TT	Loại vật tư	Đơn vị	Số lượng

11. CHỨNG NHẬN

Tôi,....., chủ hộ gia đình nhất trí rằng ngay khi nhận được đền bù agree, hộ gia đình chúng tôi sẽ dỡ bỏ các công trình, phá bỏ hoa màu và cây cối trên diện tích đất bị thu hồi tại thời điểm được thông báo, khi đất đai được chuyển giao cho DRC của Chúng tôi cam kết rằng hộ gia đình sẽ không tái chiếm đất đai và không gây bất cứ khó khăn gì cho các nhà thầu trong quá trình xây dựng, dưới bất kỳ hình thức nào. Các bên thừa nhận rằng nếu có tác động bổ sung chưa được đề cập ở trên, chúng sẽ được thảo luận và thương lượng với người bị ảnh hưởng trong thời gian sớm nhất.

Kèm theo bản sao có chứng nhận các tài liệu sau trong vòng 15 ngày:

.....
.....
.....
.....
.....
..... Ngày: Tháng..... Năm 200.....

Đại diện AP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện các AP
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện CPC
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện tư vấn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện DRC
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện PPMU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 2: Dự thảo Điều khoản tham chiếu cho Nghiên cứu chi phí thay thế

Dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hóa

ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU TIẾN HÀNH NGHIÊN CỨU CHI PHÍ THAY THẾ (DỰ THẢO)

I. Mục tiêu

Nhóm nghiên cứu phải xác minh và thiết lập mức giá đền bù cho đất đai, hoa màu, cây cối, công trình và thu nhập gắn với các tài sản trên đất khác (ví dụ như ao cá) để bảo đảm rằng những người bị ảnh hưởng bởi dự án (AP) sẽ được đền bù với mức chi phí thay thế.

II. Cách tiếp cận

Việc thiết lập các mức chi phí đền bù phải được tiến hành dựa trên các thông tin thu thập được trong cả quá trình nghiên cứu tài liệu và phỏng vấn trực tiếp người dân tại khu vực bị ảnh hưởng, bao gồm cả những người bị ảnh hưởng và không bị ảnh hưởng từ dự án.

Nghiên cứu tài liệu sẽ tập trung vào các ấn bản có liên quan, tài liệu của cơ quan chức năng của chính quyền, ở cả cấp trung ương và địa phương. Tuy nhiên, những tài liệu này sẽ chỉ đóng vai trò hỗ trợ. Do công việc nghiên cứu là nhằm tìm ra được các mức giá thay thế hợp lý cho các loại hình tài sản bị ảnh hưởng khác nhau, nên các bằng chứng thị trường sẽ là yếu tố cơ bản nhất để thiết lập công thức tính toán các chi phí này. Phỏng vấn trực tiếp với người dân trong khu vực bị ảnh hưởng, cả những người có tài sản bị ảnh hưởng và không bị ảnh hưởng bởi dự án, sẽ mang lại dữ liệu đáng tin cậy cho việc thiết lập chi phí.

III. Cơ sở đánh giá

Cơ sở để đánh giá giá trị đất đai và tài sản gắn liền với đất sẽ bao gồm: (i) nghiên cứu và điều tra thị trường được tiến hành bởi đơn vị thẩm định giá, (ii) bằng chứng thị trường tích lũy mà tổ chức định giá đã thu thập được, (iii) kết quả khảo sát đánh giá giá trị hiện có do bất kỳ tổ chức nào tiến hành, và các bản đồ địa chính về mảnh đất cần đánh giá và đất ở khu vực xung quanh.

3.1 Thu thập dữ liệu

Phương pháp thu thập dữ liệu như trình bày dưới đây có thể được điều chỉnh nếu cần thiết. Quy mô nhóm mẫu sẽ do đơn vị thẩm định giá quyết định.

3.1.1 Công trình

Mục tiêu của việc thiết lập chi phí thay thế là nhằm xác định liệu mức giá đền bù của thành phố có đủ để cho các AP xây dựng lại công trình bị ảnh hưởng của họ hay không. Việc thiết lập mức giá đền bù cho công trình bị ảnh hưởng được dựa trên nguyên tắc chi phí thay thế. Thông tin làm cơ sở cho việc thiết lập này chủ yếu được thu thập từ các cuộc phỏng vấn trực tiếp với những bên có liên quan, bao gồm các chủ sở hữu công trình (cả những người có công trình bị ảnh hưởng bởi dự án và không bị ảnh hưởng), và các nhà thầu xây dựng trong lĩnh vực xây dựng dân dụng. Các cuộc phỏng vấn sẽ được tiến hành dựa trên cơ sở định hướng phỏng vấn trước, bao gồm những vấn đề sau đây.

Phỏng vấn các chủ sở hữu công trình:

- Vật liệu xây dựng:
 - + Các vật liệu xây dựng chính được sử dụng cho công trình hiện tại
 - + Các cửa hàng nơi họ mua vật liệu xây dựng
 - + Khoảng cách vận chuyển
 - + Xuất xứ của vật liệu (trong nước hay nước ngoài)
 - + Chi phí của các vật liệu khác nhau

- Nhân công
 - + Ai xây các công trình này: Tự người chủ sở hữu hoặc nhà thầu? Nếu do chủ sở hữu tự xây thì họ tự xây hay thuê người xây?

Phòng vấn các nhà thầu xây dựng:

- Những vật liệu chính thường được người dân địa phương sử dụng để xây dựng các công trình?
- Giá thành của các vật liệu chính này
- Chi phí nhân công
- Chi phí xây dựng bình quân (giá của 1m² sàn) đối với các loại công trình khác nhau tùy theo các hạng mục khác nhau
- Tính xác thực của mức chi phí xây dựng do tỉnh/thành phố áp giá (chi phí trên m² sàn cho mỗi hạng mục)

Các công trình bao gồm, nhưng không giới hạn trong, các mục sau đây:

- Nhà ở
- Bếp (trong trường hợp tách biệt với nhà)
- Nhà vệ sinh, nhà tắm (trong trường hợp tách biệt với nhà)
- Chuồng trại chăn nuôi
- Giếng
- Các công trình phụ khác gắn liền với nhà

3.1.2 Đất đai

Mục tiêu của việc thiết lập chi phí này là xác định liệu mức đền bù mà tỉnh áp đặt có đủ để cho những người bị ảnh hưởng mua lại mảnh đất với cùng diện tích và tính chất hay không. Việc thiết lập mức đền bù cho đất đai sẽ được dựa trên giá trị thị trường. Cách tốt nhất để xác định được giá trị thị trường là thu thập thông tin về một số vụ mua bán quyền sử dụng đất vừa mới diễn ra. Tuy nhiên, việc chuyển quyền sử dụng đất chính thức không phải lúc nào cũng được tiến hành cùng với những vụ mua bán này, do vậy các vụ mua bán này không được đưa vào hồ sơ chính thức. Nhóm nghiên cứu sẽ phải nỗ lực hết sức để thu thập dữ liệu thực tế của các vụ mua bán này nhằm hỗ trợ cho việc xác minh mức giá của thành phố. Bên cạnh đó, thông tin làm cơ sở cũng được thu thập từ các cuộc phỏng vấn trực tiếp với những người chủ sở hữu đất đai của khu vực mà dự án đi qua, bao gồm cả những người bị ảnh hưởng và không bị ảnh hưởng bởi dự án. Các cuộc phỏng vấn sẽ bao quát những vấn đề sau:

- Chuyển giao quyền sử dụng đất hiện tại trong khu vực
- Mức giá mà tại đó các chủ sở hữu (những người bị ảnh hưởng và không bị ảnh hưởng) sẵn sàng bán đất của họ

Giá đất sẽ được phân biệt dựa trên mục đích sử dụng đất, bao gồm:

- Đất thổ cư
- Đất vườn
- Đất nông nghiệp
- Đất có mặt nước dùng để nuôi trồng thủy sản

Giá đất nông nghiệp và đất có mặt nước dùng để nuôi trồng thủy sản sẽ được phân biệt dựa trên chất lượng đất và khả năng tạo ra thu nhập cho chủ hộ.

Ngoài việc xác định mức giá cho rất nhiều loại đất khác nhau, đơn vị thẩm định giá cũng phải xác định chi phí giao dịch có liên quan, như chi phí hành chính, thuế, lệ phí đăng ký và phí trước bạ. Đơn vị thẩm định giá phải lưu ý rằng khi thiết lập mức chi phí thay thế cho mỗi loại tài sản, các chi phí giao dịch phải được nêu rõ và phải do dự án chi trả.

3.1.3 Hoa màu và cây cối

Mục tiêu của việc thiết lập mức giá thay thế cho hoa màu và cây cối là để xác định xem mức giá do tỉnh/thành phố áp đặt là tương đương, thấp hơn hay cao hơn so với mức giá trung bình của thị trường. Cơ sở để thiết lập giá là xác định mức giá thị trường trung bình cho mỗi loại hoa màu và cây cối. Thông tin làm cơ sở cho việc thiết lập này có thể được thu thập từ:

- Các nguồn thứ cấp:
 - + Xuất bản phẩm của các bộ liên quan (Tài nguyên môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp)
 - + Xuất bản phẩm của Ủy ban vật giá (nếu có)
- Nguồn sơ cấp:
 - Phỏng vấn những người sở hữu hoa màu và cây cối tương tự tại địa phương. Nội dung phỏng vấn bao gồm:
 - + Mức giá mà tại đó người chủ sở hữu sẵn sàng bán mỗi loại hoa màu và cây cối của họ. Mức giá đối với cây lâu năm sẽ được phân biệt theo độ tuổi của cây.
 - Thị trường, nhóm nghiên cứu sẽ khảo sát mức giá bán các hoa màu và cây cối này trên thị trường..

3.1.5 Các dự án phát triển dựa vào cộng đồng khác và các cơ sở hạ tầng khác (cột điện, hệ thống cấp nước, đường ống nước)

Đối với các cơ sở hạ tầng này, việc thiết lập mức đền bù sẽ dựa trên chi phí thay thế. Tương như trường hợp đền bù các công trình, chi phí xây dựng các cơ sở hạ tầng này sẽ được xác định để xem mức đền bù có đủ cho việc xây dựng lại chúng hay không. Thông tin làm cơ sở sẽ dựa trên việc định giá tiến hành cùng với những người chịu trách nhiệm xây dựng các công trình này để xác định giá nguyên vật liệu và giá nhân công.

IV. Chi phí thay thế = Giá trị thị trường hiện hành + Chi phí giao dịch

Ngoài việc xác định các mức đền bù cho đất đai và tài sản gắn liền với đất đai như được nêu ở trên, đơn vị thẩm định giá cũng cần phải xác định các chi phí giao dịch liên quan, như chi phí hành chính, thuế, thuế trước bạ và chi phí xin giấy phép xây dựng. Đơn vị thẩm định giá cần nhớ rằng khi thiết lập mức chi phí thay thế cho mỗi loại tài sản, các chi phí giao dịch phải được xác định rõ và phải do dự án chi trả, chứ không được khấu trừ từ tiền đền bù mà các AP được nhận. Sẽ phải có một phần riêng trong báo cáo nêu rõ cách thức tính toán các chi phí giao dịch này.

V. Thiết lập chi phí thay thế

A. Giá trị thị trường hiện hành

Dựa trên các hoạt động đã được tiến hành, (i) trình bày phương pháp tiến hành và (ii) chuẩn bị bảng và thảo luận giữa các thành viên trong nhóm nghiên cứu về đơn giá sẽ được áp dụng cho dự án

Bảng:

Loại tài sản	Mức giá của chính phủ (ngày)	Giá thị trường hiện hành	Đơn giá đề xuất cho dự án
Ví dụ Đất (Nông nghiệp-loại 1)			
Vật liệu xây dựng			
Xi măng (bao)			
Gỗ (			

B. Chi phí giao dịch

<i>Tài sản</i>	<i>Loại chi phí giao dịch</i>	<i>Tính toán/công thức</i>
<i>Đất đai</i>	<i>Thuế</i>	
	<i>Phí trước bạ</i>	
	<i>v.v.</i>	
<i>Nhà cửa</i>	<i>Giấy phép xây dựng</i>	
	<i>v.v.</i>	

* Chi phí hành chính nhà nước, thuế, phí trước bạ, giấy phép xây dựng, chi phí đăng ký, v.v.

VI. Tư cách của đơn vị nghiên cứu

Tổ chức/công ty thẩm định giá phải là một đơn vị thẩm định được cấp phép để chuẩn bị việc thẩm định giá theo các tiêu chuẩn sau: (i) sử dụng các phương pháp thẩm định được áp dụng quốc tế, (ii) phản ánh giá trị thị trường hiện hành với các chi phí giao dịch rõ ràng; và (iii) độc lập.

Phụ lục 3: Tài khoản tạm ứng cấp 2 (SGIA)
Các tài liệu yêu cầu*
 (Chi trả đền bù cho người bị ảnh hưởng)

**Lưu ý: Sẽ được thảo luận trong quá trình cập nhật RP. Danh mục các tài liệu hỗ trợ có thể được sửa đổi.*

Mã	Loại tài liệu
A.	ĐỐI VỚI NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT CÓ LURC / BIÊN NHẬN VỀ VIỆC NỘP LURC (Hợp pháp và có tính pháp lý)
AP	Chứng nhận của hộ gia đình
AP-1	Bản sao CMND có kèm ảnh
AP-2	Chứng nhận tình trạng cư trú (do xã/huyện cấp)
	Đất đai
101	LURC hoặc Biên nhận về việc nộp LURC
102	Bản đồ rải thửa do DONRE chứng nhận
103	Biên lai thuế gần nhất
104	Chứng nhận “Không tranh chấp” đối với đất đai, do UBND xã cấp
105	Thỏa thuận mua/bán (“Chứng thư mua bán”)
106	Chứng nhận quá trình sử dụng đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Địa chính xã chứng nhận*
	Nhà ở / Công trình
201	Chứng nhận quyền sở hữu công trình (huyện cấp)
202-a	Chứng nhận từ bỏ quyền sở hữu nếu người chủ chỉ sở hữu đất, còn nhà ở/công trình do người khác làm chủ
203	Ảnh chụp công trình
	Hoa màu và cây cối
301	Chứng nhận quyền sở hữu hoa màu và cây cối (thuộc về chủ sở hữu đất) HOẶC
302-a	Chứng nhận từ bỏ quyền sở hữu hoa màu và cây cối (nếu đất là đất thuê hoặc do hộ gia đình khác canh tác)
	Các tài sản cố định khác
401-a	Chứng nhận quyền sở hữu các tài sản cố định khác (Nhà vệ sinh, cửa hàng, giếng nước, khác)
402-a	Chứng nhận từ bỏ quyền sở hữu các tài sản cố định nếu do người khác sở hữu (ví dụ như thuê từ người chủ sở hữu)
403	Ảnh chụp các tài sản cố định
	Chi trả tiền trợ cấp theo chính sách nhà nước (Trợ cấp xã hội và cho các hộ nghèo theo chính sách của MOLISA)
501	Chứng nhận đăng ký thường trú/tạm trú (để xác minh đăng ký thường trú/tình trạng cư trú)
502	Chứng nhận hộ nghèo (do UBND xã/huyện cấp theo ngưỡng quy định của MOLISA)
503	Hộ gia đình chính sách (bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh liệt sĩ) do UBND xã cấp
504	Các khoản trợ cấp khác như được nhất trí trong RP cập nhật

B	ĐỐI VỚI CÁC HỘ GIA ĐÌNH KHÔNG CÓ CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU
	- lĩnh canh, thuê, hộ gia đình trên đất công/tài sản tư nhân trước ngày chốt để tính đền bù
I	Mẫu khảo sát đo đạc chi tiết có chữ ký của cơ quan thẩm quyền địa phương và AP
	Tài liệu kèm theo DMS:
AP	Chứng nhận của hộ gia đình
AP-1	Bản sao CMND có kèm ảnh
AP-2	Chứng nhận tình trạng cư trú (do xã/huyện cấp)

B	ĐỐI VỚI CÁC HỘ GIA ĐÌNH KHÔNG CÓ CHỨNG NHẬN QUYỀN SỞ HỮU - lĩnh canh, thuê, hộ gia đình trên đất công/tài sản tư nhân trước ngày chốt để tính đền bù
	Chi phí đầu tư trên đất (nhà ở/ công trình, hoa màu, cây cối, tài sản cố định)
101-a	Chứng nhận của người chủ sở hữu đất (nếu là đất tư nhân/công ty) hoặc xã/huyện (nếu là tài sản công) rằng hộ gia đình có quyền sử dụng và đầu tư trên đất đai
101-b	Khước từ quyền sở hữu nếu đất thuộc về người khác (như điều 101-a) hoặc là đất công (như điều 101-b)
202-a	Bản sao khước từ quyền sở hữu của chủ đất đối với các công trình thuộc quyền của hộ gia đình
302-a	Bản sao khước từ quyền sở hữu của chủ đất đối với hoa màu và cây cối thuộc quyền của hộ gia đình
402-a	Bản sao khước từ quyền sở hữu của chủ đất đối với các tài sản cố định khác thuộc quyền của hộ gia đình
	Chi trả tiền trợ cấp theo chính sách nhà nước (Trợ cấp xã hội và cho các hộ nghèo theo chính sách của MOLISA)
501	Chứng nhận đăng ký thường trú/tạm trú (để xác minh đăng ký thường trú/tình trạng cư trú)
502	Chứng nhận hộ nghèo (do UBND xã/huyện cấp theo ngưỡng quy định của MOLISA)
503	Hộ gia đình chính sách (bà mẹ Việt Nam anh hùng, thương binh liệt sĩ) do UBND xã cấp
504	Các khoản trợ cấp khác như được nhất trí trong RP cập nhật

II	BIÊN LAI THANH TOÁN
601	Bản sao Biên lai thanh toán (a) có chữ ký của AP; (b) chứng thực bởi UBND xã/huyện và Ban tái định cư; (c) được PPUM kiểm tra;
	(d) xác nhận bởi IMO

Phụ lục 4: Danh sách AP, các hộ dễ bị tổn thương và các hộ do phụ nữ làm chủ

Danh sách các hộ bị ảnh hưởng

ĐỀN BÙ CHO CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG
Đường vành đai và đường nối

Đang vay lãi và đường nợ			THIỆT HẠI				Tổng đền bù (VND)
	TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG	Đất nông nghiệp	Đất ở	Nhà ở	Hoa màu	Công trình khác	
1. Xã Quảng Thắng							
1	Xóm 2	Lê Đình Năm	x		x		88,295,130
2	Xóm 2	Nguyễn Thị Liên	x		x		11,392,920
3	Xóm 2	Lê Thị Hải	x		x		13,291,740
4	Xóm 2	Đỗ Thị H- ơng	x		x		11,392,920
5	Xóm 2	Phạm Văn Tuấn	x		x		9,494,100
6	Xóm 2	Đỗ Khắc Quyền	x		x		13,291,740
7	Xóm 2	Lê Thị Bình	x		x		12,658,800
8	Xóm 2	Lê Hữu Kim	x		x		12,658,800
9	Xóm 2	Lê Đình Chấn	x		x		6,329,400
10	Xóm 2	Lê Đình Nam	x		x		30,507,708
11	Xóm 2	Đỗ Khắc Hoàn	x		x		6,329,400
12	Xóm 2	Lê Hữu Hồ	x		x		52,787,196
13	Xóm 2	Lê Xuân Quân	x		x		14,937,384
14	Xóm 2	Lê Đình Tuấn	x		x		14,937,384
15	Xóm 2	Lê Đình Thắng	x		x		12,658,800
16	Xóm 2	Lê Hoa Thơm	x		x		24,115,014
17	Xóm 2	Lê Thị Huệ	x		x		36,710,520
18	Xóm 2	Lê Xuân D- ơng	x		x		16,139,970
19	Xóm 2	Đỗ Khắc L- u	x		x		14,557,620
20	Xóm 2	Đỗ Khắc Bình	x		x		15,823,500
21	Xóm 2	Lê Hữu Hải	x		x		9,494,100
22	Xóm 2	Lê Thị Xuyên	x		x		18,988,200
23	Xóm 2	Lê Hữu Tuấn	x		x		12,658,800
24	Xóm 2	Đỗ Khắc Lợi	x		x		11,392,920
25	Xóm 2	Đỗ Khắc Thắng	x		x		6,329,400
26	Xóm 2	Lê Đình Hào	x		x		11,392,920
27	Xóm 2	Lê Đình Hùng	x		x		9,494,100
28	Xóm 7	Phan Văn Dũng	x		x		10,127,040
29	Xóm 7	Yên Văn Tấn	x		x		10,127,040
30	Xóm 7	Phạm Thị Nguyệt	x		x		10,443,510
31	Xóm 7	Phạm Văn Ph- ơng	x		x		34,811,700
32	Xóm 7	Yên Thị Liệu	x		x		12,658,800
33	Xóm 7	Đỗ Thị Nhuận	x		x		45,888,150
34	Xóm 7	Phạm Văn Nam	x		x		11,076,450
35	Xóm 7	Phạm Khắc Quý	x		x		65,445,996
36	Xóm 7	Tr- ơng Thị Đ- ơng	x		x		40,951,218
37	Xóm 7	Phạm Văn D- ơng	x		x		6,329,400
38	Xóm 7	Yên Văn Luân	x		x		15,823,500
39	Xóm 7	Yên Thị Giới	x		x		25,317,600
40	Xóm 7	Yên Thị Hồng	x		x		15,823,500
41	Xóm 7	Nguyễn Thị - ớc	x		x		44,305,800
42	Xóm 7	Nguyễn Thị Tiến	x		x		10,759,980
43	Xóm 7	Phạm Phong Nhã (Binh)	x		x		12,658,800
44	Xóm 7	Đặng Thị Nhi	x		x		10,127,040
45	Xóm 7	Trịnh Thế Đại	x		x		12,658,800
46	Xóm 7	Nguyễn Xuân Ph- ơng	x		x		6,329,400
47	Xóm 7	Phạm Văn Nghĩa	x		x		50,635,200
48	Xóm 7	Lê Thị H- ơng	x		x		42,406,980
49	Xóm 7	Đổng Thị Dinh	x		x		69,496,812
50	Xóm 7	Phạm Văn Chi	x		x		63,294,000
51	Xóm 7	Trần thị Ngân	x		x		17,152,674
52	Xóm 7	Nguyễn Thị Chung	x		x		15,823,500
53	Xóm 7	Nguyễn Trọng Cừ	x		x		65,066,232
54	Xóm 7	Phạm Thị Chung	x		x		12,658,800
55	Xóm 7	Đổng Phạm Chấn	x		x		12,658,800
56	Xóm 7	Đông Hữu Thành	x		x		11,582,802
57	Xóm 7	Mai Hữu QUYẾN	x		x		27,532,890
58	Xóm 7	Tr- ơng Thị Thanh	x		x		13,924,680
59	Xóm 7	Yên Văn Hinh	x		x		20,254,080
60	Xóm 7	Phạm Thị Hào	x		x		8,671,278
61	Xóm 7	Phạm Văn Giang	x		x		8,671,278
62	Xóm 7	Đỗ Thị Hào	x		x		9,620,688
63	Xóm 7	Lê Thị Thanh	x		x		9,177,630
64	Xóm 7	Tr- ơng Cống Tỉnh	x		x		9,177,630
65	Xóm 5	Nguyễn Viết Phi	x		x		32,343,234
66	Xóm 5	Hoàng Thị Hà	x		x		6,329,400
67	Xóm 5	Nguyễn Thanh Yên	x		x		22,152,900
68	Xóm 5	An Thị Nến	x		x		22,152,900
69	Xóm 5	Nhữ Thị Kinh	x		x		7,721,868
70	Xóm 5	Nguyễn Ngọc Lâm	x		x		9,114,336
71	Xóm 5	Nguyễn trí Chinh	x		x		15,823,500
72	Xóm 5	Phạm Thanh Thảo	x		x		22,152,900
73	Xóm 5	Nguyễn Trọng Thế	x		x		17,722,320

			Đất nông	Đất ở	THIỆT HẠI	Công trình	Tổng đền bù	
TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG			ngiệp		Nhà ở	Hoa màu	khác	(VND)
74	Xóm 5	Nguyễn Thị Diệp	x			x		12,658,800
75	Xóm 5	Nguyễn Duy Vinh	x			x		28,355,712
76	Xóm 5	Nguyễn Duy Thiết	x			x		9,494,100
77	Xóm 5	Đào Thị Sách	x			x		28,482,300
78	Xóm 5	Nguyễn Đỗ Hạnh	x			x		25,317,600
79	Xóm 5	Nguyễn Văn Sửu	x			x		18,608,436
80	Xóm 5	Yên Thanh Sơn	x			x		16,709,616
81	Xóm 5	Nguyễn Thị Đờ	x			x		12,658,800
82	Xóm 5	Nguyễn Ngọc Tuyên	x			x		10,759,980
83	Xóm 5	Nguyễn Đình Phùng	x			x		26,583,480
84	Xóm 5	Nguyễn Duy Dân	x			x		6,329,400
85	Xóm 5	Nguyễn Ngọc Tính	x			x		1,898,820
86	Xóm 5	Cao Thị Hà	x			x		3,164,700
87	Xóm 3+4	Trần Văn Đăng	x			x		25,317,600
88	Xóm 3+4	Lê Đình Diễn	x			x		12,658,800
89	Xóm 3+4	Trần Văn Toàn	x			x		21,709,842
90	Xóm 3+4	Trần Văn Diễn	x			x		9,494,100
91	Xóm 3+4	Trần Thị Thi	x			x		18,988,200
92	Xóm 3+4	Trần Văn Đ- ơng	x			x		7,595,280
93	Xóm 3+4	Đỗ Khắc Thanh	x			x		7,595,280
94	Xóm 3+4	Nguyễn Xuân Vinh	x			x		7,595,280
95	Xóm 3+4	Đàm Sỹ Khả	x			x		9,494,100
96	Xóm 3+4	Trần Thị Trâm	x			x		9,494,100
97	Xóm 3+4	Nguyễn Xuân Minh	x			x		9,494,100
98	Xóm 7	Phạm Thị Thuật	x			x		16,329,852
99	Xóm 7	Nguyễn Thị Khiết	x			x		6,329,400
100	Xóm 7	Yên Văn Dũng	x			x		40,634,748
101	Xóm 7	Trịnh Thế Đại	x			x		18,988,200
102	Xóm 7	Nguyễn Trọng Hoa	x			x		63,294,000
103	Xóm 7	Phạm Văn Sinh	x			x		8,228,220
104	Xóm 7	Trần Thị Bái	x			x		18,988,200
105	Xóm 7	Nguyễn Đức Tr- ơng	x			x		13,291,740
106	Xóm 7	Nguyễn Thị Nhấn	x			x		18,988,200
107	Xóm 7	Tr- ơng Thị Thanh	x			x		44,305,800
108	Xóm 7	Yên Văn Chính	x			x		25,317,600
109	Xóm 7	Phạm Khắc Quý	x			x		18,355,260
110	Xóm 7	Đổng Hữu Sinh	x			x		8,861,160
111	Xóm 7	Nguyễn Trọng Lai	x			x		4,557,168
112	Xóm 8	Nguyễn Văn Khoan	x			x		31,647,000
113	Xóm 8	Hà Văn Hiếu	x			x		60,319,182
114	Xóm 8	Phạm Thị Vân	x			x		18,988,200
115	Xóm 8	Tr- ơng Sỹ Vy	x			x		26,077,128
116	Xóm 8	Trần văn Di	x			x		30,887,472
117	Xóm 8	Nguyễn Văn Ngân	x			x		12,025,860
118	Xóm 8	Phạm văn Tiến	x			x		12,658,800
119	Xóm 8	UBND	x			x		506,352,000
120	Xóm 8	Công ty giống cây trồng	x			x		278,493,600
121	TT Bvien	Nguyễn Văn Thúc		x			x	1,308,250,000
122	TT Bvien	Cao Đức Hải		x			x	349,000,000
123	TT Bvien	Nguyễn Thị Chi		x			x	968,140,000
124	TT Bvien	Cao Thị Hà		x			x	349,000,000
125	TT Bvien	Lê Hữu Nhân		x			x	609,020,000
126	TT Bvien	Lê Thiên Khánh		x			x	412,919,000
127	TT Bvien	Vũ Khắc Thân		x			x	282,000,000
128	TT Bvien	Vũ Xuân Hải		x			x	828,100,000
129	TT Bvien	Phạm Thị Phiến		x			x	464,750,000
130	TT Bvien	Quách Minh Hiến		x			x	320,100,000
131	TT Bvien	Lê Thị Ninh		x			x	800,000,000
132	TT Bvien	Mai Thị Sang		x			x	388,000,000
133	Xóm 7	Phạm Thị Thuật		x			x	1,702,500,000
2. Xã Quảng Thành								
1	Thành Yên	Vũ Thị Yến	x			x		39,495,456
2	Thành Yên	Nguyễn Văn Cả	x			x		28,672,182
3	Thành Yên	Nguyễn Văn V- ơng	x			x		72,788,100
4	Thành Yên	Trịnh Văn Tích	x			x		29,305,122
5	Thành Yên	Nguyễn Thị Thân	x			x		40,065,102
6	Thành Yên	Trịnh Văn Cam	x			x		10,127,040
7	Thành Yên	Nguyễn Văn V- ơng	x			x		12,025,860
8	Thành Yên	Nguyễn Văn Ngọc	x			x		26,077,128
9	Thành Yên	Trịnh Văn Nam	x			x		48,103,440
10	Thành Yên	Nguyễn Văn Bốn	x			x		3,038,112
11	Thành Yên	Bùi Văn Tác	x			x		33,292,644
12	Thành Yên	Lê Văn Sỹ	x			x		30,064,650
13	Thành Yên	Lê Văn Thắng	x			x		23,039,016
14	Thành Yên	Trần Văn Kế	x			x		18,988,200
15	Thành Yên	UBND xã	x			x		189,882,000

			Đất nông	Đất ở	THIỆT HẠI	Công trình	Tổng đền bù
TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG			ng nghiệp		Nhà ở	khác	(VND)
16	Thành Yên	Bùi Quốc Toàn	x			x	33,419,232
17	Thành Yên	Võ Sỹ Đang	x			x	53,483,430
18	Thành Yên	Hoàng Văn Miến	x			x	21,393,372
19	Thành Yên	Hoàng Văn Thịnh	x			x	25,317,600
20	Thành Yên	Hoàng Văn Trấn	x			x	25,317,600
21	Thành Yên	Bùi Thị Dậu	x			x	21,519,960
22	Thành Yên	Lê Văn Cơn	x			x	18,988,200
23	Thành Yên	Hoàng Thị Tr- ờng	x			x	27,089,832
24	Thành Yên	Trần Thị Mão	x			x	42,090,510
25	Thành Yên	Lê Văn Vũ	x			x	10,443,510
26	Thành Yên	Lê Thị Xăng	x			x	10,443,510
27	Thành Yên	Hoàng Thị Thuận	x			x	31,647,000
28	Thành Yên	Hoàng Thị Hồng	x			x	31,647,000
29	Thành Yên	Hoàng Văn Tính	x			x	261,964,600
30	Thành Yên	Trần Thị Chấn	x			x	18,988,200
31	Thành Yên	Lê Thị Kiên (c/s)	x			x	25,317,600
32	Thành Yên	Hoàng Ngọc Quê	x			x	9,494,100
33	Thành Yên	Nguyễn Thị B- ờng	x			x	4,747,050
34	Thành Yên	Ngô Văn Téo	x			x	31,330,530
35	Thành Yên	Trần Văn Phụng	x			x	50,635,200
36	Thành Yên	Bùi Duy Tinh	x			x	12,658,800
37	Thành Yên	Bùi Duy Đà	x			x	12,658,800
38	Thành Yên	Bùi Văn Đoan	x			x	18,988,200
39	Thành Yên	Bùi Duy - ớc	x			x	22,152,900
40	Thành Yên	Ngô Văn Nhân	x			x	22,152,900
41	Thành Yên	Ngô Văn Kính	x			x	22,152,900
42	Thành Yên	Lê Thị Bảy	x			x	22,152,900
3. Ph- ờng Đông Vệ							
1		Phạm Thị Ngôi	x			x	63,294,000
2		Nguyễn Hữu Mặc	x			x	67,218,228
3		Nguyễn Văn Kim	x			x	63,294,000
4		Nguyễn Văn Cống	x			x	126,588,000
5		Hoàng Văn Hùng	x			x	63,294,000
6		Nguyễn Văn Thung	x			x	44,305,800
7		Nguyễn Xuân Huấn	x			x	31,647,000
8		Nguyễn Duy Hiệp	x			x	63,294,000
9		Nguyễn Viết Hơn	x			x	31,647,000
10		Nguyễn Thị Ngộ	x			x	31,647,000
11		Phùng Khắc Phong	x			x	82,282,200
12		Tô Văn Cảnh	x			x	44,305,800
13		Vũ Quang Chung	x			x	31,647,000
14		Nguyễn Thị Toàn	x			x	41,141,100
15		Phạm Thị Hội	x			x	50,635,200
16		Hoàng Văn Khế	x			x	50,635,200
17		Nguyễn Hữu Dục	x			x	3,164,700
18		Tô Văn Ngọc	x			x	3,164,700
19		Nguyễn Quang Tùng	x			x	3,164,700
20		Phùng Khắc Nghĩa	x			x	1,898,820
21		Vũ Thị Vong	x			x	18,988,200
22		Nguyễn Mạnh Hùng	x			x	25,317,600
23		Nguyễn Thị Lan	x			x	25,317,600
24		Nguyễn Nh- Thành	x			x	25,317,600
25		Hồ Văn Tuyết	x			x	25,317,600
26		Nguyễn Văn Tiến	x			x	25,317,600
27		Trần Xuân Lân	x			x	37,976,400
28		Trần Thị Tuyền	x			x	25,317,600
29		Nguyễn Văn Huy	x			x	88,611,600
30		Bùi Thị Hạnh	x			x	44,305,800
31		Nguyễn Thế Nhật	x			x	25,317,600
32		Nguyễn Hữu Tăng	x			x	88,611,600
33		Đỗ Văn Mộc	x			x	47,470,500
34		Nguyễn Giang Sơn	x			x	3,164,700
35		Bùi Văn Thành	x			x	56,964,600
36		Lê Thiện Bình	x			x	3,797,640
37		Đỗ Văn Thạch	x			x	3,797,640
38		Nguyễn Văn Thứ	x			x	50,635,200
39		Bùi Tân Quang	x			x	31,647,000
40		Nguyễn Thế Tiêu	x			x	31,647,000
41		Nguyễn Thị Soan	x			x	94,941,000
42		Nguyễn Công T- ờng	x			x	75,952,800
43		Nguyễn Hữu Mai	x			x	75,952,800
44		Nguyễn Thị Láng	x			x	44,305,800
45		Nguyễn Thị Thọ	x			x	31,647,000
46		Nguyễn Thị Ngoan(Cơ)	x			x	94,941,000
47		Nguyễn Thế T- ờng	x			x	63,294,000
48		Cao Thị Vầy	x			x	25,317,600

	TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG	Đất nông nghiệp	Đất ở	THIỆT HẠI		Công trình khác	Tổng đền bù (VND)
				Nhà ở	Hoa màu		
49	Nguyễn Thị Nga	x			x		44,305,800
50	Lê Đình Quảng	x			x		44,305,800
51	Nguyễn Thế Sang	x			x		50,635,200
52	Đỗ Xuân Giới	x			x		63,294,000
53	Nguyễn Thị Tái	x			x		18,988,200
54	Nguyễn Thị Mai	x			x		31,647,000
55	Nguyễn Thị Đông	x			x		29,621,592
56	Đặng Viết Đ-ợc	x			x		22,785,840
57	Nguyễn Thị Ngoan	x			x		28,545,594
58	Nguyễn Văn Bê	x			x		6,835,752
59	Phạm Thị Đan	x			x		20,950,314
60	Lê Văn Long	x			x		56,648,130
61	Nguyễn Thị Chiên	x			x		6,645,870
62	Nguyễn Thế Bình	x			x		41,141,100
63	Nguyễn Thế Đợt	x			x		18,228,672
64	Nguyễn Công Trính	x			x		12,532,212
65	D-ợng Tấn Hùng	x			x		20,507,256
66	Phạm Thị Bé	x			x		8,164,926
67	Phạm Hữu Toàn	x			x		22,785,840
68	Nguyễn Thế Hải	x			x		13,671,504
69	Đặng Văn ắm	x			x		13,671,504
70	Lê Thị Nga	x			x		7,975,044
71	Hoàng Văn Hùng	x			x		9,367,512
72	Nguyễn Văn Dũng	x			x		8,164,926
73	Nguyễn Thị Vân	x			x		10,253,628
74	Nguyễn Đình Minh	x			x		29,621,592
75	Nguyễn Công Đạt	x			x		22,785,840
76	Nguyễn Thị Trọng	x			x		14,431,032
77	Lê Đình Tấn	x			x		6,645,870
78	Nguyễn Thị Hòa	x			x		15,950,088
79	Nguyễn Thị Chiên	x			x		5,696,460
80	Đổng Văn Tuấn	x			x		6,645,870
81	Nguyễn Công Dàng	x			x		22,785,840
82	Nguyễn Thị Duy	x			x		7,278,810
83	Nguyễn Thị Việt	x			x		7,468,692
84	Nguyễn Thế Sám	x			x		7,405,398
85	Nguyễn Thị Hải	x			x		6,645,870
86	Nguyễn Đình Hùng	x			x		13,671,504
87	Nguyễn Đức Hùng	x			x		11,392,920
88	Nguyễn Thị Mai	x			x		13,291,740
89	Nguyễn Đức Hùng	x			x		22,785,840
90	Nguyễn Thị Hồng	x			x		20,507,256
91	Đỗ Văn Giới	x			x		20,380,668
92	Nguyễn Hữu Sáng	x			x		18,228,672
93	Nguyễn Thị Téo	x			x		11,392,920
94	Nguyễn Thị Hợi	x			x		46,457,796
95	Nguyễn Thị Chính	x			x		13,671,504
96	Nguyễn Xuân Lanh	x			x		9,114,336
97	Nguyễn Thị Sang	x			x		18,228,672
98	Cao Thị Chạm	x			x		18,228,672
99	Phạm Hữu Đàng	x			x		28,292,418
100	Lê Thị Trính	x			x		28,482,300
101	Nguyễn Thị Tân	x			x		34,558,524
102	Lê Thị Hiếu	x			x		53,799,900
103	Bùi Nguyễn	x			x		68,420,814
104	Nguyễn Đình Thủy	x			x		6,835,752
105	Nguyễn Công Tr-ợng	x			x		27,849,360
106	Nguyễn Thị Liên	x			x		31,836,882
107	Nguyễn Thế Tiến	x			x		7,278,810
108	Lê Đình Quảng	x			x		29,621,592
109	Nguyễn Đắc Cải	x			x		22,785,840
110	Nguyễn Thị Minh	x			x		21,709,842
111	Nguyễn Hữu Nông		x				800,000,000
112	Nguyễn Văn Trấn		x	x			882,000,000
113	Vũ Đình Dũng		x				704,000,000
114	Nguyễn Duy Hoà		x				770,000,000
115	Tr-ợng Công Định		x	x			878,925,000
116	L-ợng Thị Xây		x	x			810,825,000
4. Ph-ợng Tân Sơn							
1	Trần Khắc Trung		x	x			1,331,750,000
2	Hoàng Thị Nhâm	x			x		134,246,574
3	Đỗ Thị Khanh	x					5,245,981,610
4	Bùi Ngọc Tiến	x			x		46,138,590
5	Nguyễn Văn Thanh	x			x		197,388,590
6	Vũ Huy Tuấn	x			x		94,044,000
7	Bùi Thị C-ợng (Tiểu)	x			x		3,164,700

		Đất nông nghiệp	Đất ở	THIỆT HẠI		Công trình khác	Tổng đền bù (VND)
TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG				Nhà ở	Hoa màu		
5. Xã Quảng Thịnh							
1	Nguyễn Văn L- ơng	x			x		19,621,140
2	Lê Văn Bá	x			x		6,329,400
3	Nguyễn Thanh D- ơng	x			x		6,329,400
4	Lê Thị Lạo	x			x		6,329,400
5	Nguyễn Văn Xinh (Quý)	x			x		6,329,400
6	Nguyễn Thế Minh(Văn)	x			x		22,785,840
7	UBND xã	x			x		-
8	Lê Văn Dũng	x			x		6,329,400
9	Lê Xuân Tr- ơng	x			x		15,823,500
10	Lê Xuân Hồng	x			x		32,406,528
11	Nguyễn Văn Chính	x			x		19,621,140
12	Nguyễn Văn Sơn	x			x		5,379,990
13	Ngô Xuân Thanh	x			x		1,265,880
14	Nguyễn Ngọc Thọ (Hạnh)	x			x		25,317,600
15	Nguyễn Thị L- u	x			x		17,089,380
16	Ngô Xuân Gang (Giang)	x			x		1,265,880
17	Nguyễn Thị Diễm	x			x		15,507,030
18	Nguyễn Thế Cử	x			x		18,418,554
19	Lê Văn Do	x			x		12,658,800
20	Lê Thị Chính	x			x		43,672,860
21	Lê Xuân Thịnh(Thoa)	x			x		6,329,400
22	Trịnh Văn Bảo (Rựa)	x			x		6,329,400
23	Nguyễn Xuân Lâm (Nga)	x			x		5,063,520
24	Nguyễn Thế Hùng	x			x		5,063,520
25	Nguyễn Văn Đông	x			x		12,025,860
26	Đào Văn Thuyết	x			x		9,494,100
27	Nguyễn Văn Linh	x			x		2,405,172
28	Trịnh Văn Quyết	x			x		13,924,680
29	Lê Thị Nghĩa	x			x		9,557,394
30	Nguyễn Văn Hải	x			x		12,658,800
31	Đoàn Ngọc Nhị	x			x		8,544,690
32	Lê Bá Thành	x			x		6,329,400

ĐỀN BÙ CHO CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG

Trung tâm thông tin và Cải tạo bờ sông nhà Lê

TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG	Đất nông nghiệp	Đất ở	THIỆT HẠI		Công trình khác	Tổng đền bù (VND)
			Nhà ở	Hoa màu		
1. Xã Quảng Thắng						
1 Lê Công Đình	X					7,911,750
2 Trần Văn Tr- ởng	X					27,026,538
3 Nguyễn Thị Đức	X					11,392,920
4 Phạm Văn Hạnh (Bình)	X					7,911,750
5 Ie Xuân Phú	X					15,823,500
6 Nguyễn Thị Vân	X					7,911,750
7 Phạm Thị Ngà	X					48,736,380
8 Yên Thị Hồ	X					7,911,750
9 Phạm Văn Tiến	X					15,823,500
10 Phạm Văn Cầu	X					15,823,500
11 Phạm Thị Vân	X					8,861,160
12 Tr- ợng Sỹ Đế	X					7,911,750
13 Nguyễn Văn Ba	X					7,911,750
14 Tr- ợng Sỹ Đồng	X					28,229,124
15 Nguyễn Thị Chát	X					15,823,500
16 Yên Thị Tuyết	X					6,329,400
17 Nguyễn Trọng Niên	X					9,494,100
18 Th- ợng Sỹ Luật	X					7,911,750
19 Tr- ợng Văn Thắng	X					7,911,750
20 Nguyễn Văn Niên	X					20,570,550
21 Nguyễn Thị Liễu	X					7,911,750
22 Trần Thị Sen	X					40,824,630
23 Lê Thị Thạch	X					31,647,000
24 Lê Thị Mộc	X					15,823,500
25 Lê Thị Thoi	X					22,152,900
26 Nguyễn Thị Loan	X					12,658,800
27 Nguyễn Thị Khôn	X					9,494,100
28 Lê Thị Len	X					38,482,752
29 Đàm Thị Lâu	X					15,823,500
30 Tô Văn Hùng	X					15,823,500
31 Nguyễn Thị Thơ	X					12,658,800
32 Nguyễn Thị Viên	X					25,317,600
33 Phạm Văn Tâm	X					15,823,500
34 Lê Thị Thế	X					15,823,500
35 Phạm Văn Cuông	X					58,293,774
36 Đỗ Khắc Tr- ởng	X					12,658,800
37 Trịnh Thị Dũng	X					28,482,300
38 Nguyễn Thanh Chi	X					12,658,800
39 Nguyễn Thị Vóc	X					12,658,800
40 Lê Thị Vịnh	X					23,228,898
41 Lê Viết Bảo	X					23,165,604
42 Nguyễn Thị Hạnh	X					12,658,800
43 Lê Thị Lợi	X					22,152,900
44 Nguyễn Thị Ninh	X					41,141,100
45 Phí Văn Chuật	X					56,774,718
46 Phùng Quang Chán	X					15,823,500
47 Nguyễn Thị Ân	X					6,329,400
48 Nguyễn Xuân Quang	X					15,823,500
49 UBND xã						291,152,400
2. Phường Đồng Vệ						
50 Nguyễn Văn Thủy						12,658,800
51 Phạm Hữu Toàn	X					44,242,506
52 Nguyễn Công Ngân	X					15,823,500
53 Nguyễn Văn Duân	X					6,329,400
54 Nguyễn Công Ngân	X					15,823,500
55 Phạm Thị Trọng	X					18,988,200
56 Nguyễn Công Tiến	X					12,658,800
57 Nguyễn Văn Thủy	X					12,658,800
58 Cao Thị Tộ	X					14,177,856
59 Cao Văn Tiến	X					34,811,700
3. Phường Hàm Rồng	X					
60 Công ty Kim Qui		X				800,000,000
61 V- ỡn thực vật Hàm Rồng	X					930,000,000
62 UBND ph- ờng Hàm Rồng	X					59,010,000
63 Quân Đội		X				140,000,000

ĐỀN BÙ CHO CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG
Trường Cao đẳng nghề công nghiệp

	TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG	Đất nông nghiệp	Đất ở	THIỆT HẠI		Công trình khác	Tổng đền bù (VND)
				Nhà ở	Hoa màu		
1	Lê Văn B- ời	X			X		27,153,126
2	Lê Văn Long	X			X		11,076,450
3	Đỗ Trọng L- u	X			X		2,088,702
4	Lê Đình Hùng	X			X		9,494,100
5	Lê Đình Tòng	X			X		8,607,984
6	Lê Văn Cảnh	X			X		11,139,744
7	Nguyễn Quang Huê	X			X		25,001,130
8	Lê Đỗ Sử	X			X		21,646,548
9	Đỗ Trọng Lịch	X			X		14,620,914
10	Nguyễn Thái Ứng	X			X		28,102,536
11	Lê Văn Ban	X			X		11,392,920
12	Lê Đỗ Dạng	X			X		41,077,806
13	Nguyễn Văn Tuyên	X			X		2,088,702
14	Nguyễn Văn Thịnh	X			X		3,987,522
15	Lê Văn Bảy	X			X		26,077,128
16	Lê Thị Ngoại	X			X		15,950,088
17	Lê Đình Thanh	X			X		71,901,984
18	Lê Thị Nhi	X			X		35,571,228
19	Lê Thị Lua	X			X		38,546,046
20	Nguyễn Thái Toàn	X			X		14,304,444
21	Lê Thị Nga	X			X		27,153,126
22	Nguyễn Văn Chúc	X			X		34,115,466
23	Nguyễn Văn T-	X			X		28,229,124
24	Lê Đình Hùng	X			X		34,115,466
25	Nguyễn Xuân Hợp	X			X		23,925,132
26	Lê Đình Gấm	X			X		49,116,144
27	Lê Văn Luyến	X			X		18,102,084
28	Lê Đỗ Ngón	X			X		25,064,424
29	Lê Thị Diện	X			X		19,874,316
30	Lê Đình M- u	X			X		27,153,126
31	Lê Thị Quế	X			X		27,153,126
32	Lê Đỗ Túc	X			X		12,215,742
33	Nguyễn Xuân Trung	X			X		23,925,132
34	Nguyễn Văn Trình	X			X		21,266,784
35	Lê Quang Cự	X			X		16,456,440
36	Lê Văn Khoa	X			X		17,532,438
37	Nguyễn Xuân Khánh	X			X		23,925,132
38	Nguyễn Xuân Tính	X			X		36,077,580
39	Lê Thị Vênh	X			X		5,696,460
40	Lê Văn Tiến	X			X		36,267,462
41	Nguyễn Xuân Xinh	X			X		20,317,374
42	Lê Văn tại	X			X		51,837,786
43	Nguyễn Xuân Chữ	X			X		34,115,466
44	Phạm đức Toan	X			X		19,178,082
45	Lê Thị Diên	X			X		26,330,304
46	Nguyễn Văn Thêm	X			X		32,279,940
47	Nguyễn Thị Soạn	X			X		55,382,250
48	Hà Thị Năm	X			X		31,014,060
49	Nguyễn Xuân Hải	X			X		47,850,264
50	Nguyễn Ngọc Lây	X			X		32,406,528
51	Nguyễn Văn Xa	X			X		36,520,638
52	Lê Đình Khanh	X			X		51,394,728
53	Vũ Đức Diệp	X			X		15,063,972
54	Lê Hữu Chính	X			X		15,063,972
55	Vũ Đức Châu	X			X		53,610,018
56	Vũ Thị Xâm	X			X		15,063,972
57	Lê Đình Thắng	X			X		86,649,486
58	Vũ Đức Đ- ờng	X			X		52,470,726
59	Lê Hữu Hoàng	X			X		41,394,276
60	Nguyễn Xuân Niêm	X			X		8,354,808
61	Lê Đình Ngoan	X			X		28,355,712
62	Lê Thị H- ờng	X			X		17,595,732
63	Lê Văn Tập	X			X		11,392,920
64	Nguyễn Xuân Ngo	X			X		73,167,864
65	Hà Thị Năm	X			X		31,014,060
66	Nguyễn Văn Tiên	X			X		66,395,406

TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG		Đất nông nghiệp	Đất ở	THIỆT HẠI Nhà ở	Hoa màu	Công trình khác	Tổng đền bù (VND)
67	Lê Hữu Chính	X			X		9,494,100
68	Nguyễn Xuân Luyện	X			X		49,812,378
69	Lê Trung Uy	X			X		14,557,620
70	Lê Xuân Tấn	X			X		67,281,522
71	Lê Thị Do	X			X		12,658,800
72	Lê Đình Hùng	X			X		30,507,708
73	Lê Đình Tuấn	X			X		22,469,370
74	Lê Văn Hối	X			X		57,914,010
75	Nguyễn Thị Giang	X			X		22,595,958
76	Vũ Thị Hảo	X			X		37,659,930
77	Lê Thị Cát	X			X		40,065,102
78	Lê Hải Duân	X			X		43,862,742
79	Lê Đình Toán	X			X		39,242,280
80	Nguyễn Thị Vệ	X			X		15,127,266
81	Nguyễn Hữu Thập	X			X		41,077,806
82	Lê Quang Dũng	X			X		44,369,094
83	Lê đồ T-	X			X		35,507,934
84	Lê Thị Dấn	X			X		14,620,914
85	Lê Đình Tiến	X			X		53,863,194
86	Lê Đồ Tảo	X			X		25,127,718
87	Lê Văn Tuy	X			X		31,330,530
88	Lê Đồ Quang	X			X		44,432,388
89	Trần Tiến Hoàn	X			X		45,571,680
90	Lê Thị Hảo	X			X		45,128,622
91	Chu Văn T-	X			X		26,140,422
92	Nguyễn Thị M- ời	X			X		32,279,940
93	Lê Đình Lanh	X			X		37,849,812
94	Lê Văn Hùng	X			X		65,889,054
95	Lê Thị Chanh	X			X		12,658,800
96	Lê Đồ T-	X			X		29,684,886
97	Nguyễn Văn Quang	X			X		62,850,942
98	Nguyễn Văn L- ơng	X			X		18,798,318
99	Nguyễn Văn Hùng	X			X		31,900,176
100	Đỗ Thị Cấn	X			X		35,761,110
101	Nguyễn Văn Lan	X			X		16,772,910
102	Lê Văn Sơn	X			X		40,508,160
103	Nguyễn Xuân Chúc	X			X		37,153,578
104	Lê Văn Tý	X			X		48,103,440
105	Phạm Thanh Cam	X			X		31,014,060
106	Nguyễn văn Tuyết	X			X		58,420,362
107	Lê Văn Tái	X			X		12,658,800
108	Lê Đình Tú	X			X		21,013,608
109	Nguyễn Thị Th- ờng	X			X		58,230,480
110	Lê Văn Vinh	X			X		43,989,330
111	Lê Đình Chắt	X			X		9,494,100
112	Nguyễn Thị Xuân	X			X		3,164,700
113	Lê Đình Toán	X			X		13,924,680
114	Lê Đình Dự	X			X		13,924,680
115	Lê Thị Nhân	X			X		29,178,534
116	Lê Văn Lịch	X			X		50,508,612
117	Chu Văn Tình	X			X		8,734,572
118	Nguyễn Thị Dinh	X			X		15,000,678
119	Lê Đồ Thạo	X			X		39,558,750
120	Lê Đình Niên	X			X		19,747,728
121	Lê Đình Hùng	X			X		9,873,864
122	Vũ đức Sơn	X			X		32,090,058
123	Lê Ngọc Luyện	X			X		10,443,510
124	Lê Văn Vuông	X			X		63,104,118
125	Doãn Hữu Đạt	X			X		36,710,520
126	Lê Đồ Thần	X			X		58,230,480
127	Vũ Đức Minh	X			X		37,849,812
128	Vũ Thị Vạn	X			X		21,076,902
129	Lê Minh Tuấn	X			X		22,595,958
130	Lê Đồ Tuyển	X			X		49,369,320
131	Vũ đức Tùng	X			X		20,570,550
132	Lê Văn Hợi	X			X		23,039,016
133	Lê Văn Khoa	X			X		18,165,378
134	Nguyễn Văn Ph- ơng	X			X		33,102,762
135	Lê Văn Hùng	X			X		7,088,928
136	Lê Đình Kén	X			X		27,279,714

TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG		Đất nông nghiệp	Đất ở	THIỆT HẠI Nhà ở	Hoa màu	Công trình khác	Tổng đền bù (VND)
137	Lê Thị Quých	X			X		14,620,914
138	Lê Đình Đức	X			X		30,634,296
139	Lê Đình Thán	X			X		27,153,126
140	Lê Đình Kết	X			X		31,330,530
141	Lê Đỗ D- ơng	X			X		24,874,542
142	Lê Văn Hoa	X			X		11,392,920
143	Vũ Đức Khải	X			X		22,785,840
144	Lê Văn Chính	X			X		22,785,840
145	Lê Văn Sự	X			X		60,129,300
146	Lê Thị Kiến	X			X		29,938,062
147	Lê Thị Kem	X			X		22,152,900
148	Lê Quang Tiến	X			X		29,115,240
149	Nguyễn Tiến Sự	X			X		29,748,180
150	Lê Đình Toàn	X			X		29,748,180
151	Lê Thị Thoa	X			X		14,557,620
152	Lê Đình Bình	X			X		14,557,620
153	Lê Văn Tuấn	X			X		25,001,130
154	Lê Đỗ V- ơng	X			X		33,229,350
155	Trần Dung	X			X		17,975,496
156	Vũ Đức Sáu	X			X		22,342,782
157	Lê Thị Lát	X			X		13,418,328
1	Đổng Phạm C- ơng	X			X		41,141,100
2	Lê Thị Xuyên	X			X		31,647,000
3	Đổng Thị Khỏe	X			X		34,811,700
4	Phạm Thị Ngà	X			X		22,152,900

ĐỀN BÙ CHO CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG
Hồ điều hòa xử lý nước thải

TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG	Đất nông nghiệp	Đất ở	THIỆT HẠI		Công trình khác	Tổng đền bù (VND)
			Nhà	Hoa màu		
1 Nguyễn Văn Sơn	x			x		16,646,322
2 Nguyễn Thị Lành	x			x		51,268,140
3 Nguyễn Trung Thành	x			x		62,977,530
4 Lê Thị Khoa	x			x		47,027,442
5 Ngô Xuân An(Ng. Thị Thanh)	x			x		31,330,530
6 Đào Văn Thọ(Oanh)	x			x		29,938,062
7 Lê Thanh Sơn (Len)	x			x		125,005,650
8 Bùi Văn Dụ (Ng. Thị Minh)	x			x		84,624,078
9 Ngô Xuân Long (Quế)	x			x		41,457,570
10 Lê Bá ấm (Kiến)	x			x		148,234,548
11 D- ơng Xuân Tịnh (Lan)	x			x		67,281,522
12 Nguyễn Văn Phấn (Thịnh)	x			x		35,128,170
13 Lê Văn Miên (Liên)	x			x		42,470,274
14 Phạm Khắc Huy (Bắc)	x			x		59,876,124
15 D- ơng Quốc Tuấn	x			x		17,722,320
16 Lê Văn Hùng (Văn)	x			x		65,319,408
17 D- ơng Văn Thọ (Viên)	x			x		71,269,044
18 Trần Văn Đậu	x			x		28,102,536
19 Nguyễn Thế Quyền(Bùi Thị Tốt)	x			x		85,003,842
20 Nguyễn Thanh Hoà (Thọ)	x			x		33,102,762
21 Đào Thị Sợi (Ng. Văn Thống)	x			x		57,281,070
22 Lê Văn Sửu (N- ơng)	x			x		125,512,002
23 Nguyễn Ngọc Liên (liên)	x			x		67,661,286
24 Nguyễn Thị Thi(Phạm Văn Mặc)	x			x		160,830,054
25 Nguyễn Đức Thọ(Lê Thị Vân)	x			x		68,800,578
26 Nguyễn Thị Tiến(Giang)	x			x		87,155,838
27 Nguyễn Văn Hùng (Chinh)	x			x		54,116,370
28 Nguyễn Khắc Kỳ (H- ơng)	x			x		51,141,552
29 Ngô Xuân Bình	x			x		149,500,428
30 Lê Bá Khánh (Thảo)	x			x		90,067,362
31 Lê Văn Hảo (Bích)	x			x		31,077,354
32 Đào Thị Liên (Hùng)	x			x		36,583,932
33 Lê Văn Do (Dung)	x			x		135,449,160
34 Đào Văn Đậu	x			x		29,811,474
35 Nguyễn Thị Kiến	x			x		166,716,396
36 Tô Thanh Thuỷ (Minh)	x			x		89,497,716
37 Nguyễn Văn Thúc (Mai)	x			x		74,307,156
38 Nguyễn Phong Quang	x			x		46,141,326
39 Lê Văn Dũng (Lành)	x			x		22,532,664
40 Đào Văn Chiến (Yến)	x			x		12,089,154
41 Nguyễn Văn Thọ (Hạnh)	x			x		24,051,720
42 Nguyễn Thị Gấm (ph- ơng)	x			x		11,835,978
43 Nguyễn Xuân Thanh	x			x		11,013,156
44 Nguyễn Xuân Nhâm	x			x		22,849,134
45 Nguyễn Trọng Ơ	x			x		11,139,744
46 D- ơng Thị Bát (thảo)	x			x		43,039,920
47 Nguyễn Văn Thọ (Liễn)	x			x		70,003,164
48 Lê Hồng Nghi(Lê Thị Gái)	x			x		196,844,340
49 Lê Viết Diêu (Ng. Thị Sáu)	x			x		87,535,602
50 Nguyễn Ngọc Nghĩa(Ng. Thị Dung)	x			x		86,143,134
51 Đào Văn Chất (Hồi)	x			x		55,445,544
52 Lê Văn C- ơng(Ngô Thị Tuyến)	x			x		54,179,664
53 Ngô Xuân Thanh (Bảy)	x			x		18,924,906
54 Trịnh Văn Long (Lê Thị Ph- ơng)	x			x		108,106,152
55 Lê Hải C- ơng(Tr- ơng Thị Thân)	x			x		38,989,104
56 Đào Mộng Long(Lê Thị Tâm)	x			x		113,169,672
57 Lê Bá Thành(D- ơng Thị Tới)	x			x		19,557,846
58 Nguyễn Thị Mùi (Hơn)	x			x		22,659,252
59 Nguyễn Thị Lỗ	x			x		86,712,780
60 Phạm Văn Hợp(Vũ Thị Ân)	x			x		45,002,034
61 Nguyễn Văn Lục(Ng. Thị Tâm)	x			x		65,699,172
62 Nguyễn Văn Phú (Lê Thị Nhung)	x			x		68,547,402

TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG	Đất nông nghiệp	Đất ở	THIỆT HẠI		Công trình khác	Tổng đền bù (VNĐ)
			Nhà	Hoa màu		
63 Đỗ Thị Yến (Lê Văn Dũng)	x			x		43,672,860
64 Nguyễn Văn Đoàn(Ng.Thị Lan)	x			x		125,322,120
65 Bùi Đức Lự	x			x		122,410,596
66 Nguyễn Thị Bé	x			x		80,699,850
67 Nguyễn Thị Hảo (Tập)	x			x		53,420,136
68 Phạm Văn Hiền(Vũ Thị Hà)	x			x		24,431,484
69 Nguyễn Văn Thông(Bùi Thị Liên)	x			x		57,977,304
70 D- ơng Văn Quyết(Ng. Thị Liên)	x			x		106,397,214
71 Đào Văn Dũng	x			x		85,953,252
72 Lê Văn Kỳ (Thanh)	x			x		58,610,244
73 Nguyễn Hữu Ch-	x			x		34,938,288
74 Nguyễn Văn Bát(Ng. Thị Tính)	x			x		82,155,612
75 Nguyễn Văn Khuyên(Đào Thị Yên)	x			x		114,308,964
76 D- ơng Văn Thảo (Hiển)	x			x		117,220,488
77 Lê Văn L- ơng (Ng. Thị Hiệp)	x			x		59,876,124
78 Nguyễn Văn Minh(Lê Thị Vân)	x			x		72,598,218
79 Nguyễn Văn Hả (Ng. Thị Vệ)	x			x		69,623,400
80 Lê Thị Vân (Th- ơng)	x			x		34,748,406
81 Nguyễn Thị Thảo	x			x		45,698,268
82 Lê Văn Hiệp (Phạm Thị Hạnh)	x			x		50,318,730
83 Nguyễn Minh Nguyệt (Hoàn)	x			x		71,648,808
84 Nguyễn Thị Ph- ơng (Phú)	x			x		87,598,896
85 Phạm Khắc Hợi (Lê Thị Sắc)	x			x		54,116,370
86 Nguyễn Văn Châu(D- ơng Thị Ngọc)	x			x		59,812,830
87 D- ơng Văn Tính(Lê Thị Tâm)	x			x		61,521,768
88 Nguyễn Xuân Đông (Ng. Thị Thảo)	x			x		38,229,576
89 Nguyễn Thị Thịnh (Hồ Viết Tâm)	x			x		53,736,606
90 Lê Văn Chân (Đàm Thị Ngọc)	x			x		62,344,590
91 Lê Thị Bích	x			x		120,195,306
92 Trịnh Văn Bằng(D- ơng Thị X- ơng)	x			x		42,280,392
93 Đào Văn Tuấn(Lê Thị Thịnh)	x			x		51,647,904
94 Đỗ Văn Nở (Ng. Thị Vân)	x			x		95,004,294
95 Nguyễn Văn Th- ơng(Ng.Thị Mai)	x			x		76,459,152
96 Nguyễn Văn T- (Lê Thị Thắm)	x			x		33,482,526
97 Nguyễn Trí Công(chu Thị Trâm)	x			x		37,596,636
98 Lê Thị Nam(Nguyễn Đăng Cảnh)	x			x		32,026,764
99 Nguyễn Văn Mạnh (Sáu)	x			x		31,330,530
100 Nguyễn Ngọc Đẹp(Mai Thị Ly)	x			x		62,028,120
101 Phạm Khắc Kỳ (Ng. Thị H- ơng)	x			x		28,925,358
102 D- ơng Thị Toàn	x			x		30,571,002
103 Nguyễn Văn Tộ	x			x		33,862,290
104 Lê Văn Ph- ơng (Lê Thị Hải)	x			x		34,685,112
105 Nguyễn Thị Lữ	x			x		55,065,780
106 Nguyễn Văn Mùi (L- u Thị Vức)	x			x		47,217,324
107 Đoàn Văn Thanh(Trần Thị Sánh)	x			x		108,612,504
108 Nguyễn Văn Tinh (quế)	x			x		48,483,204
109 Nguyễn Văn Chút (Đỗ Thị Nhân)	x			x		72,345,042
110 Nguyễn Văn Lơ (Thắng)	x			x		51,331,434
111 Nguyễn Thị Quán (liệu)	x			x		53,799,900
112 Đào Thị Nhu	x			x		50,255,436
113 Nguyễn Thị Châm (Hải)	x			x		41,710,746
114 Nguyễn Hồng Thái (Lê Thị Oanh)	x			x		76,712,328
115 Nguyễn Trọng Tá(Ng. Thị Thêm)	x			x		101,080,518
116 Bùi Công Quyết (D- ơng Thị Ty)	x			x		96,966,408
117 Nguyễn Văn Sơn (Ng. Thị An)	x			x		41,647,452
118 Vũ Viết Hai (Đào Thị Ngà)	x			x		56,268,366
119 Nguyễn Văn Thu (Miên)	x			x		35,571,228
120 Trần Văn Sanh (Ng. Thị Hai)	x			x		65,066,232
121 Đoàn Văn Năm (Nê)	x			x		18,102,084
122 Nguyễn Hồng Nghĩa (Ng.Thị Oanh)	x			x		27,596,184
123 D- ơng Văn Luyến (Ng. Thị Hồng)	x			x		31,077,354
124 Nguyễn Thanh Tinh(Đàm Thị Hoa)	x			x		59,749,536
125 Nông Văn Sơn (Ng. Thị Hải)	x			x		42,027,216
126 Hoàng Thị Lan	x			x		66,965,052
127 Nguyễn Thị Thanh (mạnh)	x			x		51,141,552
128 Nguyễn Văn Hùng (Th- ơng)	x			x		32,279,940

TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG	Đất nông nghiệp	Đất ở	THIỆT HẠI		Công trình khác	Tổng đền bù (VND)
			Nhà	Hoa màu		
129 Lê Thị Trúc	x			x		5,569,872
130 Lê Công Thọ (Diệp)	x			x		3,417,876
131 Phạm Văn Hùng(Trần Thị Nhung)	x			x		30,634,296
132 Nguyễn Thị Xuyên (Hùng)	x			x		3,987,522
133 Nguyễn Văn Sỹ(Ng. Thị Mão)	x			x		19,178,082
134 Nguyễn Thị Thuận (Chiến)	x			x		3,924,228
135 Đỗ Xuân Hoa(D- ơng Thị Xinh)	x			x		12,025,860
136 Lê Thị Bông	x			x		3,924,228
137 Nguyễn Ngọc Ninh (Đào Thị Hợp)	x			x		29,305,122
138 Lê Ngọc Quy (Bùi Thị Ước)	x			x		60,002,712
139 Trần Văn Đậu (Hồ Thị Thông)	x			x		95,890,410
140 Lê Ngọc Huỳnh (Hồ Thị Nhị)	x			x		38,799,222
141 Nguyễn Kim Tất (Huệ)	x			x		79,750,440
142 Nguyễn Đại Ngọc(Lê Thị Nghĩa)	x			x		53,673,312
143 Nguyễn Kim Hải (Ng. Thị Trác)	x			x		23,798,544
144 Nguyễn Thế Thanh (Sinh)	x			x		22,975,722
145 Nguyễn Văn Hữu(Ng. Thị Ngỡ)	x			x		23,988,426
146 Lê Văn Thảo (Ấn)	x			x		64,306,704
147 Nguyễn Thị Sánh (Hữu)	x			x		50,128,848
148 Nguyễn Thanh Lâm(Ng. Thị Lý)	x			x		38,862,516
149 Hoàng Văn Trọng (Ng. Thị Tâm)	x			x		29,115,240
150 Nguyễn Thọ Khang (Ng. Thị Vinh)	x			x		75,573,036
151 Nguyễn Văn Công(Lê Thị Minh)	x			x		85,826,664
152 Nguyễn Văn Thắng(Hoàng Thị Xuân)	x			x		31,647,000
153 Nguyễn Văn Lân(Nguyễn Thị Yến)	x			x		44,748,858
154 Lê Thị Hoạt	x			x		18,988,200
155 Nguyễn Văn Uy(Lê Thị Hồng)	x			x		30,001,356
156 Phạm Thị Tảo	x			x		66,142,230
157 Nguyễn Thị Hồng (Lê Trọng Sinh)	x			x		31,836,882
158 Nguyễn Thị Gấm (Ng. Trọng Tuyển)	x			x		23,861,838
159 Nguyễn Văn Bằng(Trịnh Thị Lợi)	x			x		21,773,136
160 Nguyễn Đại Bảo (Lê Thị Du)	x			x		22,152,900
161 Nguyễn Văn D- ơng(Lê Thị Huệ)	x			x		24,304,896
162 Vũ Viêt Sang (Ng. Thị Dung)	x			x		27,849,360
163 Đoàn Thị Hoà	x			x		16,393,146
164 Lê Văn Lự	x			x		4,936,932
165 Hoàng Thị Yến	x			x		65,509,290
166 Đàm Lê Liêm	x			x		64,939,644
167 Nguyễn Đức Thành	x			x		27,153,126
168 Đàm Lê Tuấn	x			x		35,697,816
169 Nguyễn Thị Hải	x			x		25,887,246
170 Trần Huệ Huy	x			x		36,647,226
171 Đàm Thị Tích	x			x		16,076,676
172 Nguyễn Đức Phúc	x			x		22,469,370
173 Nguyễn Trọng Nguyên	x			x		26,646,774
174 Nguyễn Khắc Thanh	x			x		26,456,892
175 Nguyễn Văn Sinh	x			x		39,685,338
176 Nguyễn Văn Lim	x			x		36,900,402
177 UBND xã	x			x		3,057,163,494
178 Nguyễn Tr- ờng Thông		x	x			441,000,000
179 Hồ Viêt Tuấn		x	x			551,250,000
180 Nguyễn Mạnh Hùng		x	x			330,750,000

Danh sách các hộ dễ bị tổn thương

TT	Tên chủ hộ	Hợp phần	Xã/phường	Giới tính
1	Phạm Văn D- ơng	Đường	Quảng Thắng	Nam
2	Nguyễn Thị Tiến	Đường	Quảng Thắng	Nữ
3	Đỗ Thị Hảo	Đường	Quảng Thắng	Nữ
4	Lê Thị Thanh	Đường	Quảng Thắng	Nữ
5	Nhữ Thị Kinh	Đường	Quảng Thắng	Nữ
6	Cao Thị Hà	Đường	Quảng Thắng	Nữ
7	Nguyễn Thị Khiết	Đường	Quảng Thắng	Nữ
8	Vũ Xuân Hải	Đường	Quảng Thắng	Nam
9	Vũ Thị Yến	Đường	Quảng Thành	Nữ
10	Trịnh Văn Tích	Đường	Quảng Thành	Nam
11	Trịnh Văn Cam	Đường	Quảng Thành	Nam
12	Nguyễn Văn V- ơng	Đường	Quảng Thành	Nam
13	Bùi Quốc Toàn	Đường	Quảng Thành	Nam
14	Võ Sỹ Đăng	Đường	Quảng Thành	Nam
15	Hoàng Văn Miên	Đường	Quảng Thành	Nam
16	Bùi Thị Dậu	Đường	Quảng Thành	Nữ
17	Hoàng Thị Tr- ơng	Đường	Quảng Thành	Nữ
18	Lê Thị Xăng	Đường	Quảng Thành	Nữ
19	Hoàng Thị Thuận	Đường	Quảng Thành	Nữ
20	Trần Thị Chấn	Đường	Quảng Thành	Nữ
21	Nguyễn Thị B- ơng	Đường	Quảng Thành	Nữ
22	Bùi Văn Đoan	Đường	Quảng Thành	Nam
23	Phạm Thị Ngợi	Đường	Đông Vệ	Nữ
24	Nguyễn Hữu Dục	Đường	Đông Vệ	Nam
25	Nguyễn Thị Chính	Đường	Đông Vệ	Nữ
26	Nguyễn Thị Sang	Đường	Đông Vệ	Nữ
27	Cao Thị Chạm	Đường	Đông Vệ	Nữ
28	Bùi Nguyên	Đường	Đông Vệ	Nam
29	Nguyễn Đình Thủy	Đường	Đông Vệ	Nam
30	Trần Khắc Trung	Đường	Tân Sơn	Nam
31	Lê Thị Lao	Đường	Quảng Thịnh	Nữ
32	Nguyễn Thị L- u	Đường	Quảng Thịnh	Nữ
33	Lê Thị Nghĩa	Đường	Quảng Thịnh	Nữ
34	Yên Thị Hồ	Du lịch	Quảng Thắng	Nữ
35	Phạm Văn Tiến	Du lịch	Quảng Thắng	Male
36	Phạm Văn Tâm	Du lịch	Quảng Thắng	Male
37	Nguyễn Thị Ninh	Du lịch	Quảng Thắng	Nữ
38	Nguyễn Thị Ân	Du lịch	Quảng Thắng	Nữ
39	Phạm Thị Trọng	Du lịch	Đông Vệ	Nữ
40	Cao Thị Tộ	Du lịch	Đông Vệ	Nữ
41	Lê Đình Hùng	Giáo dục	Đông Cương	Nam
42	Nguyễn Quang Huê	Giáo dục	Đông Cương	Nam
43	Nguyễn Thái ứng	Giáo dục	Đông Cương	Nam
44	Lê Văn Ban	Giáo dục	Đông Cương	Nam
45	Lê Thị Vành	Giáo dục	Đông Cương	Nữ

TT	Tên chủ hộ	Hợp phần	Xã/phường	Giới tính
46	Nguyễn Xuân Chữ	Giáo dục	Đông Cường	Nam
47	Phạm đức Toàn	Giáo dục	Đông Cường	Nam
48	Nguyễn Thị Soạn	Giáo dục	Đông Cường	Nữ
49	Vũ Thị Sâm	Giáo dục	Đông Cường	Nữ
50	Vũ Đức Đ- ờng	Giáo dục	Đông Cường	Nam
51	Nguyễn Xuân Niệm	Giáo dục	Đông Cường	Nam
52	Lê Đình Ngoan	Giáo dục	Đông Cường	Nam
53	Lê Thị H- ờng	Giáo dục	Đông Cường	Nữ
54	Nguyễn Xuân Ngo	Giáo dục	Đông Cường	Nam
55	Lê Đình Húng	Giáo dục	Đông Cường	Nam
56	Vũ Thị Hảo	Giáo dục	Đông Cường	Nữ
57	Nguyễn Thị Vệ	Giáo dục	Đông Cường	Nữ
58	Lê Văn Sơn	Giáo dục	Đông Cường	Nam
59	Nguyễn Xuân Chúc	Giáo dục	Đông Cường	Nam
60	Lê Văn Tỷ	Giáo dục	Đông Cường	Nam
61	Phạm Thanh Cam	Giáo dục	Đông Cường	Nam
62	Lê Văn Tái	Giáo dục	Đông Cường	Nam
63	Lê Văn Vinh	Giáo dục	Đông Cường	Nam
64	Nguyễn Thị Xuân	Giáo dục	Đông Cường	Nữ
65	Lê Thị Nhân	Giáo dục	Đông Cường	Nữ
66	Vũ Đức Sơn	Giáo dục	Đông Cường	Nam
67	Doãn Hữu Đạt	Giáo dục	Đông Cường	Nam
68	Lê Đỗ Thân	Giáo dục	Đông Cường	Nam
69	Vũ Thị Vạn	Giáo dục	Đông Cường	Nữ
70	Nguyễn Văn Ph- ơng	Giáo dục	Đông Cường	Nam
71	Lê Thị Quých	Giáo dục	Đông Cường	Nữ
72	Lê Đình Thân	Giáo dục	Đông Cường	Nam
73	Lê Đình Kết	Giáo dục	Đông Cường	Nam
74	Lê Đỗ D- ơng	Giáo dục	Đông Cường	Nam
75	Lê Văn Hoa	Giáo dục	Đông Cường	Nam
76	Vũ Đức Khải	Giáo dục	Đông Cường	Nam
77	Lê Thị Lát	Giáo dục	Đông Cường	Nữ
78	Lê Thị Khoa	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nữ
79	Nguyễn Thị Tiến	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nữ
80	Đào Văn Dũng	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nam
81	Lê Thị Văn	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nam
82	Lê Văn Hiệp	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nam
83	Phạm Khắc Hợi	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nam
84	D- ơng Văn Tính	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nam
85	Nguyễn Văn tộ	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nam
86	Đào Thị Nhu	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nữ
87	Nguyễn Hồng Thái	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nam
88	Nguyễn Văn Sỹ	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nam
89	Nguyễn Kim Hải	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nam
90	Nguyễn Thị Sánh	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nữ
91	Nguyễn Đại Bảo	Hồ XLNT	Quảng Thịnh	Nam

Lưu ý: Một hộ có thể có nhiều hình thức tổn thương trở lên (ví dụ nghèo và khuyết tật), do vậy tổng số hộ có thể khác đôi chút so với Bảng 17 trong phần nội dung)

Danh sách hộ gia đình do phụ nữ làm chủ

STT TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG**1. Phát triển đô - ơng đô thị****Xã Quảng Thắng**

- 1 Nguyễn Thị Liên
- 2 Lê Thị Hải
- 3 Đỗ Thị H- ơng
- 4 Lê Thị Bình
- 5 Lê Thị Huệ
- 6 Lê Thị Xuyên
- 7 Phạm Thị Nguyệt
- 8 Yên Thị Liễu
- 9 Đỗ Thị Nhuận
- 10 Tr- ơng Thị Đ- ơng
- 11 Yên Thị Giới
- 12 Yên Thị Hồng
- 13 Nguyễn Thị - ớc
- 14 Nguyễn Thị Tiến
- 15 Đặng Thị Nhị
- 16 Lê Thị H- ơng
- 17 Đồng Thị Dinh
- 18 Trần thị Ngân
- 19 Nguyễn Thị Chung
- 20 Phạm Thị Chung
- 21 Tr- ơng Thị Thanh
- 22 Phạm Thị Hảo
- 23 Đỗ Thị Hảo
- 24 Lê Thị Thanh
- 25 Hoàng Thị Hà
- 26 An Thị Nến
- 27 Nhữ Thị Kinh
- 28 Nguyễn Thị Diệp
- 29 Đào Thị Sách
- 30 Nguyễn Thị Đỗ
- 31 Cao Thị Hà
- 32 Trần Thị Thi
- 33 Trần Thị Trâm
- 34 Phạm Thị Thuật
- 35 Nguyễn Thị Khiết
- 36 Trần Thị Bái
- 37 Nguyễn Thị Nhẫn
- 38 Tr- ơng Thị Thanh
- 39 Phạm Thị Vân
- 40 Nguyễn Thị Chi
- 41 Cao Thị Hà
- 42 Phạm Thị Phiên
- 43 Quách Minh Hiền
- 44 Lê Thị Ninh
- 45 Mai Thị Sang
- 46 Phạm Thị Thuật

Xã Quảng Thành

- 47 Vũ Thị Yến
- 48 Trịnh Văn Tích
- 49 Nguyễn Thị Thân
- 50 Bùi Thị Dậu
- 51 Hoàng Thị Tr- ơng
- 52 Trần Thị Mão
- 53 Lê Thị Xăng

STT TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG

- 54 Hoàng Thị Thuận
- 55 Hoàng Thị Hồng
- 56 Trần Thị Chấn
- 57 Lê Thị Kiên (c/s)
- 58 Nguyễn Thị B-ơng
- 59 Lê Thị Bảy

Ph- ờng Đông Vệ

- 60 Phạm Thị Ngợi
- 61 Nguyễn Thị Ngộ
- 62 Nguyễn Thị Toàn
- 63 Phạm Thị Hội
- 64 Vũ Thị Vọng
- 65 Nguyễn Thị Lan
- 66 Trần Thị Tuyển
- 67 Bùi Thị Hạnh
- 68 Nguyễn Thị Soan
- 69 Nguyễn Thị Láng
- 70 Nguyễn Thị Thọ
- 71 Nguyễn Thị Ngoan(Cơ)
- 72 Cao Thị Vẩy
- 73 Nguyễn Thị Nga
- 74 Nguyễn Thị Tái
- 75 Nguyễn Thị Mai
- 76 Nguyễn Thị Ngoan
- 77 Phạm Thị Đan
- 78 Nguyễn Thị Chiên
- 79 Phạm Thị Bé
- 80 Lê Thị Nga
- 81 Nguyễn Thị Vân
- 82 Nguyễn Thị Trọng
- 83 Nguyễn Thị Hòa
- 84 Nguyễn Thị Chiên
- 85 Nguyễn Thị Duy
- 86 Nguyễn Thị Việt
- 87 Nguyễn Thị Hải
- 88 Nguyễn Thị Mai
- 89 Nguyễn Thị Hồng
- 90 Nguyễn Thị Tỏ
- 91 Nguyễn Thị Hợi
- 92 Nguyễn Thị Chính
- 93 Nguyễn Thị Sang
- 94 Cao Thị Chạm
- 95 Lê Thị Trịnh
- 96 Nguyễn Thị Tân
- 97 Lê Thị Hiếu
- 98 Nguyễn Thị Liên
- 99 Nguyễn Thị Minh
- 100 L- ơng Thị Xây

Ph- ờng Tân Sơn

- 101 Trần Khắc Trung
- 102 Hoàng Thị Nhâm
- 103 Đỗ Thị Khanh
- 104 Bùi Thị C- ờng (Tiêu)

STT TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG**Xã Quảng Thịnh**

- 105 Lê Thị Lao
- 106 Nguyễn Thị L- u
- 107 Nguyễn Thị Diên
- 108 Lê Thị Chính
- 109 Lê Thị Nghĩa

2. Thoát n- ớc và xử lý n- ớc thải**Xã Quảng Thịnh**

- 1 Nguyễn Thị Lành
- 2 Lê Thị Khoa
- 3 Đào Thị Sợi (Ng. Văn Thống)
- 4 Nguyễn Thị Thi(Phạm Văn Mặc)
- 5 Nguyễn Thị Tiến(Giảng)
- 6 Đào Thị Liên (Hùng)
- 7 Nguyễn Thị Kiên
- 8 Nguyễn Thị Gấm (ph- ơng)
- 9 D- ơng Thị Bát (thảo)
- 10 Nguyễn Thị Mùi (Hơn)
- 11 Nguyễn Thị Lỗ
- 12 Đỗ Thị Yến (Lê Văn Dũng)
- 13 Nguyễn Thị Bé
- 14 Nguyễn Thị Hảo (Tập)
- 15 Nguyễn Thị Thảo
- 16 Nguyễn Thị Ph- ơng (Phú)
- 17 Nguyễn Thị Thịnh (Hồ Viết Tâm)
- 18 Đào Văn Tuấn(Lê Thị Thịnh)
- 19 Lê Thị Nam(Nguyễn Đăng Cảnh)
- 20 D- ơng Thị Toàn
- 21 Nguyễn Thị Lữ
- 22 Nguyễn Thị Quán (liệu)
- 23 Đào Thị Nhu
- 24 Nguyễn Thị Châm (Hải)
- 25 Hoàng Thị Lan
- 26 Nguyễn Thị Thanh (mạnh)
- 27 Lê Thị Trúc
- 28 Nguyễn Thị Thuận (Chiến)
- 29 Lê Thị Bồng
- 30 Lê Thị Hoat
- 31 Phạm Thị Tảo
- 32 Nguyễn Thị Hồng (Lê Trọng Sinh)
- 33 Nguyễn Thị Gấm (Ng. Trọng Tuyển)
- 34 Đoàn Thị Hoà
- 35 Hoàng Thị Yến
- 36 Nguyễn Thị Hải
- 37 Đàm Thị Tích

STT TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG**3. Phát triển nguồn nhân lực****Nâng cấp Tr- ờng cao đẳng nghề công nghiệp**

1	Lê Thị Ngoại
2	Lê Thị Nhì
3	Lê Thị Lựa
4	Lê Thị Nga
5	Lê Thị Diện
6	Lê Thị Quế
7	Nguyễn Xuân Tính
8	Lê Thị Vênh
9	Lê Thị Điền
10	Nguyễn Thị Soạn
11	Hà Thị Năm
12	Vũ Thị Xâm
13	Lê Thị H- ờng
14	Hà Thị Năm
15	Lê Thị Do
16	Nguyễn Thị Giang
17	Vũ Thị Hảo
18	Lê Thị Cát
19	Nguyễn Thị Vệ
20	Lê Thị Dân
21	Lê Thị Hảo
22	Nguyễn Thị M- ời
23	Lê Thị Chanh
24	Đỗ Thị Cần
25	Nguyễn Thị Th- ờng
26	Nguyễn Thị Xuân
27	Lê Thị Nhân
28	Nguyễn Thị Dinh
29	Vũ Thị Vạn
30	Lê Thị Quých
31	Lê Thị Kem
32	Lê Thị Thoa
33	Lê Thị Lất

Xây dựng cơ sở dạy nghề tại Quảng Thắng

34	Lê Thị Xuyên
35	Đồng Thị Khỏe
36	Phạm Thị Ngà

STT TÊN CHỦ HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG**4. Phát triển du lịch****Xã Quảng Thắng**

- 1 Nguyễn Thị Đức
- 2 Nguyễn Thị Vân
- 3 Phạm Thị Ngà
- 4 Yên Thị Hổ
- 5 Phạm Thị Vân
- 6 Nguyễn Thị Chát
- 7 Yên Thị Tuyết
- 8 Nguyễn Thị Liễu
- 9 Trần Thị Sen
- 10 Lê Thị Thạch
- 11 Lê Thị Mọc
- 12 Lê Thị Thoi
- 13 Nguyễn Thị Loan
- 14 Nguyễn Thị Khôn
- 15 Lê Thị Len
- 16 Đàm Thị Lâu
- 17 Nguyễn Thị Thơ
- 18 Nguyễn Thị Viên
- 19 Lê Thị Thế
- 20 Trịnh Thị Dừng
- 21 Nguyễn Thị Vóc
- 22 Lê Thị Vịnh
- 23 Nguyễn Thị Hạnh
- 24 Lê Thị Lợi
- 25 Nguyễn Thị Ninh
- 26 Nguyễn Thị Ân

Ph- ởng Đông Vệ

- 27 Lê Thị Hằng (Phạm Hữu Toàn)
- 28 Nguyễn Thị Lai (Nguyễn Công Ngân)
- 29 Nguyễn Thị Dung
- 30 Phạm Thị Trọng
- 31 Cao Thị Tộ
- 32 Nguyễn Thị Lượng (Cao Văn Tiến)

Phụ lục 5: Biên bản tham vấn cộng đồng

Cuộc họp 1

Xã/phường bị ảnh hưởng: Quảng Thắng

Làng: Yên Biên

1. Thời gian: 8:00 sáng, 30/8/2008

2. Địa điểm: Nhà văn hoá làng Yên Biên

3. Người tham dự:

a. Lãnh đạo địa phương:

- Ông. Đỗ Anh Bắc, Chánh văn phòng xã Quảng Thắng
- Ông. Nguyễn Duy Trinh, Bí thư làng Yên Biên
- Ông. Ngô Ngọc Phú, trưởng thôn 5
- Ông. Nguyễn Duy Oanh, trưởng thôn 6

b. Những người bị ảnh hưởng:

- 25 người

4. Nội dung

a. Giới thiệu: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Phát tờ thông tin dự án đến tay những người tham dự
- Giới thiệu sơ qua về dự án, tập trung vào các hợp phần sẽ được thực hiện ở xã Quảng Thắng và các yêu cầu thu hồi đất của làng Yên Biên.
- Giới thiệu các Chính sách của ADB về tổn thương do tái định cư, và các Chính sách của Chính phủ Việt Nam về giá cả đền bù, hỗ trợ di chuyển, và các hỗ trợ của chương trình phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng.

b. Các vấn đề và quan ngại của những người tham gia

Những người tham gia lo lắng về tác động của dự án đến đời sống của họ, và các đề xuất giảm nhẹ những tác động đó. Các ý kiến được tóm tắt như sau:

- (i) Nhìn chung, tất cả những người tham dự đều nhận biết được những thay đổi đáng kể do dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hoá mang lại cả tỉnh và thành phố, và do dự án thực hiện theo các chính sách của nhà nước nên họ đều tán thành dự án.
- (ii) Về giá cả đền bù: là vấn đề được mọi người quan tâm nhất. Họ yêu cầu giá phải hợp lý, chấp nhận được và dựa trên giá thị trường tại thời điểm đền bù.
- (iii) Quá trình thực hiện:
 - Việc thu hồi đất sẽ diễn ra gần với quá trình xây dựng để tránh lãng phí đất nông nghiệp.
 - Việc thu hồi đất và các thủ tục tái định cư phải minh bạch và thông báo đến các hộ bị ảnh

hưởng. Mọi thông tin liên quan như đơn giá đền bù, các biện pháp cụ thể, kiểm kê tài sản thiệt hại và danh sách những người bị ảnh hưởng phải được niêm yết tại trụ sở của xã hoặc những nơi tập trung dân cư cho những người bị ảnh hưởng tự theo dõi quá trình thực hiện dự án.

- Việc thực hiện nên làm đúng như trong kế hoạch đề ra, và nên hoàn thành càng sớm càng tốt để những người dân bị ảnh hưởng ổn định lại cuộc sống của họ.

(iv) Các chương trình hỗ trợ phục hồi sinh kế:

- Những người bị ảnh hưởng đề nghị ban chỉ đạo dự án nên tổ chức một số chương trình tín dụng cho những hộ bị ảnh hưởng nặng như mất toàn bộ đất, để họ đầu tư vào chăn nuôi đảm bảo nguồn thu nhập cho cuộc sống.

- Ban chỉ đạo cũng nên chú trọng vào các khoá đào tạo chuyển đổi nghề cho những người bị ảnh hưởng đặc biệt là tầng lớp thanh niên (tại xã Quảng Thành, có một số nghề phụ nên những người bị ảnh hưởng sẽ không gặp khó khăn gì trong việc phục hồi sinh kế, họ chỉ cần ban chỉ đạo sự án có những chương trình hỗ trợ thích hợp cho họ).

c. Phản hồi và kết luận:

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã xác định đơn giá đền bù sẽ là giá thay thế, dựa trên giá thị trường tại thời điểm chi trả (gồm giá đền bù theo đơn giá quy định của thành phố cộng những hỗ trợ từ dự án).

- Tư vấn giải thích về các chương trình hỗ trợ và phục hồi sinh kế theo các hướng dẫn và chính sách của ADB, những chương trình này sẽ tạo ra những hỗ trợ thích hợp giúp cho các hộ bị ảnh hưởng nặng phục hồi lại điều kiện sống của mình.

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng xác nhận rằng họ sẽ đưa mọi ý kiến của những người bị ảnh hưởng và đề nghị với ban chỉ đạo dự án cũng như những nhà tài trợ cho dự án để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, và thông báo đến người ảnh hưởng những cơ chế giải quyết khiếu nại ssẽ người dân biết phải làm gì nếu trong trường hợp có khiếu nại.

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật kết luận cuộc họp.

d. Tờ rơi thông tin dự án: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật yêu cầu lãnh đạo địa phương phát cho toàn bộ những người bị ảnh hưởng nếu họ không tham gia buổi tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào 9h.30 sáng, 30/8/2008.

Cuộc họp 2

Xã/ phường bị ảnh hưởng: Quảng Thắng
Làng: Khu Bắc

1. Thời gian: 1h30 chiều, 30/8/2008

2. Địa điểm: Nhà văn hoá Thôn 7

3. Người tham dự:

a. Lãnh đạo địa phương:

- Ông. Đỗ Anh Bắc, Chánh văn phòng xã Quảng Thắng
- Ông. Mai Hữu Quý, trưởng thôn 7
- Ông. Trương Sĩ Trung, trưởng thôn 8

b. Người bị ảnh hưởng:

- 26 người

4. Nội dung

a. Giới thiệu: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Phát tờ thông tin dự án đến tay những người tham dự
- Giới thiệu sơ qua về dự án, tập trung vào các hợp phần sẽ được thực hiện ở xã Quảng Thắng và các yêu cầu thu hồi đất của làng Khu Bắc.
- Giới thiệu các Chính sách của ADB về tổn thương do tái định cư, và các Chính sách của Chính phủ Việt Nam về giá cả đền bù, hỗ trợ di chuyển, và các hỗ trợ của chương trình phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng.

b. Các vấn đề và quan ngại của những người tham gia

Các ý kiến được tóm tắt như sau:

- (i) Nhìn chung, tất cả những người tham dự đều nhận biết được những thay đổi đáng kể do dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hoá mang lại cả tỉnh và thành phố, và do dự án thực hiện theo các chính sách của nhà nước nên họ đều tán thành dự án.
- (ii) Về giá cả đền bù: là vấn đề được mọi người quan tâm nhất. Họ yêu cầu giá phải hợp lý, chấp nhận được và dựa trên giá thị trường tại thời điểm đền bù. Họ cho rằng giá đền bù của tỉnh là không hợp lý so với giá thị trường nhất là trong thời điểm lạm phát hiện nay.
 - Dự án nên chú trọng đến các hộ bị tổn thương và bị ảnh hưởng nặng phụ thuộc vào nông nghiệp những người sẽ mất rất nhiều đất.
 - Về quyết định đơn giá đền bù, ban chỉ đạo dự án nên tiến hành khảo sát giá thị trường và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng đơn giá phù hợp và có thể chấp nhận được
- (iii) Quá trình thực hiện:
 - Việc thu hồi đất sẽ diễn ra gần với quá trình xây dựng để tránh lãng phí đất nông nghiệp.

- Cần có bản đồ cụ thể trong các cuộc họp của dự án khi đền bù để người bị ảnh hưởng có thể biết chính xác địa điểm xây dựng và đất bị ảnh hưởng.
 - Việc thu hồi đất và các thủ tục tái định cư phải minh bạch và thông báo đến các hộ bị ảnh hưởng. Mọi thông tin liên quan như đơn giá đền bù, các biện pháp cụ thể, kiểm kê tài sản thiệt hại và danh sách những người bị ảnh hưởng phải được niêm yết tại trụ sở của xã hoặc những nơi tập trung dân cư cho những người bị ảnh hưởng tự theo dõi quá trình thực hiện dự án.
 - Nếu người bị ảnh hưởng không thể sản xuất trên phần đất còn lại (do diện tích đất bé, bị chia cắt, thiếu các điều kiện về thủy lợi, thoát nước, v.v...) dự án nên lấy toàn bộ phần đất đó và trả tiền đền bù cho phần đất lấy đi.
 - Việc thực hiện nên làm đúng như trong kế hoạch đề ra, và nên hoàn thành càng sớm càng tốt để những người dân bị ảnh hưởng ổn định lại cuộc sống của họ.
- (iv) Các chương trình hỗ trợ phục hồi sinh kế:
- Những người bị ảnh hưởng đề nghị bên cạnh các chương trình hỗ trợ cho những hộ bị ảnh hưởng nặng (phần trăm đất bị mất là đáng kể trong toàn bộ diện tích đất), Ban chỉ đạo cũng nên xem xét đến những hộ bị mất nhiều đất nhưng không nằm trong danh sách các hộ bị tổn thương nặng do phần trăm đất bị mất.
 - Ban chỉ đạo cũng nên chú trọng vào các khoá đào tạo chuyển đổi nghề cho những người bị ảnh hưởng.

c. Phản hồi và kết luận:

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã xác định đơn giá đền bù sẽ là giá thay thế, dựa trên giá thị trường tại thời điểm chi trả (gồm giá đền bù theo đơn giá quy định của thành phố cộng những hỗ trợ từ dự án).
- Tư vấn giải thích về các chương trình hỗ trợ và phục hồi sinh kế theo các hướng dẫn và chính sách của ADB, những chương trình này sẽ tạo ra những hỗ trợ thích hợp giúp cho các hộ bị ảnh hưởng nặng phục hồi lại điều kiện sống của mình.
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng xác nhận rằng họ sẽ đưa mọi ý kiến của những người bị ảnh hưởng và đề nghị với ban chỉ đạo dự án cũng như những nhà tài trợ cho dự án để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, và thông báo đến người ảnh hưởng những cơ chế giải quyết khiếu nại nếu người dân biết phải làm gì nếu trong trường hợp có khiếu nại.
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật kết luận cuộc họp.

d. Tờ rơi thông tin dự án: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật yêu cầu lãnh đạo địa phương phát cho toàn bộ những người bị ảnh hưởng nếu họ không tham gia buổi tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào 3h.00 chiều, 30/4/2008

Cuộc họp 3

Xã/ phường bị ảnh hưởng: Quảng Thành

Làng: Thành Yên

1. Thời gian: 3h30 chiều, 30/8/2008

2. Địa điểm: Nhà văn hoá làng Thành Yên

3. Người tham dự:

a. Lãnh đạo địa phương:

- Ông. Lê Văn Toàn, Phó trưởng làng Thành Yên
- Ông. Trương Tiến Dũng, Cán bộ địa chính

b. Người bị ảnh hưởng:

- 17 người

4. Nội dung

a. Giới thiệu: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Phát tờ thông tin dự án đến tay những người tham dự
- Giới thiệu sơ qua về dự án, tập trung vào các hợp phần sẽ được thực hiện ở xã Quảng Thành và các yêu cầu thu hồi đất của làng Thành Yên.
- Giới thiệu các Chính sách của ADB về tổn thương do tái định cư, và các Chính sách của Chính phủ Việt Nam về giá cả đền bù, hỗ trợ di chuyển, và các hỗ trợ của chương trình phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng.

b. Các vấn đề và quan ngại của những người tham gia

Các ý kiến được tóm tắt như sau:

(i) Nhìn chung, tất cả những người tham dự đều nhận biết được những thay đổi đáng kể do dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hoá mang lại cả tỉnh và thành phố, và do dự án thực hiện theo các chính sách của nhà nước nên họ đều tán thành dự án.

(ii) Về giá cả đền bù:

Họ yêu cầu giá phải hợp lý, chấp nhận được và dựa trên giá thị trường tại thời điểm đền bù. Họ cho rằng giá đền bù của tỉnh là không hợp lý so với giá thị trường nhất là trong thời điểm lạm phát hiện nay.

- Dự án nên chú trọng đến các hộ bị tổn thương và bị ảnh hưởng nặng phụ thuộc vào nông nghiệp những người sẽ mất rất nhiều đất.

- Về quyết định đơn giá đền bù, ban chỉ đạo dự án nên tiến hành khảo sát giá thị trường và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng đơn giá phù hợp và có thể chấp nhận được

(iii) Quá trình thực hiện:

- Việc thu hồi đất sẽ diễn ra gần với quá trình xây dựng để tránh lãng phí đất nông nghiệp.

- Cần có bản đồ cụ thể trong các cuộc họp của dự án khi đền bù để người bị ảnh hưởng có thể biết chính xác địa điểm xây dựng và đất bị ảnh hưởng.
 - Việc thu hồi đất và các thủ tục tái định cư phải minh bạch và thông báo đến các hộ bị ảnh hưởng. Mọi thông tin liên quan như đơn giá đền bù, các biện pháp cụ thể, kiểm kê tài sản thiệt hại và danh sách những người bị ảnh hưởng phải được niêm yết tại trụ sở của xã hoặc những nơi tập trung dân cư cho những người bị ảnh hưởng tự theo dõi quá trình thực hiện dự án.
 - Nếu người bị ảnh hưởng không thể sản xuất trên phần đất còn lại (do diện tích đất bé, bị chia cắt, thiếu các điều kiện về thủy lợi, thoát nước, v.v...) dự án nên lấy toàn bộ phần đất đó và trả tiền đền bù cho phần đất lấy đi.
 - Việc thực hiện nên làm đúng như trong kế hoạch đề ra, và nên hoàn thành càng sớm càng tốt để những người dân bị ảnh hưởng ổn định lại cuộc sống của họ.
- (iv) Các chương trình hỗ trợ phục hồi sinh kế:
- Ban chỉ đạo cũng nên chú trọng vào các khoá đào tạo chuyển đổi nghề cho những người bị ảnh hưởng, nhất là giới trẻ và nghề nghiệp thay thế.
 - Những người bị ảnh hưởng cũng yêu cầu các thông tin cụ thể về các chương trình phục hồi sinh kế của dự án.

c. Phản hồi và kết luận:

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã xác định đơn giá đền bù sẽ là giá thay thế, dựa trên giá thị trường tại thời điểm chi trả (gồm giá đền bù theo đơn giá quy định của thành phố cộng những hỗ trợ từ dự án).
- Tư vấn giải thích về các chương trình hỗ trợ và phục hồi sinh kế theo các hướng dẫn và chính sách của ADB, những chương trình này sẽ tạo ra những hỗ trợ thích hợp giúp cho các hộ bị ảnh hưởng nặng phục hồi lại điều kiện sống của mình.
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng xác nhận rằng họ sẽ đưa mọi ý kiến của những người bị ảnh hưởng và đề nghị với ban chỉ đạo dự án cũng như những nhà tài trợ cho dự án để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, và thông báo đến người ảnh hưởng những cơ chế giải quyết khiếu nại để người dân biết phải làm gì nếu trong trường hợp có khiếu nại.
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật kết luận cuộc họp.

d. Tờ rơi thông tin dự án: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật yêu cầu lãnh đạo địa phương phát cho toàn bộ những người bị ảnh hưởng nếu họ không tham gia buổi tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào 5h.00 chiều, 30/4/2008

Cuộc họp 4

Xã/phường bị ảnh hưởng: Quảng Thắng

Thôn: 9

1. Thời gian: 7h.00 sáng, 31/8/2008

2. Địa điểm: Nhà văn hóa thôn 9

3. Người tham dự:

a. Lãnh đạo địa phương:

- Ông. Đỗ anh Bắc, Chánh văn phòng xã Quảng Thắng
- Ông. Lê Xuân Hữu, Trưởng thôn 9
- Ông. Trịnh Văn Khang, Bí thư thôn 9

b. Người bị ảnh hưởng:

- 14 người, trong đó có 10 người phải di chuyển.

4. Nội dung

a. Giới thiệu: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Phát tờ thông tin dự án đến tay những người tham dự
- Giới thiệu sơ qua về dự án, tập trung vào các hợp phần sẽ được thực hiện ở xã Quảng Thắng và các yêu cầu thu hồi đất của thôn 9.
- Giới thiệu các Chính sách của ADB về tổn thương do tái định cư, và các Chính sách của Chính phủ Việt Nam về giá cả đền bù, hỗ trợ di chuyển, và các hỗ trợ của chương trình phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng.

b. Các vấn đề và quan ngại của những người tham gia

Các ý kiến được tóm tắt như sau:

(i) Nhìn chung, tất cả những người tham dự đều nhận biết được những thay đổi đáng kể do dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hoá mang lại cả tỉnh và thành phố, và do dự án thực hiện theo các chính sách của nhà nước nên họ đều tán thành dự án.

(ii) Về giá cả đền bù:

Họ yêu cầu giá phải hợp lý, chấp nhận được và dựa trên giá thị trường tại thời điểm đền bù (gồm đền bù cho đất thổ cư, nhà cửa/ các công trình và các tài sản ngoài đất). Họ cho rằng giá đền bù của thành phố là thấp và không hợp lý so với giá thị trường nhất là trong thời điểm lạm phát hiện nay.

- Về quyết định đơn giá đền bù, ban chỉ đạo dự án nên tiến hành khảo sát giá thị trường và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng đơn giá phù hợp và có thể chấp nhận được

- Về kiểm kê thiệt hại, cũng nên đền bù cho các chi phí nối đường dây điện và hệ thống cấp nước mà những người bị ảnh hưởng đã chi trả.

- Việc đền bù nên dựa trên diện tích đất hiện có (mà không có tranh chấp), chứ không nên dựa trên diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sở hữu đất.

- Việc di chuyển đến các khu tái định cư phải có vị trí tương tự với vị trí nhà của họ hiện nay.

(iii) Quá trình thực hiện:

- Ban chỉ đạo dự án nên nỗ lực để đảm bảo dự án có tính khả thi và được đưa vào thực hiện, tránh tình trạng dự án treo sẽ gây bất lợi cho cuộc sống của người dân (họ không thể xây dựng, sửa chữa, hoặc chuyển nhà hoặc đất của họ).

- Nếu những người ảnh hưởng không thể sống trên phần đất con lại (do trong gia đình có nhiều thành viên sống chung) dự án nên lấy hết đất và chuyển họ đến khu tái định cư.- Việc thực hiện nên làm đúng như trong kế hoạch đề ra, và nên hoàn thành càng sớm càng tốt để những người dân bị ảnh hưởng ổn định lại cuộc sống của họ.

- Việc thu hồi đất và các thủ tục tái định cư phải minh bạch và thông báo đến các hộ bị ảnh hưởng. Mọi thông tin liên quan như đơn giá đền bù, các biện pháp cụ thể, kiểm kê tài sản thiệt hại và danh sách những người bị ảnh hưởng phải được niêm yết tại trụ sở của xã hoặc những nơi tập trung dân cư cho những người bị ảnh hưởng tự theo dõi quá trình thực hiện dự án.

- UBND xã nên cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất cho những hộ phải di dời để họ có đủ quyền nhận tiền đền bù.

c. Phản hồi và kết luận:

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã xác định đơn giá đền bù sẽ là giá thay thế, dựa trên giá thị trường tại thời điểm chi trả (gồm giá đền bù theo đơn giá quy định của thành phố cộng những hỗ trợ từ dự án).

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng xác nhận rằng họ sẽ đưa mọi ý kiến của những người bị ảnh hưởng và đề nghị với ban chỉ đạo dự án cũng như những nhà tài trợ cho dự án để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, và thông báo đến người ảnh hưởng những cơ chế giải quyết khiếu nại để người dân biết phải làm gì nếu trong trường hợp có khiếu nại.

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật kết luận cuộc họp.

d. Tờ rơi thông tin dự án: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật yêu cầu lãnh đạo địa phương phát cho toàn bộ những người bị ảnh hưởng nếu họ không tham gia buổi tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào 9h.00 sáng, 31/4/2008

Cuộc họp 5

Xã/ phường bị ảnh hưởng: phường Đông Vệ

Làng: Mật Sơn 3

1. Thời gian: 15h00 chiều, 3/9/2008

2. Địa điểm: Trụ sở HTX Mật Sơn

3. Người tham dự

a. Lãnh đạo địa phương:

- Ông. Nguyễn Công Hoan, Chủ tịch HTX Mật Sơn
- Ông. Nguyễn Thế Bảo, Thư ký
- Ông. Nguyễn Trần Xuyên, Trưởng thôn 1
- Ông. Lê Đình Hùng, Trưởng thôn 2
- Ông. Nguyễn Đình Truyền, Trưởng thôn 3
- Ông. Phạm Hữu Toàn, Kế toán

b. Người bị ảnh hưởng

- 53 người.

4. Nội dung

a. Giới thiệu: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Phát tờ thông tin dự án đến tay những người tham dự
- Giới thiệu sơ qua về dự án, tập trung vào các hợp phần sẽ được thực hiện ở phường Đông Vệ và các yêu cầu thu hồi đất của làng Mật Sơn 3.
- Giới thiệu các Chính sách của ADB về tổn thương do tái định cư, và các Chính sách của Chính phủ Việt Nam về giá cả đền bù, hỗ trợ di chuyển, và các hỗ trợ của chương trình phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng.

b. Các vấn đề và quan ngại của những người tham gia

Các ý kiến được tóm tắt như sau:

(i) Nhìn chung, tất cả những người tham dự đều nhận biết được những thay đổi đáng kể do dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hoá mang lại cả tỉnh và thành phố, và do dự án thực hiện theo các chính sách của nhà nước nên họ đều tán thành dự án.

(ii) Về giá cả đền bù:

Họ yêu cầu giá phải hợp lý, chấp nhận được và dựa trên giá thị trường tại thời điểm đền bù

- Về quyết định đơn giá đền bù, ban chỉ đạo dự án nên tiến hành khảo sát giá thị trường và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng đơn giá phù hợp và có thể chấp nhận được

(iii) Quá trình thực hiện:

- Việc thu hồi đất sẽ diễn ra gần với quá trình xây dựng để tránh lãng phí đất nông nghiệp.

- Nếu người bị ảnh hưởng không thể sản xuất trên phần đất còn lại (do diện tích đất bé, bị chia cắt, thiếu các điều kiện về thủy lợi, thoát nước, v.v...) dự án nên lấy toàn bộ phần đất đó và trả tiền đền bù cho phần đất lấy đi.

- Việc thu hồi đất cần tính toán và thiết kế kỹ càng, tránh tình trạng lượng đất thu hồi lớn hơn diện tích đất cần lấy, dẫn đến lãng phí đất.

(iv) Các chương trình hỗ trợ phục hồi sinh kế:

- Ban chỉ đạo cũng nên chú trọng vào các khoá đào tạo chuyển đổi nghề cho những người bị ảnh hưởng, nhất là giới trẻ và nghề nghiệp thay thế.

- Nên có những chương trình phục hồi sinh kế thích hợp cho những người bị ảnh hưởng nặng.

c. Phản hồi và kết luận:

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã xác định đơn giá đền bù sẽ là giá thay thế, dựa trên giá thị trường tại thời điểm chi trả (gồm giá đền bù theo đơn giá quy định của thành phố cộng những hỗ trợ từ dự án).

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng xác nhận rằng họ sẽ đưa mọi ý kiến của những người bị ảnh hưởng và đề nghị với ban chỉ đạo dự án cũng như những nhà tài trợ cho dự án để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, và thông báo đến người ảnh hưởng những cơ chế giải quyết khiếu nại để người dân biết phải làm gì nếu trong trường hợp có khiếu nại.

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật kết luận cuộc họp.

d. Tờ rơi thông tin dự án: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật yêu cầu lãnh đạo địa phương phát cho toàn bộ những người bị ảnh hưởng nếu họ không tham gia buổi tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào 17h.00, 3/9/2008

Cuộc họp 6

Xã/phường: Quảng Thành

Làng: Thanh Mai

1. Thời gian: 4h00 chiều, 3/9/2008

2. Địa điểm: Nhà văn hoá làng Thanh Mai

3. Người tham dự:

a. Lãnh đạo địa phương:

- Ông. Dũng, cán bộ địa chính
- Ông. Nguyễn Thanh Tuấn, trưởng làng Thanh Mai
- Ông. Đinh Xuân Tuấn, Đại diện người dân Thanh Mai

b. Người bị ảnh hưởng:

- 10 người

4. Nội dung

a. Giới thiệu: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Phát tờ thông tin dự án đến tay những người tham dự
- Giới thiệu sơ qua về dự án, tập trung vào các hợp phần sẽ được thực hiện ở xã Quảng Thành và các yêu cầu thu hồi đất của làng Thanh Mai.
- Giới thiệu các Chính sách của ADB về tổn thương do tái định cư, và các Chính sách của Chính phủ Việt Nam về giá cả đền bù, hỗ trợ di chuyển, và các hỗ trợ của chương trình phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng.

b. Các vấn đề và quan ngại của những người tham gia

Các ý kiến được tóm tắt như sau:

(i) Nhìn chung, tất cả những người tham dự đều nhận biết được những thay đổi đáng kể do dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hoá mang lại cả tỉnh và thành phố, và do dự án thực hiện theo các chính sách của nhà nước nên họ đều tán thành dự án.

(ii) Về giá cả đền bù:

- Họ yêu cầu giá phải hợp lý, chấp nhận được và dựa trên giá thị trường tại thời điểm đền bù. Họ cho rằng giá đền bù của tỉnh và thành phố là thấp và không hợp lý so với giá thị trường nhất là trong thời điểm lạm phát hiện nay.

- Về quyết định đơn giá đền bù, ban chỉ đạo dự án nên tiến hành khảo sát giá thị trường và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng đơn giá phù hợp và có thể chấp nhận được. Giá cả đền bù hợp lý sẽ giúp cho người dân chuyển đổi nghề và phục hồi điều kiện sống như khi dự án chưa vào.

- Nếu đơn giá đề xuất không được những người bị ảnh hưởng chấp nhận, phải có buổi đàm

phán và tư vấn giữa những người bị ảnh hưởng và dự án để đưa ra giải pháp cuối cùng cho cả 2 bên.

(iii) Quá trình thực hiện:

- Việc thu hồi đất sẽ diễn ra gần với quá trình xây dựng để tránh lãng phí đất nông nghiệp.
- Việc thu hồi đất và các thủ tục tái định cư phải minh bạch và thông báo đến các hộ bị ảnh hưởng. Mọi thông tin liên quan như đơn giá đền bù, các biện pháp cụ thể, kiểm kê tài sản thiệt hại và danh sách những người bị ảnh hưởng phải được niêm yết tại trụ sở của xã hoặc những nơi tập trung dân cư cho những người bị ảnh hưởng tự theo dõi quá trình thực hiện dự án.
- Nếu người bị ảnh hưởng không thể sản xuất trên phần đất còn lại (do diện tích đất bé, bị chia cắt, thiếu các điều kiện về thủy lợi, thoát nước, v.v...) dự án nên lấy toàn bộ phần đất đó và trả tiền đền bù cho phần đất lấy đi.

(iv) Các chương trình hỗ trợ phục hồi sinh kế:

- Người dân Thành Mai chủ yếu sống nhờ nông nghiệp. Do đó, việc thu hồi đất trong những năm gần đây làm họ gặp rất nhiều khó khăn. Những người bị ảnh hưởng đề nghị Ban chỉ đạo dự án nên chú trọng vào các khoá đào tạo chuyển đổi nghề cho những người bị ảnh hưởng, nhất là giới trẻ và nghề nghiệp thay thế.
- Bên cạnh đó, họ cũng mong muốn có những chương trình hỗ trợ và phục hồi sinh kế để giúp họ ổn định cuộc sống của mình.

c. Phản hồi và kết luận:

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã xác định đơn giá đền bù sẽ là giá thay thế, dựa trên giá thị trường tại thời điểm chi trả (gồm giá đền bù theo đơn giá quy định của thành phố cộng những hỗ trợ từ dự án).
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng xác nhận rằng họ sẽ đưa mọi ý kiến của những người bị ảnh hưởng và đề nghị với ban chỉ đạo dự án cũng như những nhà tài trợ cho dự án để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, và thông báo đến người ảnh hưởng những cơ chế giải quyết khiếu nại để người dân biết phải làm gì nếu trong trường hợp có khiếu nại.
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật kết luận cuộc họp.

d. Tờ rơi thông tin dự án: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật yêu cầu lãnh đạo địa phương phát cho toàn bộ những người bị ảnh hưởng nếu họ không tham gia buổi tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào 17h.30, 3/9/2008

Cuộc họp 7

Xã/phường bị ảnh hưởng: phường Tân Sơn

1. Thời gian: 9h:00 sáng, 4/9/2008

2. Địa điểm: Nhà văn hóa phường Tân Sơn

3. Người tham dự:

a. Lãnh đạo địa phương:

- Ông. Lê Đình Quý, Chủ tịch phường Tân Sơn
- Bà. Nguyễn Thị Hợp, Cán bộ địa chính

b. Người bị ảnh hưởng:

- 7 người

4. Nội dung

a. Giới thiệu: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Phát tờ thông tin dự án đến tay những người tham dự
- Giới thiệu sơ qua về dự án, tập trung vào các hợp phần sẽ được thực hiện ở phường Tân Sơn và các yêu cầu thu hồi đất của phường.
- Giới thiệu các Chính sách của ADB về tổn thương do tái định cư, và các Chính sách của Chính phủ Việt Nam về giá cả đền bù, hỗ trợ di chuyển, và các hỗ trợ của chương trình phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng.

b. Các vấn đề và quan ngại của những người tham gia

Các ý kiến được tóm tắt như sau:

(i) Nhìn chung, tất cả những người tham dự đều nhận biết được những thay đổi đáng kể do dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hoá mang lại cả tỉnh và thành phố, và do dự án thực hiện theo các chính sách của nhà nước nên họ đều tán thành dự án.

(ii) Về giá cả đền bù:

- Họ yêu cầu giá phải hợp lý, chấp nhận được và dựa trên giá thị trường tại thời điểm đền bù. Họ cho rằng giá đền bù của tỉnh và thành phố là thấp và không hợp lý so với giá thị trường nhất là trong thời điểm lạm phát hiện nay.
- Về quyết định đơn giá đền bù, ban chỉ đạo dự án nên tiến hành khảo sát giá thị trường và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng đơn giá phù hợp và có thể chấp nhận được.
- Gia đình Ông. Trung (Một thương binh) mong muốn chuyển đến nơi ở mới gần nơi ông đang sống, và phía có giá đền bù hợp lý để ổn định đời sống.

(iii) Quá trình thực hiện:

- Việc thu hồi đất sẽ diễn ra gần với quá trình xây dựng để tránh lãng phí đất nông nghiệp.
- Việc thu hồi đất, nên chú trọng đến việc người dân có thể sản xuất trên phần đất còn lại

(thuỷ lợi, hệ thống thoát nước). Trong trường hợp, nếu người bị ảnh hưởng không thể sản xuất trên phần đất còn lại (do diện tích đất bé, bị chia cắt, thiếu các điều kiện về thuỷ lợi, thoát nước, v.v...) dự án nên lấy toàn bộ phần đất đó và trả tiền đền bù cho phần đất lấy đi.

(iv) Các chương trình hỗ trợ phục hồi sinh kế:

- Ban chỉ đạo cũng nên chú trọng vào các khoá đào tạo chuyển đổi nghề cho những người bị ảnh hưởng.
- Bên cạnh đó, Nên có những chương trình phục hồi sinh kế thích hợp cho những người bị ảnh hưởng nặng như gia đình ông Trung.

c. Phản hồi và kết luận:

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã xác định đơn giá đền bù sẽ là giá thay thế, dựa trên giá thị trường tại thời điểm chi trả (gồm giá đền bù theo đơn giá quy định của thành phố cộng những hỗ trợ từ dự án).
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng xác nhận rằng họ sẽ đưa mọi ý kiến của những người bị ảnh hưởng và đề nghị với ban chỉ đạo dự án cũng như những nhà tài trợ cho dự án để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, và thông báo đến người ảnh hưởng những cơ chế giải quyết khiếu nại để người dân biết phải làm gì nếu trong trường hợp có khiếu nại.
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật kết luận cuộc họp.

d. Tờ rơi thông tin dự án: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật yêu cầu lãnh đạo địa phương phát cho toàn bộ những người bị ảnh hưởng nếu họ không tham gia buổi tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào 10h.00 sáng, 4/9/2008

Cuộc họp 8

Xã/ phường bị ảnh hưởng: phường Đông Vệ

Làng: Quảng Đại

1. Thời gian: 15h30, 4/9/2008

2. Địa điểm: Trụ sở HTX Quảng Đại

3. Người tham dự:

a. Lãnh đạo địa phương:

- Ông. Nguyễn Xuân Huân, Chủ tịch HTX Quảng Đại
- Ông. Nguyễn Văn Đệ, phó chủ tịch HTX Quảng Đại
- Bà. Phạm Thi Luyện, Kế toán

b. Người bị ảnh hưởng:

- 37 hộ (trong số 40 người ở Quảng Đại).

4. Nội dung

a. Giới thiệu: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Phát tờ thông tin dự án đến tay những người tham dự
- Giới thiệu sơ qua về dự án, tập trung vào các hợp phần sẽ được thực hiện ở phường Đông Vệ và các yêu cầu thu hồi đất của làng Quảng Đại.
- Giới thiệu các Chính sách của ADB về tổn thương do tái định cư, và các Chính sách của Chính phủ Việt Nam về giá cả đền bù, hỗ trợ di chuyển, và các hỗ trợ của chương trình phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng.

b. Các vấn đề và quan ngại của những người tham gia

Các ý kiến được tóm tắt như sau:

(i) Nhìn chung, tất cả những người tham dự đều nhận biết được những thay đổi đáng kể do dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hoá mang lại cả tỉnh và thành phố, và do dự án thực hiện theo các chính sách của nhà nước nên họ đều tán thành dự án.

(ii) Liên quan đến giá đền bù:

- Họ yêu cầu giá phải hợp lý, chấp nhận được và dựa trên giá thị trường tại thời điểm đền bù.
- Về quyết định đơn giá đền bù, ban chỉ đạo dự án nên tiến hành khảo sát giá thị trường và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng đơn giá phù hợp và có thể chấp nhận được, tránh tình trạng khiếu kiện của những người bị ảnh hưởng sau khi đền bù.
- Việc đền bù nên tiến hành đúng hạn (ví dụ, người dân ở Quảng Đại vẫn còn bất bình với dự án trước, khi việc thu hồi đất tiến hành vào năm 2003, nhưng đến năm 2008 người dân mới nhận được tiền đền bù).

(iii) Quá trình thực hiện:

- Việc thu hồi đất sẽ diễn ra gần với quá trình xây dựng để tránh lãng phí đất nông nghiệp.
- Nếu người bị ảnh hưởng không thể sản xuất trên phần đất còn lại (do diện tích đất bé, bị chia cắt, thiếu các điều kiện về thủy lợi, thoát nước, v.v...) dự án nên lấy toàn bộ phần đất đó và trả tiền đền bù cho phần đất lấy đi.

(iv) Các chương trình hỗ trợ phục hồi sinh kế:

- Ban chỉ đạo cũng nên chú trọng vào các khoá đào tạo chuyển đổi nghề cho những người bị ảnh hưởng, đặc biệt là giới trẻ, và các công việc thay thế. Quảng Đại không có nhiều đất do đó họ phải chuyển đổi nghề nghiệp, điều đó là rất khó khăn đối với họ.
- Nên có những chương trình phục hồi sinh kế thích hợp cho những người bị ảnh hưởng nặng.

c. Phản hồi và kết luận:

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã xác định đơn giá đền bù sẽ là giá thay thế, dựa trên giá thị trường tại thời điểm chi trả (gồm giá đền bù theo đơn giá quy định của thành phố cộng những hỗ trợ từ dự án).
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng xác nhận rằng họ sẽ đưa mọi ý kiến của những người bị ảnh hưởng và đề nghị với ban chỉ đạo dự án cũng như những nhà tài trợ cho dự án để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, và thông báo đến người ảnh hưởng những cơ chế giải quyết khiếu nại để người dân biết phải làm gì nếu trong trường hợp có khiếu nại.
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật kết luận cuộc họp.

d. Tờ rơi thông tin dự án: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật yêu cầu lãnh đạo địa phương phát cho toàn bộ những người bị ảnh hưởng nếu họ không tham gia buổi tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào 17h.00, 4/9/2008

Cuộc họp 9

Xã/phường bị ảnh hưởng: Đông Cương
Thôn 5 và 6

1. Thời gian: 2h:00 chiều, 4/9/2008

2. Địa điểm: Nhà văn hoá thôn 6, xã Đông Cương

3. Người tham dự:

a. lãnh đạo địa phương:

- Ông. Lê Ngọc Lẫy, trưởng thôn 6, xã Đông Cương
- Ông. Nguyễn Thái Lan, trưởng thôn 5, xã Đông Cương
- Ông. Nguyễn Xuân Toàn, Bí thư thôn 5
- Ông. Lê Xuân Nghinh, Bí thư thôn 6

b. Người bị ảnh hưởng:

- 139 người

4. Nội dung

a. Giới thiệu: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Phát tờ thông tin dự án đến tay những người tham dự
- Giới thiệu sơ qua về dự án, tập trung vào các hợp phần sẽ được thực hiện ở xã Đông Cương và các yêu cầu thu hồi đất của xã.
- Giới thiệu các Chính sách của ADB về tổn thương do tái định cư, và các Chính sách của Chính phủ Việt Nam về giá cả đền bù, hỗ trợ di chuyển, và các hỗ trợ của chương trình phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng.

b. Các vấn đề và quan ngại của những người tham gia

Các ý kiến được tóm tắt như sau:

(i) Nhìn chung, tất cả những người tham dự đều nhận biết được những thay đổi đáng kể do dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hoá mang lại cả tỉnh và thành phố, và do dự án thực hiện theo các chính sách của nhà nước nên họ đều tán thành dự án.

(ii) Về giá cả đền bù:

- Họ yêu cầu giá phải hợp lý, chấp nhận được và dựa trên giá thị trường tại thời điểm đền bù. Họ cho rằng giá đền bù của tỉnh và thành phố là thấp và không hợp lý so với giá thị trường nhất là trong thời điểm lạm phát hiện nay.
- Về quyết định đơn giá đền bù, ban chỉ đạo dự án nên tiến hành khảo sát giá thị trường và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng đơn giá phù hợp và có thể chấp nhận được. Giá cả đền bù hợp lý sẽ giúp cho người dân chuyển đổi nghề và phục hồi điều kiện sống như khi dự án chưa vào.

- Nếu đơn giá đề xuất không được những người bị ảnh hưởng chấp nhận, phải có buổi đàm phán và tư vấn giữa những người bị ảnh hưởng và dự án để đưa ra giải pháp cuối cùng cho cả 2 bên.

(iii) Quá trình thực hiện:

- Việc thu hồi đất sẽ diễn ra gần với quá trình xây dựng để tránh lãng phí đất nông nghiệp.
- Việc thu hồi đất, nên chú trọng đến việc người dân có thể sản xuất trên phần đất còn lại (thuỷ lợi, hệ thống thoát nước). Trong trường hợp, nếu người bị ảnh hưởng không thể sản xuất trên phần đất còn lại (do diện tích đất bé, bị chia cắt, thiếu các điều kiện về thuỷ lợi, thoát nước,v.v...) dự án nên lấy toàn bộ phần đất đó và trả tiền đền bù cho phần đất lấy đi.

(iv) Các chương trình hỗ trợ phục hồi sinh kế:

- Người dân ở xã Đông Cương nói chung có trình độ văn hoá thấp, phụ thuộc hoàn toàn vào nông nghiệp. Do đó, việc thu hồi đất những năm gần đây làm họ gặp rất nhiều khó khăn. Người tham dự đề nghị ban chỉ đạo dự án nên chú trọng vào các khoá đào tạo nghề để chuyển đổi nghề cho những người bị ảnh hưởng, các chương trình đào tạo phải phù hợp với độ tuổi, đặc biệt quan tâm đến người già và nhóm người bị tổn thương.
- Bên cạnh đó, họ mong muốn có những chương trình phục hồi sinh kế thích hợp cho những người bị ảnh hưởng để họ phục hồi sinh kế.

c. Phản hồi và kết luận:

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã xác định đơn giá đền bù sẽ là giá thay thế, dựa trên giá thị trường tại thời điểm chi trả (gồm giá đền bù theo đơn giá quy định của thành phố cộng những hỗ trợ từ dự án).
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng xác nhận rằng họ sẽ đưa mọi ý kiến của những người bị ảnh hưởng và đề nghị với ban chỉ đạo dự án cũng như những nhà tài trợ cho dự án để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, và thông báo đến người ảnh hưởng những cơ chế giải quyết khiếu nại để người dân biết phải làm gì nếu trong trường hợp có khiếu nại.
- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật kết luận cuộc họp.

d. Tờ rơi thông tin dự án: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật yêu cầu lãnh đạo địa phương phát cho toàn bộ những người bị ảnh hưởng nếu họ không tham gia buổi tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào 4h.00 chiều, 4/9/2008

Cuộc họp 10

Xã/phường bị ảnh hưởng: Quảng Thịnh

1. Thời gian: 8.00 tối, 4/9/2008

2. Địa điểm: Nhà văn hoá làng Trường Sơn, xã Quảng Thịnh

3. Người tham dự:

a. Lãnh đạo địa phương:

- Ông. Lê Văn Quý, Bí thư làng
- Ông. Đỗ Khắc Lâm, trưởng làng
- Ông. Lê Văn Hùng, Nhân viên bảo vệ

b. Người bị ảnh hưởng:

- 145 người

4. Nội dung

a. Giới thiệu: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật

- Phát tờ thông tin dự án đến tay những người tham dự
- Giới thiệu sơ qua về dự án, tập trung vào các hợp phần sẽ được thực hiện ở xã Quảng Thịnh và các yêu cầu thu hồi đất của làng Trường Sơn.
- Giới thiệu các Chính sách của ADB về tổn thương do tái định cư, và các Chính sách của Chính phủ Việt Nam về giá cả đền bù, hỗ trợ di chuyển, và các hỗ trợ của chương trình phục hồi sinh kế cho những người bị ảnh hưởng.

b. Các vấn đề và quan ngại của những người tham gia

Các ý kiến được tóm tắt như sau:

(i) Nhìn chung, tất cả những người tham dự đều nhận biết được những thay đổi đáng kể do dự án phát triển toàn diện kinh tế - xã hội thành phố Thanh Hoá mang lại cả tỉnh và thành phố, và do dự án thực hiện theo các chính sách của nhà nước nên họ đều tán thành dự án.

(ii) Liên quan đến giá đền bù:

- Họ yêu cầu giá phải hợp lý, chấp nhận được và dựa trên giá thị trường tại thời điểm đền bù. Họ cho rằng giá đền bù của tỉnh và thành phố là thấp và không hợp lý so với giá thị trường nhất là trong thời điểm lạm phát hiện nay.
- Về quyết định đơn giá đền bù, ban chỉ đạo dự án nên tiến hành khảo sát giá thị trường và tư vấn cho những người bị ảnh hưởng đơn giá phù hợp và có thể chấp nhận được. Giá cả đền bù hợp lý sẽ giúp cho người dân chuyển đổi nghề và phục hồi điều kiện sống như khi dự án chưa vào.
- Nếu đơn giá đề xuất không được những người bị ảnh hưởng chấp nhận, phải có buổi đàm phán và tư vấn giữa những người bị ảnh hưởng và dự án để đưa ra giải pháp cuối cùng cho cả 2 bên.

(iii) Quá trình thực hiện:

- Việc thu hồi đất sẽ diễn ra gần với quá trình xây dựng để tránh lãng phí đất nông nghiệp. Nếu dự án bị treo sau khi thu hồi đất, nên có một số hình thức đền bù cho vụ mùa của họ do thu hồi đất sớm

- Việc thu hồi đất, nên chú trọng đến việc người dân có thể sản xuất trên phần đất còn lại (thuỷ lợi, hệ thống thoát nước). Trong trường hợp, nếu người bị ảnh hưởng không thể sản xuất trên phần đất còn lại (do diện tích đất bé, bị chia cắt, thiếu các điều kiện về thuỷ lợi, thoát nước, v.v...) dự án nên lấy toàn bộ phần đất đó và trả tiền đền bù cho phần đất lấy đi.

(iv) Các chương trình hỗ trợ và phục hồi:

- Ban chỉ đạo cũng nên chú trọng vào các khoá đào tạo chuyển đổi nghề cho những người bị ảnh hưởng, đặc biệt là giới trẻ.

- Bên cạnh đó, họ cũng mong muốn có những chương trình phục hồi sinh kế thích hợp để họ phục hồi sinh kế, quan tâm đặc biệt đến người già, các nhóm người nghèo và tổn thương.

c. Phản hồi và kết luận:

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật đã xác định đơn giá đền bù sẽ là giá thay thế, dựa trên giá thị trường tại thời điểm chi trả (gồm giá đền bù theo đơn giá quy định của thành phố cộng những hỗ trợ từ dự án).

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cũng xác nhận rằng họ sẽ đưa mọi ý kiến của những người bị ảnh hưởng và đề nghị với ban chỉ đạo dự án cũng như những nhà tài trợ cho dự án để đẩy nhanh quá trình thực hiện dự án, và thông báo đến người ảnh hưởng những cơ chế giải quyết khiếu nại để người dân biết phải làm gì nếu trong trường hợp có khiếu nại.

- Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật kết luận cuộc họp.

d. Tờ rơi thông tin dự án: Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật yêu cầu lãnh đạo địa phương phát cho toàn bộ những người bị ảnh hưởng nếu họ không tham gia buổi tham vấn.

Cuộc họp kết thúc vào 9h.30 tối, 4/9/2008